

TUẦN 1

BÀI 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 1000 (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Đọc, viết, xếp được thứ tự các số đến 1 000 (ôn tập).
- + Nhận biết được cấu tạo và phân tích số của số có ba chữ số, viết số thành tổng các trăm, chục và đơn vị (ôn tập).
- + Nhận biết được ba số tự nhiên liên tiếp (bổ sung)

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Khởi động: (3-5')</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi Truyen điện: Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>2. Luyện tập</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 5, 6 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. <p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>* Bài 1: Viết số và đọc số lần lượt theo thứ tự các hàng trăm, chục, đơn vị)/VBT tr.5</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các câu hỏi trong trò chơi) - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. - Học sinh trả lời: - Học sinh nhận xét - HS lắng nghe cách thực hiện - HS nhận xét

- GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt.

=> *Gv chốt củng cố* về kiến thức đọc, viết số

*** Bài 2: Nói (theo mẫu) (VBT/5)**

- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “*Ai nhanh, Ai đúng?*”

+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “*Một con vịt*”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.

- Cho học sinh nhận xét

- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

=> *Gv chốt củng cố* về kiến thức đọc, viết số thành tổng các trăm, chục và đơn vị

*** Bài 3: Viết các số dưới đây thành tổng các trăm, chục, đơn vị. VBT/6**

- GV cho học sinh lên thực hiện

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức

=> *Gv chốt cách* viết số thành tổng các trăm, chục và đơn vị

*** Bài 4: Số?VBT/6**

- GV cho HS nêu giá trị các số liền trước, liền sau

- Số liền trước là những số đứng trước số đã cho và kém số đã cho 1 đơn vị.

- Số liền sau là những số đứng sau số đã cho và hơn số đã cho 1 đơn vị.

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau

- HS lắng nghe, quan sát

- 2 HS đại diện 2 dãy lên bảng làm bài

- HS giải thích cách nói

+ Số gồm 7 trăm, 0 chục và 7 đơn vị viết là 707

+ Số gồm 2 trăm, 3 chục và 1 đơn vị viết là 231

+ Số gồm 5 trăm, 5 chục và 5 đơn vị viết là 555

+ Số gồm 9 trăm, 8 chục và 4 đơn vị viết là 984

- HS thảo luận tìm hiểu đề

$$139 = 100 + 30 + 9$$

$$321 = 300 + 20 + 1$$

$$803 = 800 + 3$$

$$950 = 900 + 50$$

$$777 = 700 + 70 + 7$$

$$614 = 600 + 10 + 4$$

- HS lắng nghe cách thực hiện

- HS trình bày làm bài

+ Số liền trước số 120 là số đứng trước số 120 và kém số 120 một đơn vị, số đó là 119;

+ Số liền sau số 120 là số đứng sau số 120 và hơn số 120 một đơn vị, số đó là 121.

.....

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét giờ học. <p>=> <i>Củng cố cách cách tìm số liền trước, số liền sau</i></p> <p>Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm để được ba số liên tiếp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. - Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yc bài toán - HS trình bày bài tập <p>a) 35; 36; 37 (Ba số tự nhiên liên tiếp) 35; 37; 39 (Ba số lẻ liên tiếp)</p> <p>b) 39; 40; 41 (Ba số tự nhiên liên tiếp) 30; 40; 50 (Ba số tròn chục liên tiếp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. <p>3. Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại nội dung bài. - GV nhận xét giờ học. 	
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TUẦN 1

BÀI 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 1000 (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố so sánh số, thứ tự số (tìm số lớn nhất, số bé nhất) liên hệ với số liên tiếp (bài tập 2) và phát triển năng lực (bài tập 4)
- Nhận biết được cấu tạo và phân tích số của số có ba chữ số, viết số thành tổng các trăm, chục và đơn vị (ôn tập).
- Nhận biết được ba số tự nhiên liên tiếp (bổ sung)

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Khởi động: (3-5')</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ: + Câu 1: + Câu 2: - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>2. Luyện tập</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 6 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. <p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>Bài 1. $>$, $<$, $=$:</p> <p>? Bài yêu cầu gì?</p> <p>= GV yêu cầu HS nêu trước lớp</p> <p>H: Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>=> Củng cố: <i>Cách so sánh số có 3 chữ số</i></p> <p>Bài 2. Số?</p> <p>? Bài yêu cầu gì?</p> <p>GV yêu cầu HS nêu trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau. <p>H: Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>=> Củng cố: cách điền các số liên tiếp dựa theo quy luật của dãy số.</p> <p>Bài 3. Viết các số 786, 768, 867, 687 theo thứ tự:</p> <p>? Bài yêu cầu gì?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa) - HS lắng nghe. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - Hs trả lời - HS đọc trước lớp <p>Thực hiện tính toán và so sánh các cặp chữ số cùng hàng từ trái qua phải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm, nêu yêu cầu - HS trình bày.. <p>a, 400, 40, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409</p> <p>b, 900, 899, 898, 897, 896, 895, 894, 893, 892</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định xem số liền sau hơn hoặc kém số liền trước bao nhiêu đơn vị. Xác định quy luật của dãy số - HS đọc thầm, nêu yêu cầu

<p>- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>H: Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>=> Củng cố: cách điền các số liên tiếp dựa theo quy luật của dãy số.</p> <p>Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm..</p> <p>- GV cho HS chơi trò chơi.</p> <p>- GV cho HS theo dãy</p> <p>- Nhận xét, đánh giá bài HS.</p> <p>=> <i>Củng cố cách so sánh các số có ba chữ số.</i></p> <p>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p>	<p>- HS trình bày..</p> <p>a) Từ lớn đến bé: 867; 786; 768; 687</p> <p>b) Từ bé đến lớn: 687; 768; 786; 867.</p> <p>- So sánh các chữ số cùng hàng của các số. Rồi sắp xếp</p> <p>- HS lắng nghe luật chơi</p> <p>- HS thực hiện trước lớp</p> <p>Kết quả:</p> <table><tr><td>+</td><td>Vậy</td><td>gấu</td><td>trắng</td><td>cân</td></tr><tr><td>nặng 243 kg,</td><td>gấu</td><td>nâu</td><td>cân</td><td></td></tr><tr><td>nặng 231 kg,</td><td>gấu</td><td>đen</td><td>cân</td><td></td></tr><tr><td>nặng 234 kg</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>	+	Vậy	gấu	trắng	cân	nặng 243 kg,	gấu	nâu	cân		nặng 231 kg,	gấu	đen	cân		nặng 234 kg				
+	Vậy	gấu	trắng	cân																	
nặng 243 kg,	gấu	nâu	cân																		
nặng 231 kg,	gấu	đen	cân																		
nặng 234 kg																					
<p>3. Vận dụng</p> <p>- Nhắc lại nội dung bài.</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p>																					
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>																					

TUẦN 1

BÀI 2: ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1000 (T1)**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Năng lực đặc thù**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Tính nhẩm, đặt tính rồi tính được các phép cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 1000 (ôn tập).
- + Biết đặt tính rồi tính các phép tính các phép tính dạng 100 trừ đi một số hoặc có tổng là 100. Chẳng hạn: $100 - 84$; $84 + 16$ (bổ sung)
- + Thông qua hoạt động luyện tập thực hành, vận dụng giải bài toán thực tế.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: - GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ: + Câu 1: + Câu 2: - GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa) - HS lắng nghe.
2. Luyện tập Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/7 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 7 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài
Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: Bài 1. Tính nhẩm: ? Bài yêu cầu gì?	

<p>- GV yêu cầu HS nêu trước lớp</p> <p>H: Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>=> Củng cố: Cách cộng, trừ với số tròn chục, tròn trăm.</p> <p>Bài 2. Đặt tính rồi tính:</p> <p>? Bài yêu cầu gì?</p> <p>- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>H: Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>=> Củng cố: cách đặt tính theo cột dọc.</p> <p>Bài 3. Giải toán có lời văn:</p> <p>? Bài yêu cầu gì?</p> <p>- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>=> Củng cố: cách giải toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ.</p> <p>Bài 4: Chọn câu trả lời đúng</p> <p>- GV cho HS chơi trò chơi.</p> <p>- GV cho HS theo dõi</p> <p>- Nhận xét, đánh giá bài HS.</p>	<p>- Hs trả lời</p> <p>- HS đọc trước lớp.</p> <p>a) $60 + 20 = 80$ b) $500 + 300 = 800$</p> <p>$80 - 60 = 20$ $800 - 500 = 300$</p> <p>$80 - 20 = 60$ $800 - 300 = 500$</p> <p>Cách nhẩm: 6 chục cộng 2 chục = 8 chục.</p> <p>- HS đọc thầm, nêu yêu cầu</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>+ Đặt tính sao cho các hàng thẳng cột với nhau. Sau đó tính theo thứ tự từ phải sang trái</p> <p>- HS đọc thầm, nêu yêu cầu</p> <p>- HS trình bày..</p> <p>a) Con lợn và con chó cân nặng tất cả số ki – lô – gam là:</p> <p>$75 + 25 = 100$ (kg)</p> <p>b) Con chó nhẹ hơn con lợn số ki – lô – gam là:</p> <p>$75 - 25 = 50$ (kg)</p> <p>Đáp số: a) 100 kg b) 50 kg.</p> <p>- HS lắng nghe luật chơi</p> <p>- HS thực hiện trước lớp</p> <p>Kết quả</p> <p>Vậy $225 + 38 = 263$ $281 - 19 = 262$ $125 + 161 = 286$</p> <p>Ta thấy: $286 > 263 > 262$ (do số 286 có chữ số hàng chục là 8, số 263 và số 262 có chữ số hàng chục là 6).</p>
---	--

<p>$\Rightarrow$ <i>Củng cố cách so sánh các số có ba chữ số.</i></p> <p>- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.</p>	<p>Trong ba số trên, số lớn nhất là 286, là kết quả của phép tính $125 + 161$.</p>
<p>3. Vận dụng</p> <p>H: Giờ học hôm nay em được ôn lại những kiến thức gì?</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p>	<p>- HS trả lời</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TUẦN 1

BÀI 2: ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1000 (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Cách tìm được số hạng chưa biết trong một tổng số bị trừ, số trừ (dựa vào mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính)
- + Vận dụng giải được các bài tập, bài toán có liên quan
- + Thông qua các hoạt động giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến tìm phép cộng, phép trừ.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Khởi động: (3-5')</p> <p>- GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ:</p>	<p>- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả)</p>

- + Câu 1:
- + Câu 2:
- GV Nhận xét, tuyên dương.

2. Luyện tập

Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 8 Vở Bài tập Toán.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 8 Vở Bài tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

Bài 1. Số:

? Bài yêu cầu gì?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

H: Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

=> **Củng cố: Cách tìm tổng, tìm hiệu**

Bài 2. Đặt tính rồi tính:

? Bài yêu cầu gì?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

H: Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

=> **Củng cố: cách đặt tính và điền số vào ô trống.**

Bài 3. Giải toán có lời văn:

? Bài yêu cầu gì?

các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa)

- HS lắng nghe.

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

- Hs làm bài

- Hs trả lời

- HS đọc trước lớp.

Số bị trừ	456	527	634
Số trừ	231	342	208
Hiệu	225	185	426

Số hạng	216	308	451
Số hạng	432	327	173
Tổng	648	635	624

- Em thực hiện các phép cộng, trừ

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

- HS trình bày..

- Tính theo chiều mũi tên.

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

- HS trình bày..

<p>- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>=> Củng cố: cách tính phép cộng, phép trừ và so sánh các số có ba chữ số</p> <p>Bài 4: Giải toán có lời văn</p> <p>- GV cho HS đọc bài toán</p> <p>- GV cho HS trình bày</p> <p>- Nhận xét, đánh giá bài HS.</p> <p>=> <i>Củng cố cách giải toán có liên quan đến phép cộng và phép trừ.</i></p> <p>- GV khen HS.</p>	<p>+ Bông hoa A: $125 + 35 = 160$</p> <p>+ Bông hoa B: $168 + 103 = 271$</p> <p>+ Bông hoa C: $472 - 317 = 155$</p> <p>+ Bông hoa D: $392 - 125 = 267$</p> <p>+ Bông hoa E: $270 - 110 = 160$</p> <p>- So sánh các kết quả: 160; 271; 155; 267; 160.</p> <p>Ta thấy: $271 > 267 > 160 > 155$.</p> <p>Trong các số trên, số lớn nhất là 271, tương ứng với kết quả của bông hoa B.</p> <p>Do đó bông hoa B ghi phép tính có kết quả lớn nhất.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc bài toán có lời văn, phân tích bài toán, nêu cách trình bày bài giải.</p> <p>a) Buổi chiều cửa hàng bán được số lít nước mắm là:</p> $100 - 25 = 75 (l)$ <p>b) Cả hai buổi cửa hàng bán được số lít nước mắm là:</p> $100 + 75 = 175 (l)$ <p>Đáp số: a) 75 l b) 175 l</p>
<p>3. Vận dụng</p> <p>- Giờ học hôm nay em được ôn lại những kiến thức gì?</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p>	<p>- HS trả lời</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TUẦN 1

BÀI 3: TÌM THÀNH PHẦN CỦA PHÉP CÔNG, PHÉP TRỪ (Tiết 1)**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Năng lực đặc thù**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Cách tìm được số hạng chưa biết trong một tổng số bị trừ, số trừ (dựa vào mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính)
- + ận dụng giải được các bài tập, bài toán có liên quan
- + Thông qua các hoạt động giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến tìm phép cộng, phép trừ.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: - GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ: + Câu 1: + Câu 2: - GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa) - HS lắng nghe.
2. Luyện tập Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 9 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 9 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài

bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

Bài 1. Số:

? Bài yêu cầu gì?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- GV Nhận xét, tuyên dương.

=> **Củng cố: Cách tìm số hạng: Lấy tổng trừ đi số hạng**

Bài 2. Đặt tính rồi tính:

? Bài yêu cầu gì?

GV yêu cầu HS nêu trước lớp

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

H: Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

=> **Củng cố: cách Tìm số hạng, tìm tổng**

Bài 3. Giải toán có lời văn:

? Bài yêu cầu gì?

- Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

=> **Củng cố: cách giải toán có liên quan đến phép cộng**

Bài 4: Số?

- GV cho HS chơi trò chơi.

- GV cho HS theo dõi

- Nhận xét, đánh giá bài HS.

=> **Củng cố cách điền số vào ô trống.**

- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.

- Hs trả lời

- HS đọc trước lớp.

a) $17 + 14 = 31$

b) $45 + 35 = 80$

c) $85 + 15 = 100$

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

- HS trình bày..

Số hạng	35	27	16	6
Số hạng	14	15	34	36
Tổng	49	42	50	42

Cách tìm số hạng: Lấy tổng trừ đi số hạng

Cách tìm tổng: Lấy số hạng cộng với số hạng

- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

- HS trình bày..

Cả đội: 100 người

Nữ: 60 người

Nam: ... người?

Bài giải

Đội đồng diễn có số nam là:

$100 - 60 = 40$ (người)

Đáp số: 40 người

- HS lắng nghe

- HS lắng nghe luật chơi

- HS thực hiện trước lớp

Kết quả

Vậy ta điền số vào ô trống như sau:

$12 + 28 + 20 = 60$

3. Vận dụng

- Giờ học hôm nay em được ôn lại những kiến thức gì? - GV nhận xét giờ học.	- HS trả lời
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

TUẦN 2

TOÁN

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 3: TÌM THÀNH PHẦN TRONG PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được số bị trừ, số trừ chưa biết cần tìm
- Biết cách tìm số bị trừ, số trừ (dựa vào mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính)
- Vận dụng giải được các bài tập, bài toán có liên quan

2. Năng lực chung.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; Bảng phụ BT 2

2. Học sinh: Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: Biết	- HS thực hiện - HS lắng nghe

cách tìm và tìm số bị trừ, số trừ (dựa vào mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính)	
2. Luyện tập Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 10 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4,5/ 10, Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài
Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: Bài 1. Số (Làm việc nhóm 2) a) <input type="text"/> - 25 = 56 b) <input type="text"/> - 35 = 47 c) <input type="text"/> - 18 = 82 - GV nhận xét, tuyên dương. => Gv chốt cách tìm số bị trừ Bài 2: (Làm việc cá nhân) Số: a) 72 - <input type="text"/> = 28 b) 45 - <input type="text"/> = 10 a) 100 - <input type="text"/> = 64 - GV cho HS làm việc cá nhân. - GV cho HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV yêu cầu học sinh tìm được số trừ - GV hỏi HS vì sao em tìm được số trừ đó? - GV Nhận xét, tuyên dương. => Gv chốt cách tìm số trừ Bài 3: (Làm việc cá nhân) Số: - GV cho HS làm việc cá nhân.	- HS nối tiếp nhau trả lời a/ $81 - 25 = 56$ b/ $82 - 35 = 47$ c/ $100 - 18 = 82$ - HS nhận xét - Hs lắng nghe - HS nối tiếp nhau đọc kết quả - HS nhận xét - Nêu cách tìm số trừ. - HS nêu kết quả

<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV yêu cầu học sinh tìm được số trừ, SBT - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>=> <i>Gv chốt cách tìm số bị trừ, số trừ</i></p> <p>Bài 4: (Làm việc cá nhân) Bài toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đề bài, phân tích đề toán - GV cho HS lên bảng chữa bài <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tuyên dương. <p>=> <i>Gv chốt cách tìm số bị trừ</i></p> <p>Bài 5: (Làm việc cá nhân). Bài toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn học sinh phân tích bài toán: (Bài toán cho biết gì? hỏi gì) nêu cách giải. - - GV hướng dẫn cho HS nắm được Số trứng mẹ đã bán = Số trứng có - Số trứng còn lại. - GV gọi HS lên bảng chữa bài <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau - GV nhận xét tuyên dương. <p>=> <i>Gv chốt cách tìm số trừ</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét - Nêu cách tìm số trừ, số bị trừ. <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài toán có lời văn, phân tích BT, nêu cách trình bày bài giải. - 1 HS lên bảng chữa bài, dưới lớp đọc bài làm <p style="text-align: center;">Bài giải: Số viên bi lúc đầu có là: $15 + 20 = 35$ (viên) Đáp số: 35 viên bi</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài toán có lời văn, phân tích BT, nêu cách trình bày bài giải. - 1 HS lên bảng chữa bài, dưới lớp đọc bài làm <p style="text-align: center;">Bài giải: Số trứng mẹ đã bán là: $70 - 15 = 55$ (quả) Đáp số: 55 quả trứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét
<p>3. Vận dụng.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết quy tắc tìm thành phần chưa biết. đọc số, viết số... + Bài toán:.... - Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + HS trả lời:.....

4. Điều chỉnh sau bài dạy:

.....

.....

.....

TOÁN**CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG****Bài 04: ÔN TẬP BẢNG NHÂN 2; 5, BẢNG CHIA 2; 5 (Tiết 1)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố bảng nhân 2, bảng chia 2 và vận dụng luyện tập, thực hành một số bài tập về phép nhân, phép chia trong bảng, dãy số cách đều 2, tính trong trường hợp có 2 dấu phép tính (nhân, chia), giải toán có lời văn (một bước tính)

2. Năng lực chung.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động:- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Biết số trừ là 56, hiệu là 18. Vậy số bị trừ là: + Câu 2: Biết số bị trừ là 150, hiệu là 48. Vậy số trừ là: - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: Số bị trừ là: $56 + 18 = 74$ + Trả lời: Số trừ là: $150 - 48 = 142$ - HS lắng nghe.
2. HĐ Luyện tập: Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.	

<ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 11 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 11 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV YC HS nêu cách làm - Yêu cầu học sinh đọc kết quả - YC HS đọc bảng nhân 2, chia 2 - GV nhận xét, tuyên dương. <p>=>Gv chốt bảng nhân 2, chia 2</p> <p>Bài 2: (Làm việc nhóm đôi) Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS tìm các số còn thiếu trong dãy ở câu a và câu b và giải thích vì sao? - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>=>Gv chốt BT củng cố KT về dãy số cách đều 2</p> <p>Bài 3: (Làm việc cá nhân) Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nối tiếp đọc kết quả - GV mời HS nêu cách làm - GV nhận xét, tuyên dương. <p>=>Gv chốt BT củng cố KT về bảng nhân 2, chia 2</p> <p>Bài 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc bài toán - GV hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu cách làm từng ý, nối tiếp nhau đọc kết quả - HS khác nhận xét - HS đọc - HS nêu YC của bài - HS đọc – HS nhận xét - 1HS nối tiếp đọc - HS nêu cách làm - 1HS đọc bài toán - HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi lọ hoa cắm 2 bông hoa + 6 lọ như vậy có bao nhiêu bông hoa cúc?

<p>- GV yêu cầu HS lên bảng chữa bài, dưới lớp theo dõi</p> <p>- GV chữa bài làm đúng</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.</p> <p>=>Gv chốt BT củng cố KT bài giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân 2</p>	<p>- HS lên bảng, dưới lớp đọc bài làm của mình</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p style="text-align: center;"><i>6 lọ cắm số bông hoa là:</i></p> <p style="text-align: center;">$2 \times 6 = 12$ (bông)</p> <p style="text-align: center;"><i>Đáp số: 12 bông hoa</i></p> <p>- HS nhận xét</p>
<p>3. Vận dụng.</p>	
<p>- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 2 và bảng chia 2</p> <p>+ Câu 1: $2 \times 6 = ?$</p> <p>+ Câu 2: $18 : 2 = ?$</p> <p>+ Câu 3: 8 đôi đĩa có bao nhiêu chiếc đĩa?</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ Câu 1: $2 \times 6 = 12$</p> <p>+ Câu 2: $18 : 2 = 9$</p> <p>+ Câu 3: 8 đôi đĩa có 16 chiếc đĩa</p> <p>- HS nghe</p>
<p>4. Điều chỉnh sau bài dạy:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 04: ÔN TẬP BẢNG NHÂN 2; 5, BẢNG CHIA 2; 5 (Tiết 2) – Trang 12

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố bảng nhân 5, bảng chia 5 và vận dụng luyện tập, thực hành một số bài tập về phép nhân, chia trong bảng, dãy số cách đều 5, về so sánh kết quả của phép tính, giải toán thực tế có lời văn.

2. Năng lực chung.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: $2 \times 5 = ?$ + Câu 2: 6 con thỏ có bao nhiêu cái tai? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Trả lời: $2 \times 5 = 10$ + Trả lời: 6 con thỏ có 12 cái tai - HS lắng nghe. - HS nghe
<p>2. Luyện tập:</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 12 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 12 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu học sinh nối tiếp đọc bài làm - GV nhận xét, tuyên dương. - GV cho HS nhận xét hàng tích của câu a và hàng số bị chia ở câu b 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu yêu cầu bài - HS đọc bài làm, HS nhận xét - 1 HS trả lời: + Hàng tích của câu a là dãy số cách đều 5 tăng dần + Hàng số bị chia của câu là

<p>- Nhận xét tuyên dương. =>Gv chốt BT củng cố bảng nhân 5, bảng chia 5</p> <p>Bài 2: (Làm việc nhóm đôi)</p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài bài 2 - Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV Nhận xét, tuyên dương. =>Gv chốt BT củng cố KT bài giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân 2</p> <p>Bài 3: (Làm việc cá nhân) > ; < ; = ?</p> <p>- GV mời HS nêu yêu cầu của bài -YC HS tính nhẩm tính kết quả của các phép tính rồi so sánh 2 kết quả và điền dấu thích hợp vào ô có dấu “?” vào vở, - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương. =>Gv chốt BT củng cố so sánh các giá trị biểu thức</p> <p>Bài 4:</p> <p>- GV mời HS đọc bài toán - GV hỏi: + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - GV yêu cầu HS lên bảng làm bài</p> <p>- GV chiếu bài làm của HS, HS nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương. =>Gv chốt BT củng cố KT bài giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân 5</p>	<p>dãy số cách đều 5 giảm dần.</p> <p>- HS nghe</p> <p>- 1HS đọc - HS nghe, nhận xét</p> <p>- 1HS nêu: > ; < ; = - HS làm vào vở. - 1HS nêu kết quả $a/ > \quad b/ < \quad c/ =$ - Các HS khác nhận xét - HS lắng nghe</p> <p>- 1HS đọc bài toán - HS trả lời: + Có 50 bông hoa, mỗi lọ c 5 bông + Cắm được bao nhiêu lọ hoa? - HS lên bảng làm, dưới lớp đọc bài làm.</p> <p><i>Bài giải</i> <i>8 khung cần số nan tre là:</i> $8 \times 3 = 24 \text{ (nan)}$ <i>Đáp số: 24 nan tre.</i></p> <p>- HS quan sát và nhận xét bài bạn -HS nghe</p>
<p>3. Vận dụng.</p> <p>- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến</p>

chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 5 và bảng chia 5 + Câu 1: $5 \times 6 = ?$ + Câu 2: $45 : 5 = ?$ - Nhận xét, tuyên dương	thức đã học vào thực tiễn. - HS trả lời: + Câu 1: $5 \times 6 = 30$ + Câu 2: $45 : 5 = 9$ - HS nghe
4. Điều chỉnh sau bài dạy:	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 05: BẢNG NHÂN 3, BẢNG CHIA 3 (Tiết 1) – Trang 13

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố cách tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân, chia 3.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động: - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: $5 \times 3 = ?$ + Câu 2: $35 : 5 = ?$ - GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: $5 \times 3 = 15$ + Trả lời: $35 : 5 = 7$ - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.
--	---

<ul style="list-style-type: none"> - GV dẫn dắt vào bài mới 	
<p>2. Luyện tập</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 13 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 13 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS nêu YC của bài - Yêu cầu học sinh tính nhẩm các phép tính trong bảng nhân 3 và viết số thích hợp ở dấu “?” trong bảng vào vở. - Chiều vở của HS và mời lớp nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương. <p>=> <i>Gv chốt BT củng cố bảng nhân 3</i></p> <p>Bài 2: (Làm việc nhóm đôi) Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS đọc bài làm và giải thích cách làm <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV chốt BT củng cố về dãy số cách đều 3 <p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc bài toán - GV hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Bài toán cho biết gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu: Số - HS làm vào vở, nối tiếp đọc kết quả - Hs nhận xét - HS quan sát và nhận xét - HS đọc bài làm và nêu cách làm <p>a/ 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30</p> <p>b/ 30; 27; 24; 21; 18; 15; 12; 9; 6; 3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời HS nhận xét lẫn nhau. - 1HS đọc bài toán - HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi khung cần 3 nan tre

<p>+ Bài toán hỏi gì?</p> <p>- GV yêu cầu HS lên bảng làm bài</p> <p>- GV chiếu bài làm của HS, HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>=> Gv chốt BT củng cố KT về giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân 3</p> <p>Bài 4: (Làm việc cá nhân) > ; < ; = ?</p> <p>- GV mời HS nêu yêu cầu của bài</p> <p>- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>=> Gv chốt BT củng cố về so sánh giá trị các phép tính trong bảng nhân 3</p>	<p>+ 8 khung cần bao nhiêu nan?</p> <p>- HS lên bảng chữa bài, dưới lớp đọc bài làm</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p style="text-align: center;"><i>8 khung cần số nan tre là:</i></p> <p style="text-align: center;">$8 \times 3 = 24 \text{ (nan)}$</p> <p style="text-align: center;"><i>Đáp số: 24 nan tre.</i></p> <p>- HS quan sát và nhận xét bài bạn</p> <p>- HS nghe</p> <p>- 1HS nêu: > ; < ; =</p> <p>- 1HS nêu kết quả</p> <p style="text-align: center;">$a/ = \quad b/ < \quad c/ >$</p> <p>- Các HS khác nhận xét</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>3. Vận dụng.</p> <p>- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 3</p> <p>+ Câu 1: $3 \times 6 = ?$</p> <p>+ Câu 2: $3 \times 9 = ?$</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ Câu 1: $3 \times 6 = 18$</p> <p>+ Câu 2: $3 \times 9 = 27$</p> <p>- HS nghe</p>
<p>4. Điều chỉnh sau bài dạy:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 05: BẢNG NHÂN 3, BẢNG CHIA 3 (Tiết 2) – Trang 14

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Cùng cố cách tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng chia 3.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: $3 \times 5 = ?$ + Câu 2: $3 \times 9 = ?$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: $3 \times 5 = 15$ + Trả lời: $3 \times 9 = 27$ - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.
2. Luyện tập Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 13 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 13 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?	

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS nêu YC của bài - Yêu cầu học sinh vận dụng bảng chia 3 và viết số thích hợp ở dấu “?” trong bảng vào vở. - YC HS đọc bài làm - GV nhận xét, tuyên dương. <p>=>Gv chốt BT củng cố các phép tính trong bảng chia 3</p> <p>Bài 2: (Làm việc cá nhân) Chọn kết quả cho mỗi phép tính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS nối mỗi phép tính ở con ong với kết quả tương ứng ở cạnh hoa vào phiếu học tập - Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>=>Gv chốt BT củng cố các phép tính trong bảng chia 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu: Số - HS làm vào vở - HS đọc bài làm, nhận xét <p><i>Các số lần lượt điền vào bảng là: a) 3; 7; 2; 5; 6; 4; 10; 8; 9</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghe - 1HS nêu: Nêu các số còn thiếu - HS nối mỗi phép tính ở con ong với kết quả tương ứng vào phiếu học tập - HS khác NX - HS nghe
<p>Bài 3: (Làm việc nhóm đôi) Nối hai phép tính có cùng kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS đọc kết quả và giải thích cách làm - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV chốt BT củng cố các phép tính trong bảng nhân, chia đã học <p>Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc bài toán - GV hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - GV yêu cầu HS lên bảng chữa bài 	<ul style="list-style-type: none"> - 1HS nêu: Hai phép tính nào dưới đây có cùng kết quả? - HS đọc bài làm và nêu cách làm - Hs nhận xét - HS nghe - 1HS đọc bài toán - HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> + Có 30 bạn, mỗi nhóm 3 bạn + Chia được bao nhiêu nhóm. - HS lên bảng chữa bài, dưới lớp đọc bài làm

<p>- GV nhận xét, tuyên dương. =>Gv chốt BT củng cố KT về giải toán có lời văn liên quan đến bảng chia 3</p>	<p><i>Bài giải</i> <i>Số nhóm chia được là:</i> $30 : 3 = 10$ (nhóm) <i>Đáp số: 10 nhóm</i> - HS nhận xét bài bạn - HS nghe</p>
<p>3. Vận dụng. - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 3, bảng chia 3 + Câu 1: Mỗi hộp có 3 bút chì. Hỏi 8 hộp như vậy có bao nhiêu bút chì? + Câu 2: $24 : 3 = ?$ - Nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS trả lời: + Câu 1: 8 hộp như vậy có 24 bút chì. + Câu 2: $24 : 3 = 8$ - HS nghe</p>
<p>4. Điều chỉnh sau bài dạy:</p>	

TUẦN 3:

TOÁN

Bài 06: BẢNG NHÂN 4, BẢNG CHIA 4 (Tiết 1) – Trang 15

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:

- Ôn tập bảng nhân 4
- Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 4.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; Bảng phụ BT 2

2. **Học sinh:** Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. - Cách tiến hành:
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi: Truyền điện học thuộc bảng nhân 4 để khởi động bài học. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới
<p>2. Luyện tập</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 15 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 15 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS nêu YC của bài - Yêu cầu học sinh tính nhẩm các phép tính trong bảng nhân 4 và viết số thích hợp trong bả <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. - GV chốt: BT Củng cố: Bảng nhân 4 <p>Bài 2: (Làm việc nhóm đôi) Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV treo bảng phụ - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nêu các số còn thiếu ở câu a và câu b

- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV gọi HS giải thích cách tìm các số còn thiếu

- GV nhận xét, tuyên dương
- GV chốt: BT Củng cố: dãy số cách đều 4

Bài 3

- GV mời HS đọc bài toán
- GV hỏi:
 - + Bài toán cho biết gì?
 - + Bài toán hỏi gì?
- GV yêu cầu HS lên bảng chữa bài

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV chốt: BT Củng cố về bài giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân 4

Bài 4

- GV mời HS đọc bài toán
- GV hỏi: + Bài toán cho biết gì?
- + Bài toán hỏi gì?
- GV yêu cầu HS đọc bài làm

Hoạt động của giáo viên

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV chốt: BT Củng cố về bài giải toán có lời văn liên quan đến bảng nhân 4

3. Vận dụng.

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 4
- + Câu 1: $4 \times 5 = ?$
- + Câu 2: $4 \times 8 = ?$
- Nhận xét, tuyên dương

4. Điều chỉnh sau bài dạy:**TOÁN****Bài 06: BẢNG NHÂN 4, BẢNG CHIA 4 (Tiết 2) – Trang 16****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố bảng chia 4
- Củng cố cách tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 4 và bảng chia 4.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**1. Giáo viên:** Vở bài tập Toán; bảng phụ BT 3**2. Học sinh:** Vở bài tập toán**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. - Truyền điện học thuộc bảng chia 4 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
2. Luyện tập Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 16 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 16 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số? <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS nêu YC của bài - Yêu cầu học sinh vận dụng bảng chia 4 và viết số thích hợp vào ô trống trong bảng <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. - GV chốt: BT Củng cố: Bảng chia 4 Bài 2: (Làm việc cá nhân) Phép tính nào dưới đây có kết quả bé nhất ? <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS đọc bài làm và nêu cách tìm phép tính có kết quả bé nhất <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV chốt: BT Củng cố các phép tính trong bảng chia 4 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu: Số - HS nối tiếp đọc bài làm <i>Các số lần lượt điền vào bảng là: 3; 6; 5; 9; 8; 10; 7</i> - Hs nhận xét - 1HS nêu - HS nêu: <i>Phép tính C ghi phép tính có kết quả bé nhất</i> - HS khác NX - HS nghe
Bài 3: (Làm việc cá nhân) Số? <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS tính nhẩm và đọc kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> - 1HS nêu: Số. - HS đọc kết quả

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. - $32 : 4$ và $8 : 4$ Em có nhận xét gì về 2 phép tính này? - GV NX - GV chốt: BT Cùng cố các phép tính trong bảng chia 4 <p>Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc bài toán - GV hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - GV yêu cầu HS lên bảng chữa bài - GV nhận xét, tuyên dương. - GV chốt: BT Cùng cố về bài toán có lời văn liên quan đến bảng chia 4 	$32 : 4 = 8 : 4 = 2 : 2 = 1$ - HS khác nhận xét - HS trả lời: Đây là các phép tính trong bảng chia 4 - HS nghe - 1HS đọc bài toán - HS trả lời: + Có 16 bánh xe, biết 1 xe ô tô con có 4 bánh xe + Hỏi có tất cả bao nhiêu xe ô tô con đang ở điểm đỗ đó? - HS lên bảng chữa bài, HS dưới lớp đọc bài <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i> Số xe ô tô con là: $16 : 4 = 4$ (xe) Đáp số: 4 xe ô tô con</p> - HS nhận xét bài bạn - HS nghe
<p>3. Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 4, bảng chia 4 + Câu 1: Có 36 cái bút chia vào 4 hộp. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu cái bút? + Câu 2: $24 : 4 = ?$ - Nhận xét, tuyên dương 	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS trả lời: + Câu 1: Mỗi hộp có 9 cái bút. + Câu 2: $24 : 4 = 6$

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
	- HS nghe
4. Điều chỉnh sau bài dạy:	
.....	
.....	
.....	

TOÁN

Bài 7: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T1) – Trang 17,18

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Cùng cố nhận biết được khối lập phương, khối hộp chữ nhật khối trụ, khối cầu qua hình ảnh các đồ vật và qua hình vẽ. Cùng cố về ba điểm thẳng hàng
- Cùng cố cách tính độ dài đường gấp khúc và giải bài toán thực tế
- Vẽ hình theo hình mẫu trên giấy ô vuông

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

I. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; bảng phụ BT 3

2. Học sinh: Vở bài tập toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + GV trình chiếu phép tính nhân 4, chia 4 + HS chọn kết quả đúng. + HS đọc bảng nhân, chia 4 - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + HS ghi kết quả vào bảng con + HS nhận xét, chữa bài - HS lắng nghe.
2. Luyện tập	

<p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 17 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 17 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>Bài 1a. Nối (theo mẫu)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu yêu cầu của bài. - GV YC HS nối các hình - GV YC HS lấy ví dụ trong thực tế một số đồ vật có dạng hình khối đã học. - Gv nhận xét, tuyên dương <p>Bài 1b. Khoanh vào trước câu trả lời đúng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu yêu cầu của bài. - GV yêu cầu HS nêu cách làm bài - GV YC HS nêu quy luật sắp xếp các hình - YC HS nêu đáp án - GV và HS nhận xét và bổ sung. - GV chốt: BT Củng cố cách nhận biết các hình khối đã học <p>Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tìm hiểu yêu cầu của bài rồi làm bài. - GV YC HS quan sát hình vẽ xem ba điểm nào cùng nằm trên một đoạn thẳng - Khi chữa bài, GV yêu cầu HS nêu tên ba điểm thẳng hàng trong từng trường hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu của bài. - Hs nối các hình tương ứng - Hs nhận xét - HS lấy ví dụ - Cá nhân tự suy nghĩ và tìm đáp án - HS trả lời trước lớp: theo thứ tự khối hộp chữ nhật, khối trụ, khối lập phương, khối cầu và lặp lại ba lần. - Đáp án : C - HS nhận xét câu trả lời. - HS nêu yêu cầu của bài. - HS quan sát và trả lời: A, N, B là ba điểm thẳng hàng; N, H, C là ba điểm thẳng hàng; A, H, M là ba điểm thẳng hàng; B, M, C

- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV chốt: BT Củng cố về ba điểm thẳng hàng

Bài 3: Giải bài toán

- GV cho HS tìm hiểu đề bài:

+ Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?

- Gv YC HS nêu cách giải

- GV và HS chữa bài

- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV chốt: BT Củng cố về cách tính độ dài đường gấp khúc

Bài 4. Vẽ hình theo mẫu

- GV YC HS nêu các bước sau:

-.YC HS vẽ vào vở, 1 HS lên bảng

là ba điểm thẳng hàng.

- HS nhận xét câu trả lời của bạn

- HS đọc bài toán

- HS trả lời câu hỏi

+ Con kiến bò qua đường gấp khúc.

+ Con kiến bò được bao nhiêu cm?

- HS nêu: Độ dài quãng đường con kiến phải bò đến miếng bánh là độ dài đường gấp khúc ABCD.

- HS đổi vở kiểm tra bài

- 1HS làm vào bảng nhóm

Bài giải

Quãng đường con kiến phải bò có độ dài là:

$$252 + 138 + 210 = 600 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 600 cm.

- HS nêu:

+ Quan sát kĩ hình cần vẽ (hình mẫu).

+ Chấm các điểm đặc biệt của hình cần vẽ (theo hình mẫu).

+ Nối các điểm theo hình mẫu.

+ Tô màu trang trí hình ngôi nhà để tạo thành bức tranh (tùy theo ý của từng em).

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. <p>Bài 5. Khoanh vào chữ trước câu trả lời đúng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS cách giải dạng bài này: Đếm số hình đơn trước (hình gồm một hình tứ giác), sau đó đếm số hình tứ giác gồm một số hình đơn. - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS vẽ vào vở - HS trao đổi vở - HS nhận xét bài bạn và trình bày trước lớp. - HS đọc yêu cầu của bài - HS tìm câu trả lời. - HS trao đổi nhóm đôi - HS trả lời trước lớp. <p>Kết quả: Chọn B</p>
<p>3. Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận dạng được các hình khối đã học; nhận biết được ba điểm thẳng hàng; cách tính độ dài đường gấp khúc; vẽ hình theo hình mẫu trên giấy ô vuông. + Bài toán:..... - Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + HS trả lời:.....
<p>IV. Điều chỉnh sau bài dạy:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

Bài 7: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T2) – Trang 19, 20

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố nhận biết được giờ theo buổi trong ngày, ngày trong tháng. Đọc được giờ trên đồng hồ.
- Tính được độ dài đường gấp khúc.
- Xác định được cân nặng của một số đồ vật dựa vào cân đồng hồ. Thực hiện được phép cộng, trừ số đo khối lượng (kg) và dung tích (l).
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến số đo độ dài, khối lượng, dung tích.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; bảng phụ BT 4

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + GV trình chiếu bài tính độ dài đường gấp khúc, cách vẽ 1 hình theo mẫu. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + HS nêu cách thực hiện + HS nêu cách tính - HS lắng nghe.
2. Luyện tập Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3 / 19, 20 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 19 20 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: Bài 1. Số? <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu yêu cầu của bài. - GV YC HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu của bài. - HS tự tìm câu trả lời - HS trả lời trước lớp và nhận

<p>- Lưu ý: Sau khi chữa bài, GV có thể hỏi thêm HS, chẳng hạn:</p> <p>+ Câu a: Cả sầu riêng và dưa hấu cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?</p> <p>+ Câu b: Can bé đựng ít hơn can to bao nhiêu lít nước mắm?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>Bài 2: Chọn câu trả lời đúng.</p> <p>- YC HS đọc đề bài</p> <p>- Gọi HS nối tiếp trả lời câu hỏi và giải thích vì sao?</p> <p>- GV và HS nhận xét và bổ sung.</p>	<p>xét câu trả lời của bạn</p> <p>+ Quả dưa hấu cân nặng 5 kg, quả sầu riêng cân nặng 2 kg.</p> <p>+ Quả sầu riêng nhẹ hơn quả dưa hấu 3 kg ($5 \text{ kg} - 2 \text{ kg} = 3 \text{ kg}$).</p> <p>+ Can thứ nhất có 10l nước mắm</p> <p>+ Can thứ hai có 15 l nước mắm</p> <p>+ Cả hai can có 25l nước mắm</p> <p>+ Can to đựng nhiều hơn can bé 5l nước mắm</p> <p>- HS trả lời</p> <p>- HS nêu yêu cầu của bài.</p> <p>- HS nối tiếp trả lời</p> <p>a/ đáp án b</p> <p>b/ đáp án C</p> <p>HS nêu cách tính ý b: tính nhầm lần lượt, bắt đầu từ ngày 14/10 là thứ Bảy, ngày 15/10 là Chủ nhật..., ngày 20/10 là thứ Sáu. Hoặc có thể nhầm: ngày 14 là thứ Bảy, vậy sau 1 tuần là ngày 21 cũng là thứ Bảy, nhưng đề bài hỏi ngày 20/10 nên lùi lại 1 ngày do đó ngày <u>20/10</u> là thứ Sáu. Chọn C.</p> <p><u>- HS nhận xét bài làm của bạn.</u></p>
--	--

- GV Nhận xét, tuyên dương.

Bài 3: Giải bài toán

- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tìm hiểu đề bài (cho biết gì, hỏi gì, phải làm phép tính gì?)

- GV chữa bài cho HS.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 4. Nói hai đồng hồ chỉ cùng giờ vào buổi chiều hoặc buổi tối (theo mẫu)

- GV YC HS nêu cách làm bài:

- Khi chữa bài, GV cho HS nêu lần lượt hai đồng hồ chỉ cùng giờ.

- GV và HS chữa bài cho HS

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 5. Đố bạn!

- GV yêu cầu HS tìm hiểu đề bài rồi suy nghĩ cách làm bài.

- HS đọc yêu cầu của bài.

- HS trả lời câu hỏi:

+ 1 tuần ăn hết 5kg gạo. Có 15 kg gạo thì ăn trong mấy tuần?

+ Thực hiện phép chia

- HS làm bài vào vở.

- 1HS làm vào bảng nhóm và trình bày trước lớp.

Bài giải

Số tuần để gia đình cô Bình ăn hết 15 kg gạo là:

$15 : 5 = 3$ (tuần)

Đáp số: 3 tuần.

- HS đọc yêu cầu của bài

- HS quan sát hình nêu giờ vào buổi chiều hoặc buổi tối của đồng hồ A, B, C, D.

- HS làm bài

- HS nêu kết quả trước lớp

+ Đồng hồ A chỉ 3 giờ 15 phút chiều hay 15 giờ 15 phút chiều

+ Đồng hồ B chỉ 8 giờ 30 phút chiều hay 20 giờ 30 phút;

+ Đồng hồ C chỉ 9 giờ hay 21 giờ tối

+ Đồng hồ D chỉ 4 giờ 15 phút hay 16 giờ 15 phút chiều.

- HS trao đổi nhóm 4 tìm cách thực hiện

<p>- GV nhận xét tuyên dương.</p>	<p>- HS trao đổi trước lớp: Có thể làm như sau: 2l đổ hết vào can 5l, trong can 5l đổ 3l nước. + Lần 2: Lấy đầy can 3l đổ vào cho đầy can 2l. Khi đó, trong can 3l còn 1l nước ($3l - 2l = 1l$) - HS nhận xét cách làm của bạn</p>
<p>3. Vận dụng.</p> <p>- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết được cân nặng của một số đồ vật dựa vào cân đồng hồ; thực hiện được phép tính với số đo đại lượng (kg, l); xem được giờ trên đồng hồ; giải được bài toán thực tế liên quan đến phép tính với số đo đại lượng.</p> <p>+ Bài toán:.....</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ HS trả lời:.....</p>
<p>IV. Điều chỉnh sau bài dạy:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

Bài 08: LUYỆN TẬP CHUNG (T1) – Trang 21,22

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- củng cố so sánh và sắp xếp được 4 số trong phạm vi 1 000 theo thứ tự từ bé đến lớn.
- củng cố viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.
- thực hiện được phép cộng, phép trừ và thực hiện tính có hai phép tính cộng, trừ trong phạm vi 1 000.
- giải được bài toán về nhiều hơn trong thực tiễn.
- phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; bảng phụ BT 3

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. <p>GV cho quan sát và lần lượt đọc số giờ trên các mặt đồng hồ: 6 giờ 55 phút; 10 giờ 10 phút; 1 giờ 50 phút ; 3 giờ 45 phút .</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;">    </div> <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi - HS trả lời ứng với các mặt đồng hồ: + 6 giờ 55 phút + 10 giờ 10 phút + 1 giờ 50 phút + 3 giờ 45 phút - HS lắng nghe.
<p>2. Luyện tập</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 21 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 21, 22 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài

<p>cô chăm chữa lên làm bài.</p> <p>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</p>	<p>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</p>
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <p>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</p> <p>Bài 1. (Làm việc cá nhân)</p> <p>a)Viết tên các con vật theo thứ tự cân nặng từ lớn đến bé.</p> <p>- GV cho HS nêu câu</p> <p>- GV YC HS làm việc nhóm</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>H: Để viết tên các con vật theo thứ tự cân nặng từ lớn đến bé em là như thế nào?</p> <p>=> <i>Gv chốt cách cách so sánh các số có ba chữ số</i></p> <p>b) Viết các số 285, 309, 666,710 thành tổng các trăm, chục, đơn vị.(theo mẫu)</p> <p>- GV cho HS làm bài tập vào vở.</p> <p>- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>=> <i>Gv chốt cách viết số thành tổng các trăm, chục và đơn vị</i></p> <p>Bài 2: (Làm việc cá nhân) Đặt tính rồi tính?</p> <p>- GV cho HS nêu câu</p> <p>- GV cho HS làm vào vở, 2-3 HS lên bảng chữa</p>	<p>- HS nêu yêu cầu</p> <p>- HS làm việc nhóm</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày</p> <p>+ Viết tên các con vật theo thứ tự cân nặng từ lớn đến bé: Linh dương, Cá sấu, Gấu đen, Báo hoa</p> <p>- HS làm bài tập vào vở.</p> <p>285= 200 + 80 + 5</p> <p>309= 300 + 9</p> <p>666= 600 + 60 + 6</p> <p>710= 700 + 10</p> <p>- HS làm vào vở</p> <p>a)</p> <p>//</p> <p>/b)</p>

- GV Nhận xét, tuyên dương.

=> Gv chốt cách đặt tính rồi tính phép tính cộng, trừ các số có hai, ba chữ số

Bài 3: Giải bài toán có lời văn.

- GV cho HS đọc đề toán, tìm hiểu đề bài (cho biết gì? hỏi gì? Phải làm phép tính gì?)
- GV cho HS làm bài tập vào vở.
- Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 4. (Làm việc nhóm 4) Số?

- GV cho HS nêu câu
- GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.

Số bị trừ	72	65	265
Số trừ	38	38	46
Hiệu	34	27	219

- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.
- GV Nhận xét, tuyên dương.

Bài 5. (Làm việc cá nhân) Số?

- HS nhận xét
- HS lắng nghe.

- HS nêu

- HS làm vào vở.

- 1 HS lên bảng giải

Bài giải:

Số học sinh trường Tiểu học Nguyễn

Huệ có là:

$$674 + 45 = 719 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 719 học sinh

- HS nêu yêu cầu
- HS làm việc theo nhóm.
- HS nêu kết quả:

- HS nhận xét lẫn nhau.
- HS lắng nghe.

- HS nêu yêu cầu

- HS làm việc cá nhân.

- HS nêu kết quả

<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu yêu cầu - GV dành cho HS khá , giỏi - GV cho HS quan sát nhận ra $8 + 8 = 16$, 16 ở ô trên và chính giữa hai ô có số 8; $8 + 7 = 15$; 15 ở ô trên và chính giữa hai ô có số 8 và số 7; $16 + 15 = 31$; 31 ở ô trên và chính giữa hai ô có số 16 và 15. Từ đó tìm được các số ở các ô còn lại. - GV Nhận xét, tuyên dương. 	/
<p>3. Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết tổng các trăm, chục, đơn vị. + Viết các số 332,869, thành tổng các trăm, chục, đơn vị. - Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + HS làm vào bảng con
<p>4. Điều chỉnh sau bài dạy:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TUẦN 4

TOÁN

Bài 08: LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- củng cố cách thực hiện được phép nhân, phép chia trong bảng đã học
- Thực hiện được tính nhẩm phép nhân, phép chia với (cho) 1 một cách tương đối chính xác.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> + Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng: + Thực hiện được phép nhân, phép chia trong bảng đã học + Thực hiện được tính nhẩm phép nhân, phép chia với (cho) 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. Luyện tập. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 23 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4,5/ 23,24 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.

<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Tính nhẩm)/VBT tr.23 - GV soi bài làm của HS + Nhận xét bài của bạn? - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời <p>=> <i>Gv chốt: Một số nhân với 1 được kết quả bằng bao nhiêu?</i></p> <p><i>Một số chia cho 1 thì được kết quả bằng bao nhiêu?</i></p> <p>*Tương tự với trường hợp chia cho 1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát bài làm của bạn - HS nhận xét. - Học sinh trả lời: $2 \times 1 = 2$ $3 \times 1 = 3$ $5 \times 1 = 5$
<p>* Bài 2: Nối theo mẫu (VBT/23)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài yêu cầu gì? - Thực hiện yêu cầu phần a vào vở bài tập - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. <p>H: Em có nhận xét gì về thừa số thứ nhất, Thừa số thứ hai, tích của các phép nhân ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào nhận xét trên hoàn thành tiếp phần b vào vbt. - Đọc lại nhận xét? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - HS làm bài vào vở bài tập. - HS trình bày kết quả - HS nhận xét - HS lắng nghe, quan sát - 3-4 HS đọc.
<p>* Bài 3: VBT/23 Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu yêu cầu - GV cho HS làm bài tập vào vbt. - GV cho học sinh lên thực hiện - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức <p>=> <i>Gv chốt các bảng nhân, chia đã học</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu: - HS làm việc theo nhóm - HS nêu từng phép tính.
<p>* Bài 4: VBT/24.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 hs đọc bài toán + Bài toán hỏi gì? - GV lưu ý: Trước khi giải bài toán cần đổi 1 chục = 10 - Giải bài toán vào vbt 	<ul style="list-style-type: none"> + Hỏi Lan đã cắm vào mỗi lọ bao nhiêu bông hoa? - HS làm vbt

<p>- Gọi HS lên chia sẻ bài.</p> <p>* Bài 5: VBT/24. Số?</p> <p>- Đọc yêu cầu?</p> <p>- HS làm việc vào vở bài tập.</p> <p>- Chữa bài: $2 \times ? = 10$ $4 \times ? = 16$ $14 : ? = 7$</p> <p>b) GV dành cho HS khá ,giỏi GV HS quan sát “tháp số” để nhận ra: $1 \times 5 = 5$; 2 ô trên và chính giữa hai ô có số 1 và số 5; $5 \times 1 = 5$; 5 ở ô trên và chính giữa hai ô có số 1 và số 5..... Từ đó tìm được các số ở các ô còn lại.</p> <p>- GV nhận xét. Chốt lời giải đúng.</p>	<p>- HS lên chia sẻ.</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4</p> <p>- Đại diện các nhóm nêu ý kiến</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét. Bổ sung.</p>
<p>3. Vận dụng</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p> <p>- GV tổ chức trò chơi: Chuyển bóng sau bài học để học sinh nhận biết phép nhân, phép chia với (cho) 1.</p> <p>$1 \times 1 = ?$ $3 : 1 = ?$ $1 \times 5 = ?$ $6 : 1 = ?$ $1 \times 3 = ?$ $4 : 1 = ?$</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- HS nghe</p> <p>- HS thực hiện</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN
CHỦ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG
BÀI 8: LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- củng cố cách thực hiện tính nhẩm phép nhân, phép chia trong bảng đã học
- Thực hiện được tính nhẩm phép nhân, phép chia có số 0.
- củng cố cách tính độ dài đường gấp khúc dựa vào phép nhân.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép nhân đã học.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; Bảng phụ BT 2

2. Học sinh: Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - HS làm bảng con để khởi động bài học. $2 \times \square = 12$ $12 : \square = 6$ $1 \times \square = 5$ $25 : \square = 5$ - GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS làm bảng con - HS nêu kết quả - HS lắng nghe.

<ul style="list-style-type: none"> - GV dẫn dắt vào bài mới 	
<p>2. Luyện tập.</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 24,25 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4,5/ 24, 25 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>Bài 1.(Làm việc cá nhân) Tính(theo mẫu)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu yêu cầu và đọc mẫu - GV cho làm vở bài tập - Cho HS nêu kết quả <p>H: Em có nhận xét gì về thừa số thứ nhất, thừa số thứ hai, tích của 3 phép nhân?</p> <p>H: Vậy 0 nhân với 1 số cho kết quả là bao nhiêu?</p> <p>=> <i>Gv chốt:</i></p> <p><i>Số 0 nhân với số nào cũng bằng 0</i></p> <p><i>Số 0 chia cho số nào khác 0 cũng bằng 0</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. <p>Bài 2: (Làm việc nhóm 2) Nói 2 phép tính có cùng kết quả?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu yêu cầu - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào vbt. - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu và đọc mẫu - HS làm việc cá nhân - HS nêu kết quả <p>a) $0 \times 6 = 0$; $0 \times 4 = 0$; $0 \times 7 = 0$</p> <p>b) $0 \times 2 = 0$ $0 \times 8 = 0$</p> <p style="padding-left: 40px;">$0 \times 5 = 0$ $0 \times 9 = 0$</p> <p style="padding-left: 40px;">$0 : 2 = 0$ $0 : 8 = 0$</p> <p style="padding-left: 40px;">$0 : 5 = 0$ $0 : 9 = 0$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời. - HS nhắc lại - HS nêu YC - HS làm VBT - HS trình bày – nhận xét - HS lắng nghe

<p>Bài 3: (Làm việc cá nhân) Giải bài toán có lời văn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề toán, tìm hiểu đề bài (cho biết gì? hỏi gì? Phải làm phép tính gì?) - GV cho HS làm bài vào vbt <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. <p>Bài 4. (Làm việc cá nhân) Tính độ dài đường gấp khúc ABCDE</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu yêu cầu - GV gợi ý cho HS đường gấp khúc ABCDE có 4 đoạn thẳng có cùng độ dài là 4 cm vậy ta nên làm phép tính gì? - GV cho làm vbt - YCHS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>=> Gv chốt: Nêu cách tính độ dài đường gấp khúc?</p> <p>Bài 5. (Làm việc cá nhân) Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu yêu cầu - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào vbt. - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề trả câu hỏi - HS làm vào vbt - 1 HS lên chia sẻ <p>Bài giải:</p> <p>Số quyển vở tổ Hai góp được là:</p> $4 \times 9 = 36(\text{quyển vở})$ <p>Đáp số: 36 quyển vở</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu - HS làm vào vbt <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu bài làm: <p>Bài giải:</p> <p>Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:</p> $4 \times 4 = 16(\text{cm})$ <p>Đáp số: 16 cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu - HS làm vào vbt. - HS nêu kết quả - HS lắng nghe
<p>3. Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để HS nhận biết được Thực hiện được tính nhẩm phép nhân, phép chia 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

với 0: $0 \times 2 =$ $0 \times 3 =$ $0 : 3 =$ $0 : 3 =$ - Nhận xét, tuyên dương	- HS trả lời
IV. Điều chỉnh sau bài dạy:	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA

ÔN BÀI 9: BẢNG NHÂN 6, BẢNG CHIA 6 (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố được bảng nhân 6, bảng chia 6.
- Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 6, bảng chia 6.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; Bảng phụ BT 2

2. **Học sinh:** Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức trò chơi “ <i>Giúp ong về tổ</i> ” để khởi động bài học. + Câu 1: $5 \times 6 = \dots$ A. 11 B. 30 C. 1 D. 35 + Câu 2: $16 : 4 = \dots$ A. 12 B. 20 C. 4 D. 9 + Câu 3: $0 : 5 = \dots$ A. 1 B. 0 C. 5 D. 50 + Câu 4: 7 con gà có mấy cái chân? Biết 1 con gà có 2 cái chân A. 9 cái chân B. 14 cái chân C. 6 cái chân D. 32 cái chân - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi - HS Trả lời: + Câu 1: B + Câu 2: C + Câu 3: B + Câu 4: B - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.
2. Luyện tập. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 26 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 26,27 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: Bài 1. (Làm việc cá nhân) Số? - GV mời 1 HS nêu YC của bài - Yêu cầu học sinh tính nhẩm các phép tính, tìm	- 1 HS nêu: Điền số - HS làm vào vbt

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>và viết các kết quả của phép tính ở mỗi ô trống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều bài làm của HS và mời lớp nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương. - GV cho HS nhận xét về mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia <p>=> Gv chốt: Ta lấy tích của phép tính nhân chia cho thừa số này thì kết quả là thừa số kia. Đó là mối quan hệ của phép nhân và phép chia.</p> <p>Bài 2: (Làm việc nhóm đôi) Nói (Theo mẫu)?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và tính nhẩm các phép tính trong bảng nhân, chia (đã học) để nối phép tính với kết quả vào vbt. - Mời đại diện nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV hỏi HS: <p>+ Vì sao em nối chú chó mang phép tính $42: 6$ với ô số 7? ...</p> <p>=> Gv chốt: Đọc lại bảng nhân, chia 6?</p> <p>Bài 3: (Làm việc cá nhân) Giải bài toán có lời văn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề toán, tìm hiểu đề bài (cho biết gì? hỏi gì? Phải làm phép tính gì?) - GV cho HS làm bài vào vbt <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. <p>=> Gv chốt: Nêu câu lời giải khác của bài toán?</p> <p>Bài 4: (Làm việc cá nhân) Giải bài toán có lời văn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề toán, tìm hiểu đề bài (cho 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát và nhận xét - HS nghe - HS trả lời - HS nghe - 1HS nêu: Nối phép tính với kết quả - HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện theo yêu cầu của GV - Đại diện 1 nhóm nêu kết quả - HS nghe - HS trả lời + ... vì phép tính $42 : 6 = 7$ -2-3 HS đọc. - HS đọc bài toán + Bài toán hỏi 5 hộp như vậy có bao nhiêu bút chì màu? - HS làm vào vbt <p>Bài giải:</p> <p>Số bút chì màu 5 hộp có là:</p> $6 \times 5 = 30(\text{bút chì màu})$ <p>Đáp số: 30 bút chì</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>biết gì? hỏi gì? Phải làm phép tính gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS làm bài vào vbt - Soi bài. Gọi 1 HS lên chia sẻ - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài toán. - Bài toán hỏi xếp được bao nhiêu hộp bánh? - HS làm vào vbt - HS nêu bài làm: <div style="text-align: center;"> <p>Bài giải:</p> <p>Số hộp bánh xếp được là:</p> $48 : 6 = 8(\text{hộp bánh})$ <p>Đáp số: 8 hộp bánh</p> </div> - HS nhận xét
<p>3. Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 6, bảng chia 6 + Câu 1: $6 \times 8 = ?$ + Câu 2: $54 : 6 = ?$ - Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS trả lời: + Câu 1: $6 \times 8 = 48$ + Câu 2: $54 : 6 = 9$ - HS nghe
<p>IV. Điều chỉnh sau bài dạy:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA

ÔN BÀI 9: BẢNG NHÂN 6, BẢNG CHIA 6 (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố bảng nhân 6, bảng chia 6.
- Vận dụng được vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 6, bảng chia 6.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề...

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; Bảng phụ BT 2

2. **Học sinh:** Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức trò chơi “ <i>Rung chuông vàng</i> ” để khởi động bài học. + Câu 1: $5 \times 4 = \dots$ A. 30 B. 24 C. 20 D. 35 + Câu 2: $36 : 6 = \dots$ A. 6 B. 7 C. 8 D. 9 + Câu 3: $0 : 6 = \dots$ A. 1 B. 0 C. 7 D. 10 + Câu 4: Có 6 cái bàn, mỗi cái bàn có 4 cái chân. Vậy có tất cả.... chân bàn? A. 2 B. 10 C. 24 D. 20 - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi - HS Trả lời: + Câu 1: C + Câu 2: A + Câu 3: B + Câu 4: C + Câu 5: D - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.
2. Luyện tập. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 27 Vở Bài tập Toán.	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 27 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>Bài 1. (Làm việc nhóm đôi) Điền các số còn thiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS nêu YC của bài - Yêu cầu học sinh tìm và chia sẻ số cần điền với bạn. <p>=> Gv chốt: Đọc lại 2 dãy số đã điền hoàn chỉnh phần a; b</p> <p>+ So sánh về các số ở phần a và b?</p> <p>=> Gv chốt:</p> <p>Dãy số là kết quả của phép nhân trong bảng 6 nên muốn tìm số ta chỉ cần đếm cách đều 6.</p> <p>Bài 2: (Làm việc cá nhân) Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS điền số vào ô trống - Soi bài. Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu: Điền các số còn thiếu - HS chia sẻ với bạn a/ 18; 30; 36; 42; 48; 54 b/ 42; 36; 30; 24; 18; 12 -HS nhận xét - 2-3 HS đọc. * Giống nhau: Đều là kết quả của phép nhân trong bảng 6 * Khác nhau: + Phần a là dãy số cách đều 6 tăng dần + Phần b là dãy số cách đều 6 giảm dần dần - HS nghe - 1HS nêu: Số - HS thực hiện cá nhân theo yêu cầu của GV - 1HS trình bày - HS đọc.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. => Gv chốt: Em vận dụng kiến thức nào để làm bài 2? Đọc lại bảng nhân 6, chia 6? <p>Bài 3: Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài - Yêu cầu HS tính nhẩm các phép tính rồi viết số thích hợp vào ô trống? - Mời HS trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>=> Gv chốt: Em nhận xét gì về các phép tính trong bài tập 3?</p> <p style="text-align: center;"><i>Để điền được các số em thực hiện theo thứ tự nào?</i></p> <p>Bài 4: (Làm việc cá nhân) Giải bài toán có lời văn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS bài toán - Bài này có mấy yêu cầu (câu hỏi). Đó là những câu hỏi nào? - Yêu cầu HS giải bài toán vào vbt. - Soi bài. Gọi H lên chia sẻ => Gv chốt: cách trình bày bài giải khi bài toán có 2 phần(2 câu hỏi) 	<ul style="list-style-type: none"> - 1HS nêu: Số - HS thực hiện theo yêu cầu của GV - Hs nêu các phép tính tìm ra kết quả - Chỉ có phép nhân và phép chia - Em thực hiện từ trái sang phải <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc - ...2 câu hỏi. - HS làm bài - HS chia sẻ cùng bạn
<p>3. Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa sau bài học để củng cố bảng nhân 6, bảng chia 6 + Câu 1: $6 \times 8 = ?$ + Câu 2: $54 : 6 = ?$ + Câu 3: Một đoạn dây dài 42 cm được chia thành 6 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dây đó dài bao nhiêu xăng-ti-mét? - Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS trả lời: + Câu 1: $6 \times 8 = 48$ + Câu 2: $54 : 6 = 9$ + Câu 3: Mỗi đoạn dây dài 7cm - HS nghe
<p>IV. Điều chỉnh sau bài dạy:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
.....	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA.

ÔN BÀI 10: BẢNG NHÂN 7, BẢNG CHIA 7 (T1) – Trang 28

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
- + Ghi nhớ được bảng nhân 7, bảng chia 7.
- + Vận dụng vào tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 7, bảng chia 7.
- + Sử dụng được bảng nhân, chia để tính được một số số phép nhân, phép chia trong bảng.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. *Giáo viên*: Vở bài tập Toán; Bảng phụ BT 2

2. *Học sinh*: Vở bài tập Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức trò chơi Ai nhanh, ai đúng để khởi động bài học. + Câu 1: $6 \times 4 = ?$ + Câu 2: $6 \times 9 = ?$ + Câu 3: $30 : 6 = ?$ + Câu 4: $18 : 6 = ?$ - GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: $6 \times 4 = 24$ + Trả lời: $6 \times 9 = 54$ + Trả lời: $30 : 6 = 5$ + Trả lời: $18 : 6 = 3$ - HS lắng nghe

<ul style="list-style-type: none"> - GV dẫn dắt vào bài mới 	
<p>2. Luyện tập.</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3/ 28 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 28 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>Bài 1: (Làm việc nhóm 2) Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm. - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>=> <i>Gv chốt: Để điền được số vào ô trống em vận dụng kiến thức nào đã học? Đọc lại bảng nhân 7, chia 7?</i></p> <p>Bài 2. (Làm việc cá nhân) .</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nêu yêu cầu bài - GV cho HS làm bài vào vbt - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau, GV bắt từng kết quả lên màn hình. <p>=> <i>Gv chốt: Trước khi tìm được số hạt để ghi phép tính có kết quả bé hơn 35 em cần phải làm gì?</i></p> <p>Bài 3: (Làm việc cá nhân) :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 HS đọc đề bài toán. <p>+ Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài - Nhóm làm bài vào vbt. - Đọc bài làm của nhóm - Nhận xét. - Em vận dụng bảng nhân 7, chia 7. - HS nêu yêu cầu bài - HS làm bài vào vbt - B1: Tìm kết quả các phép tính - B2: So sánh các kết quả để tìm ra các số bé hơn 35 - B3: Đếm các số đó. - HS đọc bài toán + Hỏi 6 lọ như vậy cắm được

<p>+ Muốn biết 6 lọ cắm được bao nhiêu bông hoa ta làm tính gì ?</p> <p>- Gọi HS đọc bài giải, Gọi HS khác nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>Bài 4. (Làm việc nhóm đôi) . Nối 2 phép tính có kết quả bằng nhau</p> <p>- HS nêu yêu cầu bài toán</p> <p>- Thảo luận nhóm đôi trong 4 phút để hoàn thành yêu cầu bài toán</p> <p>=> Gv chốt: Đọc lại các bảng nhân 7, chia 7?</p>	<p>bao nhiêu bông hoa?</p> <p>- HS làm vào vbt</p> <p>- HS nhận xét lẫn nhau</p> <p>Bài giải:</p> <p>Số bông hoa 6 lọ như vậy cắm được là :</p> $7 \times 6 = 42 \text{ (bông hoa)}$ <p>Đáp số : 42 bông hoa.</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi.</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày ý kiến.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>
<p>3. Vận dụng.</p> <p>- GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” để ôn lại bảng nhân 7, bảng chia 7.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p>
<p>IV. Điều chỉnh sau bài dạy:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TUẦN 5

TOÁN

CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA.

ÔN BÀI 10: BẢNG NHÂN 7, BẢNG CHIA 7 (T2) – Trang 29

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:

- + Ghi nhớ được bảng nhân 7, bảng chia 7.
- + Vận dụng vào tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 7, bảng chia 7.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi Truyền điện để ôn tập lại bảng nhân, chia 7 - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 29 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 29 Vở Bài tập Toán. - GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: Bài 1: (Làm việc nhóm 2) Số? <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm. - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài - Nhóm làm bài vào vbt. - Đọc bài làm của nhóm - Nhận xét.
Gv chốt: Để điền được số vào ô trống em vận	- Em dựa vào dãy số cách đều 7

<p>dụng kiến thức nào đã học?</p> <p>Bài 2. (Làm việc cá nhân) .</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nêu yêu cầu bài - GV cho HS đọc bài làm - Gọi HS nhận xét lẫn nhau, GV bản từng kết quả lên màn hình. <p>Gv chốt: Đọc lại bảng nhân 7, chia 7</p> <p>Bài 3: (Làm việc cá nhân) :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 HS đọc đề bài toán. + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? + Muốn biết mỗi đoạn tre dài bao nhiêu xăng-ti-mét em làm như thế nào ? - Gọi HS đọc bài giải, Gọi HS khác nhận xét. <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. <p>Bài 4. >, <, =</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu bài toán - Thảo luận nhóm đôi trong 4 phút để hoàn thành yêu cầu bài toán <p>Gv chốt: Để điền được dấu <, >, = em làm như thế nào?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu bài - HS nối tiếp đọc kết quả <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài toán - HS trả lời - Em thực hiện phép tính chia <ul style="list-style-type: none"> - HS làm vào vbt - HS nhận xét lẫn nhau <p>Bài giải:</p> <p>a. Mỗi đoạn tre dài số xăng-ti-mét là:</p> $49 : 7 = 7 \text{ (cm)}$ <p>b/ Tổng độ dài các cạnh của hình vuông là:</p> $7 \times 4 = 28 \text{ (cm)}$ <p>Đáp số: a/ 7 cm b/ 28 cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm đôi. - Đại diện nhóm trình bày ý kiến. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
<p>3. Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” để ôn lại các bảng nhân, bảng chia đã học - Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
<p>IV. Điều chỉnh sau bài dạy:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA.
BÀI 11: BẢNG NHÂN 8, BẢNG CHIA 8 (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
- + Ghi nhớ được bảng nhân 8, bảng chia 8.
- + Vận dụng vào tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 8, bảng chia 8.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi Truyền điện để ôn tập lại bảng nhân, chia 7 - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 30 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 30 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: Bài 1: Số? <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài - Nhóm làm bài vào vbt.

<p>học tập nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV Nhận xét, tuyên dương. <p> <i>Gv chốt: Để điền được số vào ô trống em dựa vào đâu</i></p> <p>Bài 2. Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nêu yêu cầu bài - GV cho HS đọc bài làm - Gọi HS nhận xét lẫn nhau, GV bắt từng kết quả lên màn hình. <p> <i>Gv chốt: Dựa vào 1 phép nhân để điền kết quả vào 2 phép tính chia tương ứng</i></p> <p>Bài 3: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu bài toán - Thảo luận nhóm đôi trong 2 phút để hoàn thành yêu cầu bài toán <p> <i>Gv chốt: Để khoanh vào đáp án đúng, em đã làm như thế nào?</i></p> <p>Bài 4.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 HS đọc đề bài toán. + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? + Muốn biết mỗi hộp gồm có bao nhiêu viên bi em làm phép tính gì ? + Muốn tính 3 hộp bi như vậy có bao nhiêu viên bi em thực hiện phép tính gì? - Gọi HS đọc bài giải, Gọi HS khác nhận xét. <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài làm của nhóm - Nhận xét. - Em dựa vào bảng nhân 8, chia 8 - HS nêu yêu cầu bài - HS nối tiếp đọc kết quả - HS thảo luận nhóm đôi. - Đại diện nhóm trình bày ý kiến. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - em thực hiện các phép tính rồi so sánh để tìm ra phép tính có kết quả bé nhất - HS đọc bài toán - HS trả lời - Em thực hiện phép tính chia - Em lấy số viên bi của một hộp nhân 3 - HS làm vào vbt - HS nhận xét lẫn nhau <p>Bài giải:</p> <p>a. Mỗi hộp có số viên bi là $64 : 8 = 8$ (viên)</p> <p>b/ 3 hộp như thế có số viên bi là: $8 \times 3 = 24$ (cm)</p> <p>Đáp số: a/ 8 viên b/ 24 viên</p>
<p>3. Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” để ôn lại các 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến

bảng nhân 8, bảng chia 8 - Nhận xét, tuyên dương	thức đã học vào thực tiễn.
IV. Điều chỉnh sau bài dạy:	

TOÁN
CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA.
BÀI 11: BẢNG NHÂN 8, BẢNG CHIA 8 (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Ghi nhớ được bảng nhân 8, bảng chia 8.
- + Vận dụng vào tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 8, bảng chia 8.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: - GV tổ chức trò chơi Truyền điện để ôn tập lại bảng nhân, chia 7 - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 31 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 31 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài

<p>cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>Bài 1: Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu yêu cầu bài - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm. - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau. - GV Nhận xét, tuyên dương. <p> <i>Gv chốt: Để điền được số vào ô trống em dựa vào đâu?</i></p> <p>Bài 2. Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nêu yêu cầu bài - GV cho HS đọc bài làm - Gọi HS nhận xét lẫn nhau, GV bắt từng kết quả lên màn hình. <p> <i>Gv chốt: Dựa vào bảng nhân 8, chia 8 để điền kết quả</i></p> <p>Bài 3: Nối</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu bài toán - Thảo luận nhóm đôi trong 2 phút để hoàn thành yêu cầu bài toán <p> <i>Gv chốt: Để nối những con bướm vào những bông hoa ta làm như thế nào?</i></p> <p>Bài 4.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 HS đọc đề bài toán. + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? + Muốn biết 5 hộp như thế có bao nhiêu cái bánh em làm phép tính gì ? + Muốn tính mỗi khay có bao nhiêu cái bánh em thực hiện phép tính gì? - Gọi HS đọc bài giải, Gọi HS khác nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài - Nhóm làm bài vào vbt. - Đọc bài làm của nhóm - Nhận xét. - Em dựa vào dãy số cách đều - HS nêu yêu cầu bài - HS nối tiếp đọc kết quả - HS thảo luận nhóm đôi. - Đại diện nhóm trình bày ý kiến. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - em thực hiện các phép tính rồi nối vào kết quả thích hợp - HS đọc bài toán - HS trả lời - Em thực hiện phép tính nhân - Em lấy tổng số cái bánh chia cho 8 - HS làm vào vbt - HS nhận xét lẫn nhau <p>Bài giải:</p> <p>a. 5 hộp như vậy có số cái bánh là</p> $8 \times 5 = 40 \text{ (cái)}$

- GV nhận xét, tuyên dương.	b/ Mỗi khay có số cái bánh là $48 : 8 = 6$ (cái) Đáp số: a/ 40 cái b/ 6 cái
3. Vận dụng. - GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” để ôn lại các bảng nhân 8, bảng chia 8 - Nhận xét, tuyên dương	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
IV. Điều chỉnh sau bài dạy:	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA

Bài 12: BẢNG NHÂN 9, BẢNG CHIA 9 (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Ghi nhớ được bảng nhân 9, bảng chia 9.
- + Vận dụng vào tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 9, bảng chia 9.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:	- HS thực hiện - HS lắng nghe

<p>+ Ghi nhớ được bảng nhân 9, bảng chia 9. + Vận dụng vào tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 9, bảng chia 9.</p>	
<p>2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 32 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 32 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</p>	<p>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</p>
<p>Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Số? - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. - YC HS đọc lại bảng nhân 9</p>	<p>- HS nối tiếp trả lời - Học sinh nhận xét</p>
<p>* Bài 2: Số? - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. - YC HS đọc lại bảng nhân 9  Gv chốt cách vận dụng bảng nhân, chia đã học vào làm bài tập</p>	<p>- HS nối tiếp trả lời - Học sinh nhận xét</p>

<p>* Bài 3:Nối hai phép tính có cùng kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi Ai nhanh ai đúng + Chia lớp thành 2 đội, mỗi đội cử 3 người chơi + Mỗi người chơi cầm những tấm thẻ ghi phép tính để nối những phép tính có cùng kết quả vào với nhau + Trong thời gian 3 phút, đội nào làm đúng và nhanh hơn thì đội đó giành chiến thắng - GV nhận xét, tuyên dương <p> Gv chốt cách vận dụng bảng nhân, bảng chia vào bài toán</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia chơi trò chơi
<p>* Bài 4: VBT/34.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu bài toán + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? + Để biết cô Lan cắm được bao nhiêu lọ hoa như vậy em làm như thế nào? - Gọi HS lên bảng làm, dưới lớp đọc bài giải <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương <p> Gv chốt cách vận dụng bảng nhân, bảng chia vào bài toán thực tế.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu - HS TL - Em lấy tổng số bông hoa chia cho số bông hoa trong mỗi lọ <p>Bài giải: Cô Lan cắm được số lọ hoa như vậy là:</p> $36 : 9 = 4 \text{ (lọ)}$ <p>Đáp số: 4 lọ hoa</p>
<p>3. HĐ Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức HS trò chơi: “Đố bạn” - GV nêu cách chơi: một bạn đứng lên nêu 1 phép tính và kết quả phép tính đó. Sau đó sẽ nêu 1 phép tính (trong phạm vi bảng nhân, chia đã học) và đố bạn mình kết quả phép tính đó. Bạn được gọi tên sẽ trả lời kết quả phép tính và nêu phép tính mới để đố bạn. Tương tự như vậy cho đến hết thời gian quy định của trò chơi. - GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe - HS tham gia chơi - HS lắng nghe
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA

Bài 12: BẢNG NHÂN 9, BẢNG CHIA 9 (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Ghi nhớ được bảng nhân 9, bảng chia 9.
- + Vận dụng vào tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 9, bảng chia 9.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: - Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng: + Ghi nhớ được bảng nhân 9, bảng chia 9. + Vận dụng vào tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 9, bảng chia 9. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 33 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 33 Vở Bài tập Toán. - GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS làm bài

<ul style="list-style-type: none"> - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>* Bài 1: Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. <p> <i>Gv chốt: Em dựa vào đâu để điền được kết quả vào chỗ trống</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nối tiếp trả lời - Học sinh nhận xét - Em dựa vào dãy số cách đều 9
<p>* Bài 2: Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. <p> <i>Gv chốt: Em dựa vào đâu để điền được kết quả vào chỗ trống</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nối tiếp trả lời - Học sinh nhận xét - Em dựa vào bảng nhân, chia 9
<p>* Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 2 HS YC bà tập - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình. - GV nhận xét, tuyên dương <p> <i>Gv chốt Để chọn đáp án đúng em đã làm như thế nào?</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS xác định YC bài toán - HS trả lời: chọn đáp án C. - Em đã thực hiện các phép tính rồi so sánh các kết quả
<p>* Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu bài toán - Bài toán này có mấy yêu cầu? - YC HS nêu cách làm - Yêu cầu 1 HS lên bảng trình bày bài làm của mình, dưới lớp đọc bài làm - GV nhận xét, tuyên dương <p> <i>Gv chốt cách vận dụng bảng nhân, bảng chia vào bài toán thực tế.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu - HSTL <p>Bài giải:</p> <p>a/ Mỗi nhóm tập nhảy có số bạn là:</p> $27 : 9 = 3 \text{ (bạn)}$ <p>b/ 2 nhóm tập nhảy dây như thế có số bạn là:</p> $3 \times 2 = 6 \text{ (bạn)}$ <p>Đáp số: a/ 3 bạn b/ 6 bạn</p>
<p>* Bài 5:</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - YC HS nêu YC - YC HS tính và nêu kết quả + Hãy nêu cách làm của em 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu YC - HS đọc kết quả - Em thực hiện các phép tính rồi so sánh các kết quả để tìm ra phép tính có kết quả lớn nhất, phép tính có kết quả bé nhất
<p>3. HD Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức HS trò chơi: “Truyền điện” Đề ôn lại các bảng nhân chia đã học - GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia chơi - HS lắng nghe
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TUẦN 6

TOÁN

CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA

Bài 12: BẢNG NHÂN 9, BẢNG CHIA 9 (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
- + Sử dụng được bảng nhân, bảng chia để tính được các phép tính nhân, chia trong bảng đã học.
- + Củng cố các phép nhân, chia trong bảng vào giải một số bài tập, bài toán thực tế có liên quan.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK
2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Sử dụng được bảng nhân, bảng chia để tính được các phép tính nhân, chia trong bảng đã học. + Củng cố các phép nhân, chia trong bảng vào giải một số bài tập, bài toán thực tế có liên quan.	- HS thực hiện - HS lắng nghe
2. Luyện tập Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 34 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 34 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Dựa vào bảng nhân, chia hãy tính: (VBT tr.34) - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập - Tương tự HS nêu kết quả các bài còn lại - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. <i>=>Gv chốt cách vận dụng bảng nhân, chia đã học vào làm bài tập</i>	- Học sinh trả lời: $9 \times 5 = 45$. Vì em dựa vào bảng nhân 9 để tính kết quả. - HS nối tiếp trả lời b) $6 \times 4 = 24$ c) $72 : 9 = 8$ d) $42 : 6 = 7$ - Học sinh nhận xét
* Bài 2: Số? (VBT/34) - GV tổ chức chơi trò chơi. 2 đội tham gia chơi, mỗi đội 3 bạn. Đội nào điền kết quả	- HS lắng nghe cách tham gia trò chơi

<p>nhANH và đúng sẽ giành chiến thắng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét trò chơi, sửa đáp án và tuyên dương đội chơi thắng. - GV tổ chức câu b) tương tự, thay đổi đối tượng tham gia tạo sự phấn khởi cho HS cả lớp. <p>=>Gv chốt cách vận dụng bảng nhân, chia đã học vào làm bài tập</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia chơi - HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
<p>* Bài 3: VBT/34</p> <p>a) Mỗi đội múa rồng có 9 người. Hỏi 3 đội múa rồng như vậy có bao nhiêu người?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán. - Muốn biết 3 đội múa rồng có bao nhiêu người thì phải làm sao? - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình. - GV nhận xét, tuyên dương <p>b) Nếu tất cả số người múa rồng ở câu a chuyển sang múa lân, mỗi đội có 3 người thì có được bao nhiêu đội múa lân?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán. + Bạn nào biết được đội múa lân có bao nhiêu người? + Vậy muốn tìm có bao nhiêu đội ta làm sao? - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình. - GV nhận xét, tuyên dương <p>=>Gv chốt cách vận dụng bảng nhân, bảng chia vào bài toán thực tế.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi. - Lấy số người 1 đội nhân với 3. - Lớp quan sát, nhận xét <p>Bài giải: Số người 3 đội múa rồng có là: $9 \times 3 = 27$ (người) Đáp số: 27 người</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi. - 27 người (vì đội múa rồng có 27 người chuyển sang múa lân) - Lấy số người của đội có được chia cho số người của 1 đội. - Lớp quan sát, nhận xét <p>Bài giải: Số đội múa lân có là: $27 : 3 = 9$ (đội) Đáp số: 9 đội</p>
<p>* Bài 4: VBT/34.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu bài toán - Bài toán này có mấy yêu cầu? <p>+ Nêu các số bé hơn 5?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu - 2 yêu cầu. Đó là: thứ nhất là tìm số bé hơn 5, thứ 2 là 2 số bé hơn 5 đó chia nhau có kết quả là 5. - 0,1,2,3,4

<p>+ Theo em trong các số vừa nêu đó 2 số nào chia nhau có thương là 2?</p> <p>- Yêu cầu 2 HS trình bày bài làm của mình.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>=> <i>Gv chốt cách vận dụng bảng nhân, bảng chia vào bài toán thực tế.</i></p>	<p>- 4 và 2, 2 và 1</p> <p>Bài giải:</p> <p>Các số bé hơn 5 là: 0,1,2,3,4</p> <p>Hai số bé hơn 5 và có thương là 2 là: 4 và 2 vì $4 : 2 = 2$</p> <p>(tương tự bài làm của 2 số 2 và 1)</p>
<p>3. Vận dụng</p> <p>- GV tổ chức HS trò chơi: “Đố bạn”</p> <p>- GV nêu cách chơi: một bạn đứng lên nêu 1 phép tính và kết quả phép tính đó. Sau đó sẽ nêu 1 phép tính (trong phạm vi bảng nhân, chia đã học) và đố bạn mình kết quả phép tính đó. Bạn được gọi tên sẽ trả lời kết quả phép tính và nêu phép tính mới để đố bạn. Tương tự như vậy cho đến hết thời gian quy định của trò chơi.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- HS nghe</p> <p>- HS tham gia chơi</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA

Bài 13: TÌM THÀNH PHẦN TRONG PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA

Tiết 1: Tìm thừa số trong một tích

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Biết cách tìm và tìm được thừa số trong một tích.
- + Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

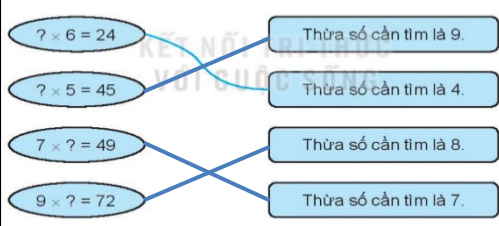
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> + Biết cách tìm và tìm được thừa số trong một tích. + Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. Luyện tập Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 35 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 35 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Số? (VBT tr.35) <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập <ul style="list-style-type: none"> a) ... x 4 = 12 b) ... x 8 = 40 c) ... x 9 = 45 - Tương tự HS nêu kết quả các bài còn lại - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. =>Gv chốt cách tìm thừa số trong một tích. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời: $3 \times 4 = 12$. Vì muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết. Ta lấy: $12 : 4 = 3$ - HS nối tiếp trả lời <ul style="list-style-type: none"> b) $5 \times 8 = 40$ vì $40 : 8 = 5$ c) $5 \times 9 = 45$ vì $45 : 8 = 5$ - Học sinh nhận xét
* Bài 2: Số? (VBT/35) <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức chơi trò chơi. 2 đội tham gia chơi, mỗi đội 4 bạn. Đội nào điền kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách tham gia trò chơi

<p>nhANH và đÚNG sẽ giành chiến thắng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét trò chơi, sửa đáp án và tuyên dương đội chơi thắng. <p>=> Gv chốt cách tìm thừa số trong một tích.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia chơi - HS nhận xét - HS lắng nghe
<p>* Bài 3: Nối (theo mẫu) VBT/35</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao thừa số cần tìm ở phép tính thứ 1 là 4 - Tương tự các câu còn lại các bạn sẽ lên nối kết quả và giải thích cách làm. - GV nhận xét, tuyên dương các bạn <p>=> Gv chốt cách tìm thừa số trong một tích</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vì muốn tìm thừa số chưa biết lấy tích chia cho thừa số đã biết. Ta có: $24 : 6 = 4$ - Hs trình bày bài làm của mình. 
<p>* Bài 4: VBT/35</p> <p>Có 6 can nước mắm như nhau chứa được tất cả 54l nước mắm. Hỏi mỗi can đó chứa được bao nhiêu lít nước mắm?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán. - Muốn biết mỗi can có bao nhiêu lít nước mắm thì phải làm sao? - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình. - GV nhận xét, tuyên dương <p>=> Gv chốt cách vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi. - Lấy số lít mắm có chia cho 6 can. - Lớp quan sát, nhận xét <p>Bài giải: Số lít nước mắm 1 can chứa là: $54 : 6 = 9$ (lít) Đáp số: 9l</p>
<p>3. Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức HS trò chơi: “Ai nhanh hơn” - GV nêu cách chơi: GV sẽ chia lớp thành 4 đội (tổ), GV nêu phép tính, Hs nêu kết quả. Sau 7 lượt chơi, đội nào có kết quả đúng nhiều nhất và nhanh là đội chiến thắng. - GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe - HS tham gia chơi - HS lắng nghe
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p>	

TOÁN
CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA
Bài 13: TÌM THÀNH PHẦN TRONG PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA
Tiết 2: Tìm số bị chia, số chia

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
- + Biết cách tìm số bị chia, số chia trong phép chia.
- + Vận dụng vào bài tập, bài toán thực tế có liên quan.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Biết cách tìm số bị chia, số chia trong phép chia. + Vận dụng vào bài tập, bài toán thực tế có liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. Luyện tập Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 36 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm

<p>36 Vở Bài tập Toán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<p>vào vở.</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>* Bài 1: Số? (VBT tr.36)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập <ul style="list-style-type: none"> - Tương tự HS nêu kết quả các bài còn lại - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. <p>=> <i>Gv chốt cách tìm số bị chia, số chia.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời: <p>a) $36 : 4 = 9$. Vì muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia. Ta lấy: $9 \times 4 = 36$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nối tiếp trả lời các bài câu a) <p>b) $18 : 9 = 2$. Vì muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương. Ta lấy: $18 : 2 = 9$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nối tiếp trả lời các bài câu a) - Học sinh nhận xét
<p>* Bài 2: Số? (VBT/36)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức chơi trò chơi. 2 đội tham gia chơi, mỗi đội 4 bạn. Đội nào điền kết quả nhanh và đúng sẽ giành chiến thắng. - GV nhận xét trò chơi, sửa đáp án và tuyên dương đội chơi thắng. <p>=> <i>Gv chốt cách tìm số bị chia, số chia..</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách tham gia trò chơi - HS tham gia chơi - HS nhận xét - HS lắng nghe
<p>* Bài 3: Nối (theo mẫu) VBT/36</p> <p><i>Có 30 khách du lịch đi tham quan trên các thuyền. Biết rằng mỗi thuyền có 6 khách du lịch. Hỏi có mấy thuyền chở khách du lịch như vậy?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán. - Muốn biết có mấy thuyền chở hết 30 khách du lịch thì phải làm sao? - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình. <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương <p>=> <i>Gv chốt cách vận dụng giải các bài</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi. - Lấy số khách du lịch chia cho số khách trên 1 thuyền chở được. - Lớp quan sát, nhận xét <p>Bài giải:</p> <p>Số thuyền chở khách du lịch là:</p> $30 : 6 = 5 \text{ (thuyền)}$ <p>Đáp số: 5 thuyền</p>

<p><i>tập, bài toán thực tế có liên quan.</i></p>	
<p>* Bài 4: VBT/36</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu Hs đọc đề toán. - Xác định đặc điểm các số bài toán cho. - Theo em muốn lập được phép nhân thì ta sẽ làm như thế nào? - Còn lập phép chia thì sao? - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2, đại diện nhóm trình bày. - GV nhận xét, tuyên dương <p>=> <i>Gv chốt cách vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - Có 2 số có 2 chữ số: 35 và 24; có 3 số có 1 chữ số: 3, 7, 5 - Lấy 2 số có 1 chữ số nhân với nhau, nhằm được kết quả thích hợp với yêu cầu của bài toán (số có 2 chữ số) - Lấy số có 2 chữ số lần lượt chia cho số có 1 chữ số để có kết quả thích hợp với số bài toán cho. - phép nhân: $7 \times 5 = 35$; $5 \times 7 = 35$ - phép chia: $35 : 5 = 7$; $35 : 7 = 5$
<p>3. Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức HS trò chơi: “Ai nhanh hơn” - GV nêu cách chơi: Chia 2 đội, mỗi thành viên trong đội nối tiếp điền kết quả vào ô trống. - GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe - HS tham gia chơi <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;"> <p>a) $\boxed{?} \xrightarrow{\times 2} \boxed{8}$</p> <p>c) $\boxed{?} \xrightarrow{: 4} \boxed{7}$</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>b) $\boxed{?} \xrightarrow{: 5} \boxed{6}$</p> <p>d) $\boxed{?} \xrightarrow{\times 3} \boxed{30}$</p> </div> </div> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA

Bài 14: MỘT PHẦN MẤY

Tiết 1: Một phần mấy

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:

+ Củng cố kiến thức “biểu tượng” về $\frac{1}{2}$; $\frac{1}{3}$; $\frac{1}{4}$; $\frac{1}{5}$; $\frac{1}{6}$ của một hình.

+ Nhận biết được $\frac{1}{2}$; $\frac{1}{3}$; $\frac{1}{4}$; $\frac{1}{5}$; $\frac{1}{6}$ thông qua các hình ảnh trực quan.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Củng cố kiến thức “biểu tượng” về $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}$ của một hình. + Nhận biết được $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}$ thông qua các hình ảnh trực quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. Luyện tập Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 37 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 37 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

* Bài 1: Đ, S? (VBT tr.37)

- Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập

- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.

=> Gv chốt cách xác định $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}$ thông qua các hình ảnh trực quan.

* Bài 2: Nối? (VBT/37)

- GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình

- GV nhận xét, tuyên dương

=> Gv chốt cách viết $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}$

* Bài 3: (VBT/38)

- GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình

- Vì sao em chọn hình 1?

- Hình 2 được tô màu mấy phần?

- GV nhận xét, tuyên dương

=> Gv chốt cách xác định $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}$ thông qua các hình ảnh

- Học sinh trả lời cá nhân

a) Đúng vì hình tròn chia làm 5 phần bằng nhau và tô màu 1 phần

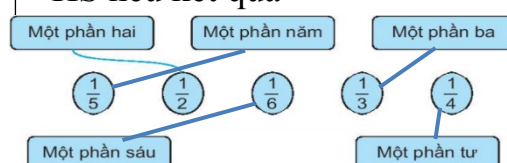
b) Đúng vì hình tròn chia làm 6 phần bằng nhau và tô màu 1 phần

c) Sai vì hình tròn chia làm 2 phần không bằng nhau

d) Đúng vì hình tròn chia làm 3 phần bằng nhau và tô màu 1 phần

- Học sinh nhận xét

- HS nêu kết quả



- HS nhận xét

- HS lắng nghe

- HS nêu hình 1

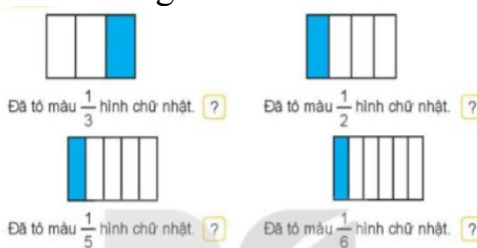
- Hình 1 chia số chấm tròn bằng 3 phần bằng nhau và tô màu 1 phần

nên số hình tròn được tô màu là $\frac{1}{3}$

- Hình 2 chia số chấm tròn bằng 4 phần bằng nhau và tô màu 1 phần nên số hình tròn được tô

màu là $\frac{1}{4}$

- HS lắng nghe

<p><i>trực quan.</i></p> <p>* Bài 4: VBT/38</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình - Giải thích cách làm của mình - GV nhận xét, tuyên dương và lưu ý: vì 5 hình này có kích thước giống nhau nên mình có thể chọn bất kì hình nào để tô màu. <p>=> Gv chốt cách xác định $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}$ thông qua các hình ảnh trực quan.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày - Có 5 hình vuông (hình tròn), tô màu $\frac{1}{5}$ của hình là tô màu 1 hình. - HS lắng nghe
<p>3. Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức HS trò chơi: “Tinh mắt” - GV nêu cách chơi: Chia 2 đội, mỗi thành viên trong đội nối tiếp điền kết quả Đúng hay Sai vào ô trống. - GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe - HS tham gia chơi  <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA

Bài 14: MỘT PHẦN MẤY

Tiết 1: Một phần mấy

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:

+ Củng cố kiến thức “biểu tượng” về $\frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$ của một hình.

+ Nhận biết được $\frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$ thông qua các hình ảnh trực quan.

+ Xác định được $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}; \frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$ của một nhóm đồ vật bằng việc chia thành các phần khác nhau.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <p>+ Củng cố kiến thức “biểu tượng” về $\frac{1}{7}$; $\frac{1}{8}$; $\frac{1}{9}$ của một hình.</p> <p>+ Nhận biết được $\frac{1}{7}$; $\frac{1}{8}$; $\frac{1}{9}$ thông qua các hình ảnh trực quan.</p> <p>+ Xác định được $\frac{1}{2}$; $\frac{1}{3}$; $\frac{1}{4}$; $\frac{1}{5}$; $\frac{1}{6}$; $\frac{1}{7}$; $\frac{1}{8}$; $\frac{1}{9}$ của một nhóm đồ vật bằng việc chia thành các phần khác nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. Luyện tập <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 38, 39 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 38, 39, 40 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra

kiểm tra bài cho nhau.	bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Đ, S? (VBT tr.38, 39) - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. <p>=> Gv chốt cách xác định $\frac{1}{7}$; $\frac{1}{8}$; $\frac{1}{9}$ thông qua các hình ảnh trực quan.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời cá nhân a) Đúng vì hình chia làm 8 phần bằng nhau và tô màu 1 phần b) Sai vì hình chia làm 6 phần bằng nhau và tô màu 1 phần c) Đúng vì hình chia làm 9 phần bằng nhau và tô màu 1 phần d) Đúng vì hình tròn chia làm 7 phần bằng nhau và tô màu 1 phần - Học sinh nhận xét
<p>* Bài 2: khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng (VBT/39)</p> <p>$\frac{1}{7}$</p> <p>a) Đã tô màu $\frac{1}{7}$ hình nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình - GV nhận xét, tuyên dương <p>$\frac{1}{9}$</p> <p>b) Đã tô màu $\frac{1}{9}$ hình nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình - GV nhận xét, tuyên dương <p>=> Gv chốt cách xác định $\frac{1}{7}$; $\frac{1}{8}$; $\frac{1}{9}$ thông qua các hình ảnh trực quan.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu kết quả C và giải thích cách thực hiện. - HS nhận xét - HS nêu kết quả D và giải thích cách thực hiện. - HS nhận xét - HS lắng nghe
<p>$\frac{1}{8}$</p> <p>Bài 3: Tô màu $\frac{1}{8}$ mỗi hình sau (VBT/38)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình - Giải thích cách làm của mình <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương và lưu ý: vì 8 hình nhỏ này có kích thước giống nhau nên mình có thể chọn bất kì hình nào để tô 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày - mỗi câu a, b đều có hình lớn chia làm 8 hình nhỏ bằng nhau, $\frac{1}{8}$ vậy tô màu $\frac{1}{8}$ của hình là tô màu 1 hình nhỏ - HS lắng nghe

<p>màu.</p> <p>=> Gv chốt cách xác định $\frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$ thông qua các hình ảnh trực quan.</p>	
<p>* Bài 4: VBT/40</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình - Giải thích cách làm của mình <p>- GV nhận xét, tuyên dương và lưu ý: để xác định một phần mấy của một hình, ta cần xác định hình lớn đó được chia ra mấy phần bằng nhau và được tô màu (chọn) 1 phần.</p> <p>=> Gv chốt cách xác định được $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}; \frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$ của một nhóm đồ vật bằng việc chia thành các phần khác nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày câu b) - Câu b) có hình chữ nhật lớn chia $\frac{1}{5}$ ra 5 phần bằng nhau và tô màu $\frac{1}{5}$ của hình đó. - HS lắng nghe
<p>* Bài 5: VBT/40</p> <p>$\frac{1}{2}$</p> <p>a) Tô màu $\frac{1}{2}$ số con cá rồi viết số thích hợp vào ô trống?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình - Giải thích cách làm của mình <p>$\frac{1}{4}$</p> <p>a) Tô màu $\frac{1}{4}$ số bông hoa rồi viết số thích hợp vào ô trống?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình - Giải thích cách làm của mình <p>- GV nhận xét, tuyên dương và lưu ý: để xác định một phần mấy của một hình, ta cần xác định hình lớn đó được chia ra mấy phần bằng nhau và được tô màu (chọn) 1 phần.</p> <p>=> Gv chốt cách xác định được $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}; \frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$ của một</p>	<p>$\frac{1}{2}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - $\frac{1}{2}$ số con cá là 3 con cá - Có tất cả 6 con cá, chia làm 2 phần bằng nhau, mỗi phần có 3 con cá. <p>$\frac{1}{4}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - $\frac{1}{4}$ số bông hoa là 3 con cá - Có tất cả 12 bông hoa, chia làm 4 phần bằng nhau, mỗi phần có 3 bông hoa. - HS lắng nghe

<i>nhóm đồ vật bằng việc chia thành các phần khác nhau.</i>	
3. Vận dụng - Muốn tìm một phần mấy của 1 hình ta làm như thế nào? - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.	- HS trả lời - HS lắng nghe
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

TUẦN 7

BÀI 15: LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- củng cố các bảng nhân 6, 7, 8, 9 và chia 6, 7, 8, 9.
- Vận dụng các phép tính trong bảng nhân 6, 7, 8, 9 và chia 6, 7, 8, 9 để tính nhằm điền số vào các ô trống cho thích hợp, giải các bài tập, bài toán có lời văn liên quan đến bảng nhân và chia 6, 7, 8, 9.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động - GV tổ chức trò chơi truyền điện: Nêu một số phép tính trong bảng nhân, chia 6, 7, 8, 9 - GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT trong trò chơi)
2. Luyện tập Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3,	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

<p>4, 5/ 41, 42 vở Bài tập Toán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. <p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>* Bài 1: Tính nhẩm)/VBT tr.41</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt. <p>=> <i>Gv chốt củng cố bảng nhân 5,6,7,8,9..</i></p> <p>* Bài 2: Tô màu vào các đám mây ghi phép tính có kết quả bé hơn 7 (VBT/41)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?” <p>+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh nhận xét - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án. <p>=> <i>Gv chốt củng cố bảng chia 5,6,7,8,9.</i></p> <p>* Bài 3: VBT/41</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh lên thực hiện - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức <p>=> <i>Gv chốt cách điền số vào ô trống khi thực hiện nhân, chia trong bảng.</i></p> <p>Bài 4: VBT/41. Giải bài toán có lời văn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc bài toán. - GV cho HS thảo luận cặp tìm hiểu bài 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời: <p>a. $7 \times 4 = 28$ $8 \times 6 = 48$ $9 \times 5 = 45$ $6 \times 9 = 54$</p> <p>b. $5 \times 8 = 40$ $4 \times 9 = 36$ $8 \times 8 = 64$ $3 \times 7 = 21$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách thực hiện - HS thực hiện làm bài <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét - HS lắng nghe, quan sát <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng làm bài <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài toán - HS thảo luận tìm hiểu đề <ul style="list-style-type: none"> - 8 bàn, mỗi bàn 6 cái li
--	---

<p>toán</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? + Muốn biết Mai xếp tất cả bao nhiêu cái li ta phải làm như thế nào? - HS thực hiện giải bài vào vở. <p>- GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn. => <i>Củng cố cách giải bài toán có liên quan đến phép tính nhân.</i></p> <p>Bài 5. Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. - GV yêu cầu HS quan sát mẫu và trả lời: <ul style="list-style-type: none"> + Nhìn vào mẫu nêu quy luật số của mẫu? + Tính theo hướng nào? - Cá nhân làm vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng. - Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau - GV nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - Mai xếp tất cả bao nhiêu cái li ? - lấy số li một bàn là 6 cái nhân số bàn là 8 <p>Bài giải: Viết xếp tất cả số cái li: $6 \times 5 = 30$ (cái li) Đáp số: 30 (cái li)</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đổi vở kiểm tra <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát mẫu + Lấy số ở hai đỉnh của tam giác nhân với nhau thì được số ở giữa - HS làm bài tập
<p>3. Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giờ học hôm nay em được ôn lại những kiến thức gì? - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TUẦN 7

BÀI 15: LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Củng cố các bảng nhân , bảng chia đã học, Nhận biết được một phần mấy.
- Vận dụng các phép tính trong bảng nhân , bảng chia, tính chất giao hoán của phép nhân để tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán có lời văn liên quan, nhận biết và xác định được một phần mấy của nhóm đồ vật.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ: Nêu một số phép tính trong bảng nhân, chia 6,7,8,9 - GV Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa)

2. Luyện tập

Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/42, 43 vở Bài tập Toán.
- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.
- GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Hoạt động 2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

Bài 1. Tính nhẩm.

? Bài yêu cầu gì?

- GV yêu cầu HS nêu trước lớp

+ Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?

=> Củng cố: Nhìn vào từng cột tính em hãy nhận xét các phép tính trong cùng một cột có mối quan hệ như thế nào?

- GV Nhận xét, tuyên dương.

Bài 2. Giải bài toán có lời văn.

- Gọi HS đọc bài toán.
- GV cho HS thảo luận cặp tìm hiểu bài toán
- + Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?

+ Muốn biết xếp được bao nhiêu đĩa như thế ta phải làm như thế nào?

- Gọi HS trình bày

- Nhận xét, đánh giá bài HS.

=> *Củng cố cách giải bài toán có liên quan*

- HS lắng nghe.
- HS nhắc lại tên bài, ghi vở

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

- HS làm bài

- HS đọc trước lớp.

- HS lắng nghe.

+ Mỗi cột có hai phép tính nhân, các thừa số trong hai phép tính nhân giống nhau, các thừa số trong hai phép tính đổi chỗ nhau, kết quả giống nhau.

- Hai phép chia trong mỗi cột là lấy tích của phép tính chia cho một trong hai thừa số và kết quả là thừa số còn lại.

- HS đọc bài toán

- HS thảo luận tìm hiểu đề

- Mẹ mua 21 quả cam, Xếp vào các đĩa, mỗi đĩa 7 quả cam

- Xếp được bao nhiêu đĩa như thế?

- lấy tổng số cam là 21 quả chia cho số quả mỗi đĩa là 7.

Bài giải:

Xếp được số đĩa cam là:

$$21 : 7 = 3 \text{ (đĩa)}$$

Đáp số: 5 đĩa cam

<p>đến phép tính chia.</p> <p>Bài 3. Viết dấu x vào ô trống dưới hình đã tô màu $\frac{1}{6}$.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thực hiện. - GV hỏi: + Để biết đã tô màu $\frac{1}{6}$ hình nào ta làm như thế nào? - Cá nhân làm vào phiếu bài tập. - GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng. - Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau. <p><i>=> củng cố cách nhận biết $\frac{1}{6}$ của một hình. Xác định $\frac{1}{8}$, $\frac{1}{4}$ của một nhóm đồ vật.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. <p>Bài 5 Số?</p> <p>GV yêu cầu HS trình bày trước lớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. <p><i>=> củng cố cách điền số vào phép tính sao cho phù hợp.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm, nêu yêu cầu - Đếm xem hình đó chia làm mấy phần bằng nhau. Xác định xem đã tô màu bao nhiêu phần của hình đó. - HS làm vào phiếu. - HS thực hiện trước lớp a/ Đã tô màu $\frac{1}{6}$ hình A và C. (Hình A, C được chia 6 phần bằng nhau và tô màu một phần. Hình B được chia 5 phần bằng nhau, tô màu 1 phần) b/ $\frac{1}{8}$ số số ngôi sao là: 3 ngôi sao (Chia số ngôi sao thành 8 phần bằng nhau, đếm số ngôi sao ở mỗi phần được 3 ngôi sao) - $\frac{1}{4}$ số ngôi sao là: 2 ngôi sao (Chia số ngôi sao thành 4 phần bằng nhau, đếm số ngôi sao ở mỗi phần được 6 con) - HS trình bày. - HS lắng nghe - HS thực hiện trước lớp
<p>3. Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giờ học hôm nay em được ôn lại những kiến thức gì? - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 3: LÀM QUEN VỚI HÌNH PHẪNG, HÌNH KHỐI
BÀI 16: ĐIỂM Ở GIỮA, TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Nhận biết được điểm giữa hai điểm cho trước, trung điểm của một đoạn thẳng.
- + Xác định được ba điểm thẳng hàng qua hình ảnh trực quan.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động - GV tổ chức trò chơi - Trò chơi: “ <i>Chia băng giấy</i> ”	- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT trong trò chơi)

<p>GV cho HS chuẩn bị mỗi em một băng giấy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - YC: Các em không dùng thước hãy chia băng giấy làm hai phần bằng nhau. Ai nhanh người đó sẽ thắng cuộc. - Tổng kết - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>2. Luyện tập</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 44 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 44, 45 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. <p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>Bài 1: Đ, S?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. Bài yêu cầu gì? - Gọi HS trình bày bài tập 1. <p>+ Để làm được bài này em thực hiện như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>=> củng cố ba điểm thẳng hàng, điểm ở giữa, trung điểm.</p> <p>Bài 2: Quan sát hình vẽ rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. - Hs nêu YC <p>a) B là trung điểm của đoạn thẳng AC. ☒</p> <p>b) D là trung điểm của đoạn thẳng CE. ☐</p> <p>c) C là điểm ở giữa hai điểm B và D. ☐</p> <p>d) D là điểm ở giữa hai điểm C và E. ☒</p> <p>Xác định các điểm</p> <p>a, Ba điểm A, B, C nằm trên cùng một đường thẳng. $AB=BC$</p> <p>b, Ba điểm A, B, C thẳng hàng với nhau. CD lớn hơn DE</p> <p>c, Điểm C không nằm ở giữa hai điểm B và D vì BCD là đường gấp khúc.</p> <p>d, Ba điểm C, D, E nằm trên cùng một đường thẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại - HS nêu YC - HS trình bày
--	---

<p>- Gọi HS trình bày bài tập. + Để làm được bài này em thực hiện như thế nào? - GV Nhận xét, tuyên dương. => Cùng cố ba điểm thẳng hàng, điểm ở giữa, trung điểm. Bài 3: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp: - GV cho HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. - Gọi HS trình bày bài tập.</p> <p>=> Cùng cố: Cách xác định trung điểm của đoạn thẳng)</p> <p>Bài 4: Điền tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp: - Gọi Hs nêu YC - GV YC HS thảo luận nhóm đôi và nêu kết quả</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>+ HS trả lời</p> <p>- HS nêu YC - HS trình bày a/ Trung điểm của đoạn thẳng CD là điểm Q b/ Trung điểm của đoạn thẳng MQ là điểm P</p> <p>- HS nêu kết quả Câu trả lời đúng: + Nhà các bạn Sò, Ốc ở giữa nhà Nghêu và nhà Hến + Nhà bạn Sò ở chính giữa quãng đường từ nhà Nghêu đến nhà Hến</p>
<p>3. Vận dụng - Giờ học hôm nay em được ôn lại những kiến thức gì? - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- HS trả lời</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TOÁN

BÀI 16: ĐIỂM Ở GIỮA, TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
- + Nhận biết được điểm giữa hai điểm cho trước, trung điểm của một đoạn thẳng.
- + Xác định được điểm ở giữa bằng cách sử dụng thước, ô lưới.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động	

<p>- GV tổ chức trò chơi - Trò chơi: “Chia băng giấy”</p> <p>GV cho HS chuẩn bị mỗi em một băng giấy.</p> <p>- YC: Các em không dùng thước hãy chia băng giấy làm hai phần bằng nhau. Ai nhanh người đó sẽ thắng cuộc.</p> <p>- Tổng kết</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>2. Luyện tập</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <p>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 45 Vở Bài tập Toán.</p> <p>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 45, 46 Vở Bài tập Toán.</p> <p>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</p> <p>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.</p> <p>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</p> <p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <p>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</p> <p>Bài 1. Xác định trung điểm của đoạn thẳng AB và BC:</p> <p>+ Bài yêu cầu gì?</p> <p>- Gọi HS trình bày bài tập.</p> <p>- YC HS nêu cách làm</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>=> Củng cố cách xác định trung điểm.</p> <p>Bài 2:</p> <p>- GV cho HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. Bài yêu cầu gì?</p> <p>- Gọi HS trình bày bài tập.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT trong trò chơi)</p> <p>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</p> <p>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</p> <p>-Hs làm bài</p> <p>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</p> <p>- HS trả lời yc bài toán</p> <p>- HS trình bày Bài làm:</p> <p>+ Đoạn thẳng AB dài 4cm. Trung điểm của AB là vạch 2cm.</p> <p>+ Đoạn BC dài 6cm. Trung điểm của BC là vạch đánh dấu 7cm</p> <p>- HS trả lời yc bài toán</p> <p>- Hs trình bày</p> <p>a.- Dùng thước nối đoạn thẳng MP. Đếm số ô vuông của MP rồi chia đều số ô vuông ra làm 2 phần. Đánh dấu điểm A</p> <p>b.- Dùng thước nối đoạn thẳng AM. Đếm số</p>
---	---

<p>GV hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muốn xác định được trung điểm của đoạn thẳng MP ta cần làm gì? - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>=> <i>Củng cố trung điểm của đoạn thẳng, cách xác định trung điểm thông qua đếm số ô vuông.</i></p> <p>Bài 3: Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. Bài yêu cầu gì? - YC HS làm trình bày bài tập. <p>GV hỏi:</p> <p>+ Muốn biết chuột túi nhảy thêm mấy bước để đến điểm chính giữa của cây cầu ta cần làm gì?</p> <p>=> Củng cố: Cách xác định trung điểm của đoạn thẳng)</p> <p>Bài 4: HS chơi trò chơi cắt đoạn dây 5cm từ đoạn dây 20 cm mà không cần dùng thước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. Bài yêu cầu gì? - YC HS nêu cách làm - Gv nhận xét, tuyên dương 	<p>ô vuông của AM rồi chia đều số ô vuông ra làm 2 phần. Đánh dấu điểm B</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yc bài toán - HS trình bày - Xác định trung điểm của cây cầu. Sau đó đếm số bước cần nhảy thêm của chuột túi. - Cào cào nhảy thêm 3 bước nữa để đến trung điểm của cây cầu. (trung điểm của cây cầu là 4 bước. Chuột túi đã nhảy được 1 bước. Còn phải nhảy thêm 3 bước nữa.) - Hs nêu YC - HS nêu cách làm
<p>3. Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giờ học hôm nay em được ôn lại những kiến thức gì? - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TOÁN
BÀI 17: HÌNH TRÒN. TÂM, BÁN KÍNH, ĐƯỜNG KÍNH CỦA HÌNH TRÒN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Nhận biết được tâm, bán kính, đường kính của hình tròn.
- + Bước đầu biết dùng com pa để vẽ được hình tròn có tâm và bán kính cho trước.
- + Có kỹ năng nhận biết tâm, đường kính, bán kính, đường kính của hình tròn.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Khởi động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi: “Xác định đúng, xác định nhanh”: Điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng AB, PQ đã chia ô sẵn. + M là điểm ở giữa của đoạn thẳng AB, là trung điểm của AB. + O là điểm ở giữa của PQ. - YC: Các em không dùng thước hãy xác định trung điểm của hai đoạn thẳng. Ai nhanh người đó sẽ thắng cuộc. - Tổng kết - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>2. Luyện tập</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 47 vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 47 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. <p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>Bài 1: Viết tiếp vào chỗ chấm thích hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân trình bày kết quả lần lượt câu a, b - GV Nhận xét, tuyên dương. <p>=> Cùng cố cách vẽ và xác định bán kính, đường kính.</p> <p>Bài 2: Vẽ đường tròn tâm I. Sau đó vẽ bán kính IM và đường kính AB.</p> <p>=> Cùng cố cách vẽ đường tròn, xác định tâm, bán kính, đường kính.</p> <p>Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm</p> <ul style="list-style-type: none"> + Để tính được chú ong bay bao nhiêu cm em làm thế nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT trong trò chơi) <ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. - HS đọc thầm, nêu yêu cầu. - HS trình bày - HS đọc thầm, nêu yêu cầu. - HS trình bày bài tập + Đếm xem có bao nhiêu đoạn là bán kính hình tròn dài 9 cm. + Lấy 9 cm nhân với số đoạn 2 đoạn

<p>=> Củng cố cách vẽ đường tròn, xác định tâm, bán kính, đường kính. Cách tính độ dài của đường gấp khúc.</p>	<p>bằng 18 cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày trước lớp. - HS có cách làm khác trình bày trước lớp.
<p>3. Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giờ học hôm nay em được ôn lại những kiến thức gì? - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

TUẦN 9

TOÁN

BÀI 20: THỰC HÀNH VẼ GÓC VUÔNG, VẼ ĐƯỜNG TRÒN, HÌNH VUÔNG, HÌNH CHỮ NHẬT VÀ VẼ TRANG TRÍ - KẾT NỐI TRI THỨC (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Vẽ được hình theo mẫu và biết cách trang trí hình.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Giúp HS vẽ được hình theo mẫu và biết cách trang trí hình.	- HS thực hiện - HS lắng nghe
2. Luyện tập. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1/ 55 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 55, Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô thu vở nhận xét, chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.

<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Vẽ hình (theo mẫu). - Cho HS quan sát hình vẽ - GV cho học sinh phân tích hình và HS tự vẽ vào vở - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. <p>=> <i>Gv chốt cách vẽ hình theo mẫu.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hành vào vở, 1 HS lên bảng - Học sinh nhận xét
<p>* Bài 2: Vẽ theo mẫu rồi tô màu trang trí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài - GV cho HS phân tích cách vẽ - GV cho học sinh thực hiện vào vở - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức <p>=> <i>Gv chốt cách vẽ một hình tròn và cách tô màu.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài - HS phân tích cách vẽ: Sử dụng compa ta thực hiện như sau: + Vẽ hai đường tròn có bán kính lần lượt 4 ô vuông và 6 ô vuông. + Lấy một điểm nằm trên đường tròn có bán kính bằng 4 ô vuông. Vẽ đường tròn có tâm là điểm vừa vẽ và có bán kính bằng 2 ô vuông. - Học sinh thực hiện vào vở - HS lắng nghe
<p>3. HD Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy tìm vật dụng, đồ vật trong lớp học có hình tròn xếp lên nhau. - GV cho HS tìm, nêu. - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe - HS thực hiện
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

ÔN TOÁN

Bài 21: KHỐI LẬP PHƯƠNG - KHỐI HỘP CHỮ NHẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
- + Nhận biết được các yếu tố cơ bản của khối lập phương, khối hộp chữ nhật là đỉnh, mặt, cạnh.
- + Đếm được số lượng đỉnh, mặt, cạnh của khối lập phương, khối hộp chữ nhật
- + Phát triển năng lực Thông qua nhận biết các yếu tố của khối lập phương, khối hộp chữ nhật, HS phát triển năng lực quan sát, năng lực tư duy, mô hình hoá, đồng thời phát triển trí tưởng tượng không gian.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + HS nhận biết được các yếu tố cơ bản của khối lập phương, khối hộp chữ nhật là đỉnh, mặt, cạnh. + HS đếm được số lượng đỉnh, mặt, cạnh của khối lập phương, khối hộp chữ nhật + <u>Phát triển năng lực Thông qua nhận biết các yếu tố</u> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe

<p>của khối lập phương, khối hộp chữ nhật, HS phát triển năng lực quan sát, năng lực tư duy, mô hình hoá, đồng thời phát triển trí tưởng tượng không gian.</p>	
<p>2. Luyện tập.</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 56, 57 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 57 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; thu chữa bài và gọi Hs đã được cô thu vở nhận xét, chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>* Bài 1: Chiếc khung sắt của rạp xiếc có dạng khối lập phương với các cạnh được sơn màu xanh và đen (như hình vẽ).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát hình vẽ - GV cho học sinh làm miệng nối tiếp vào vở <p>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình vẽ - HS thực hành miệng - HS nối tiếp trả lời <p>Hình lập phương có: 8 đỉnh, 6 mặt, 12 cạnh.</p> <p>a) Đếm số cạnh màu xanh và đen, ta thấy:</p> <p>Khung sắt đó có tất cả 4 cạnh màu đen, 8 cạnh màu xanh.</p> <p>b) Nghệ sĩ xiếc ảo thuật cần lắp các tấm gỗ hình vuông vừa khít các mặt của chiếc khung đó. Nghệ sĩ cần dùng tất cả 6 tấm gỗ như vậy (vì hình lập phương có 6 mặt).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét

=> Gv chốt cách nhận biết được các yếu tố cơ bản của khối lập phương.	
<p>* Bài 2: Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS quan sát nhanh hình đề bài cho. - GV cho HS làm miệng và ghi kết quả vào vở - GV cho HS nhận xét. - GV nhận xét, khen cả lớp – đúng và chốt đáp án. <p>=> Gv chốt cách nhận biết được các yếu tố cơ bản của khối hộp chữ nhật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát nhanh hình đề bài cho. - HS làm miệng và ghi kết quả vào vở + Cục tẩy gồm 1 khối hộp chữ nhật màu xanh và 1 khối hộp chữ nhật màu xám. + Do đó: Khối hộp chữ nhật đó có 8 đỉnh ở nửa màu xanh và 8 đỉnh ở nửa màu xám. - HS nhận xét. - HS lắng nghe
<p>* Bài 3: Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh lên thực hiện - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức <p>=> Gv chốt cách nhận biết khối gỗ cho sẵn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng làm bài <p>Ta đếm như sau: Vây đường đi của con kiến đã chạm vào tất cả 7 cạnh của khối gỗ.</p>
<p>Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS quan sát nhanh hình đề bài cho. - GV cho HS làm vở 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát nhanh hình đề bài cho. - HS làm vở + Khối lập phương có: 8 đỉnh. + Mỗi đỉnh chú Tư cần dùng 1 sợi dây lạt để buộc lên để làm 1 chiếc khung đèn lồng, chú Tư cần dùng 8 sợi dây lạt để buộc. + Như vậy để làm 5 chiếc khung đèn lồng như vậy thì chú Tư cần dùng: $8 \times 5 = 40 \text{ (sợi dây lạt).}$

- GV cho HS nhận xét.
- GV nhận xét, khen cả lớp – đúng và chốt đáp án.
- *Gv chốt cách nhận biết được các yếu tố cơ bản của khối lập phương.*

Bài 5: Ba nghệ sĩ đang biểu diễn trên chiếc khung thép dạng khối hộp chữ nhật (như hình vẽ).

- GV cho HS quan sát nhanh hình đề bài cho.
- GV cho HS làm vở

- GV cho HS nhận xét.
- GV nhận xét, khen cả lớp – đúng và chốt đáp án.
- 🏗️ *Gv chốt cách nhận biết được các yếu tố cơ bản của khối hộp chữ nhật.*

3. HD Vận dụng

- Hãy tìm vật dụng, đồ vật trong lớp học có hình khối lập phương, khối hộp chữ nhật?
- GV cho HS tìm, nêu.
- GV nhận xét giờ học.
- GV dẫn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

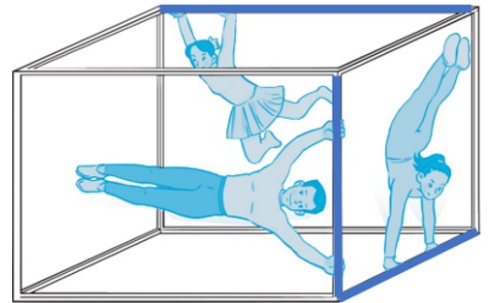
Vậy số cần điền vào chỗ chấm là số 40.

- HS NX

- HS quan sát nhanh hình đề bài cho.

- HS làm vở

a) Ta tô như sau:



b) Chiếc khung thép có tất cả 12 cạnh.

Các nghệ sĩ xiếc bám vào 3 cạnh. Vậy có 9 cạnh của chiếc khung mà các nghệ sĩ không bám vào.

- HS nhận xét.

- HS lắng nghe

ÔN TOÁN

BÀI 22: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + HS nhận biết được ba điểm thẳng hàng, điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng.
- + Nhận biết được các yếu tố của hình tròn như tâm, bán kính, đường kính.
- + Sử dụng comp pa và ê ke để vẽ được đường tròn và kiểm tra góc vuông.
- + Nhận biết được tính chất hình chữ nhật, hình vuông về góc, cạnh.
- + Củng cố lại các kiến thức về điểm, điểm ở giữa, trung điểm, bán kính, đường kính của hình tròn, cạnh của hình vuông.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

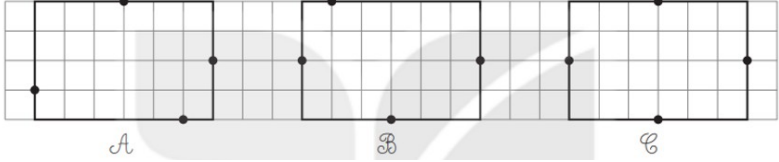
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + HS nhận biết được ba điểm thẳng hàng, điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng. + Nhận biết được các yếu tố của hình tròn như tâm, bán	- HS thực hiện - HS lắng nghe

<p>kính, đường kính.</p> <p>+ Sử dụng com pa và ê ke để vẽ được đường tròn và kiểm tra góc vuông.</p> <p>+ Nhận biết được tính chất hình chữ nhật, hình vuông về góc, cạnh.</p> <p>+ Củng cố lại các kiến thức về điểm, điểm ở giữa, trung điểm, bán kính, đường kính của hình tròn, cạnh của hình vuông.</p>	
<p>2. Luyện tập.</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <p>- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 58 Vở Bài tập Toán.</p> <p>- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 58 Vở Bài tập Toán.</p> <p>- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.</p> <p>- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; thu chữa bài và gọi Hs đã được cô thu vở nhận xét, chữa lên làm bài.</p> <p>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</p>	<p>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</p> <p>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.</p> <p>-Hs làm bài</p> <p>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</p>
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <p>- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:</p> <p>* Bài 1: Bạn Việt vẽ một hình chữ nhật trên giấy ô vuông rồi vẽ trung điểm mỗi cạnh của hình chữ nhật đó. Em hãy khoanh vào chữ đặt dưới hình mà bạn Việt đã vẽ.</p> <p>- Cho HS quan sát hình vẽ</p>  <p>- GV cho học sinh làm miệng nối tiếp vào vở</p> <p>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện</p>	<p>- HS quan sát hình vẽ</p> <p>- HS thực hành miệng</p> <p>- HS nối tiếp trả lời</p> <p>Bạn Việt đã vẽ hình C</p> <p>Vì các hình A và B đều có 1 điểm không phải là trung điểm.</p> <p>- Học sinh nhận xét</p>

<p>tốt.</p> <p>=> Gv chốt cách nhận biết được ba điểm thẳng hàng, điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng.</p>	
<p>* Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>- GV cho HS quan sát nhanh hình đề bài cho.</p> <p>- GV cho HS làm miệng và ghi kết quả vào bảng con.</p> <p>- GV cho cả lớp giơ bảng con.</p> <p>- GV cho HS nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét, khen cả lớp – đúng và chốt đáp án.</p> <p>=> Gv chốt cách nhận biết được các yếu tố của hình tròn như tâm, bán kính, đường kính, nhận biết được tính chất hình vuông.</p>	<p>- HS quan sát nhanh hình đề bài cho.</p> <p>- HS làm miệng và ghi kết quả vào Độ dài cạnh của hình vuông bằng độ dài 4 lần bán kính hình tròn.</p> <p>Cạnh hình vuông đó dài là:</p> $3 \times 4 = 12 \text{ (cm)}$ <p>Vậy cạnh hình vuông đó dài 12 cm.</p> <p>- Cả lớp giơ bảng con.</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>* Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.</p> <p>- GV cho học sinh lên thực hiện</p> <p>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p> <p>=> Gv chốt cách nhận biết được tính chất hình chữ nhật về góc, cạnh.</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài</p> <p>a) Chiều dài của cái ao bằng chiều dài của 2 lá súng to và 2 lá súng bé.</p> <p>Chiều dài của cái ao là:</p> $2 \times 10 + 2 \times 5 = 30 \text{ (cm)}$ <p>Kết luận: Chiều dài của cái ao là 30 cm.</p> <p>b) Chiều rộng của cái ao bằng chiều dài của 1 lá súng to và 2 lá súng bé.</p> <p>Chiều dài của cái ao là:</p> $1 \times 10 + 2 \times 5 = 20 \text{ (cm)}$ <p>Kết luận: Chiều rộng của cái ao là 20 cm.</p>
<p>3. HĐ Vận dụng</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - Hãy tìm vật dụng, đồ vật trong lớp học có hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn? - GV cho HS tìm, nêu. - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét. - HS lắng nghe
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

ÔN TOÁN

BÀI 22: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
+ Củng cố nhận biết hình tam giác, hình tứ giác, góc; củng cố lại kỹ năng sử dụng công cụ như ê ke; củng cố các kiến thức về hình khối đã học.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe

<p>+ Cùng cố nhận biết hình tam giác, hình tứ giác, góc; cùng cố lại kỹ năng sử dụng công cụ như ê ke; cùng cố các kiến thức về hình khối đã học.</p>	
<p>2. Luyện tập. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 59 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 59 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; thu chữa bài và gọi Hs đã được cô thu vở nhận xét, chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</p>	<p>- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.</p>
<p>Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Quan sát hình vẽ dưới đây rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp. - Cho HS quan sát hình vẽ - GV cho học sinh làm miệng nối tiếp vào vở - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. <i>=>Gv chốt cách sử dụng com pa và ê ke để vẽ được đường tròn và kiểm tra góc vuông.</i></p>	<p>- HS quan sát hình vẽ - HS thực hành miệng - HS nối tiếp trả lời a) Trong hình vẽ có: + Các hình tam giác là: ACD, ABC, ABG, BCE + Các hình tứ giác là: ABCD, ACBD, DCBG, ABEC b) Dùng ê ke, em tìm được trong hình vẽ có tất cả 4 góc vuông. - Học sinh nhận xét</p>
<p>* Bài 2: Số? - GV cho HS quan sát nhanh hình đề bài cho. - GV cho HS làm miệng và ghi kết quả vào bảng con.</p>	<p>- HS quan sát nhanh hình đề bài cho. - HS làm miệng và ghi kết quả vào</p>

- Hãy tìm vật dụng, đồ vật trong lớp học có khối lập phương, khối hộp chữ nhật?
- GV cho HS tìm, nêu.
- GV nhận xét giờ học.
- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

- HS nhận xét.
- HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

TOÁN: Củng cố .**Bài 23: NHÂN SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (T1)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Năng lực đặc thù**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Thực hiện được phép nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).

2. Năng lực chung: Lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.**3. Phẩm chất:** Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC****1. Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK**2. Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:****1. Khởi động**

- GV tổ chức cho Hs hát
- GV dẫn dắt vào bài mới
- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:
- + Thực hiện được phép nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).
- + Thực hiện được nhân nhẩm trong những trường hợp đơn giản.
- + Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến phép nhân số có hai chữ số với số có một chữ

2. Luyện tập.**1:** GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 60 Vở Bài tập Toán.
- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/60 Vở Bài tập Toán.
- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.
- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; thu chữa bài và gọi Hs đã được cô thu vở nhận xét, chữa lên làm bài.

HS đọc yêu cầu đề bài

- HS nhắc lại cách thực hiện phép nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ).
- HS nhận xét
- cả lớp làm bảng con, 1 HS lên bảng làm.

Đáp án: 36; 88; 66; 90

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Bài 2: Tính nhẩm (theo mẫu)

- Cho HS đọc yêu cầu đề bài
- GV cho HS nhắc lại cách thực hiện được nhân nhẩm trong những trường hợp đơn giản.

- GV cho HS nhận xét
- GV cho cả lớp làm miệng - Cả lớp làm miệng

Đáp án: 90; 40; 40; 60

Bài 3: Nối (theo mẫu)?

- Cho HS đọc yêu cầu đề bài
- GV hướng dẫn HS thực hiện
- GV cho HS nhận xét
- GV cho cả lớp thảo luận nhóm 2 (5p)

 Gv chốt cách thực hiện thực hiện phép cộng, phép nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ)

Bài 4:

- Cho HS đọc yêu cầu đề bài
- GV cho HS hướng dẫn phân tích đề bài.
- GV cho cả lớp làm vở, 1 HS làm bảng phụ

Bài giải

Thời gian cô Mai cần để đan được 4 chiếc mũ len như vậy là:

$$12 \times 4 = 48 \text{ (giờ)}$$

Đáp số: 48 giờ

3. HD Vận dụng :Tính:

$$12 \times 3 = ?$$

$$20 \times 2 = ?$$

$$40 \times 2 = ?$$

- GV cho HS làm bảng con tìm kết quả
- GV nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

TUẦN 11 :

TOÁN

CHỦ ĐỀ 4: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 100

Bài 26: CHIA SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
(Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:

+ Thực hiện được phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số trong trường hợp: chia hết

+ Tìm được các thành phần chưa biết của một phép tính như số bị chia, thừa số

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động - GV tổ chức cho HS hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Giúp HS biết cách đặt tính chia và tính trong trường hợp chia hết + HS áp dụng được phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số để tìm thừa số chưa biết trong phép nhân.	- HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 66 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 66 Vở Bài tập Toán. - GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Tính/VBT tr.66 - GV cho HS tự làm bài vào vở (hướng dẫn lại kĩ thuật tính khi cần thiết) - Yêu cầu 1 số HS trình bày kết quả trên	- HS thực hiện

bảng, HS khác đối chiếu nhận xét - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời - Yêu cầu HS nêu lại cách thực hiện, chỉ ra phép chia hết và phép chia có dư - GV Nhận xét, tuyên dương. <i>🏰 Gv chốt đáp án, cùng cố phép chia hết, phép chia có dư</i>	- HS nêu lại cách chia
* Bài 2: Đặt tính rồi tính(VBT/66) - GV cho HS tự làm bài vào vở - Yêu cầu 1 số HS trình bày kết quả trên bảng, HS khác đối chiếu nhận xét - Yêu cầu HS nêu lại cách thực hiện, chỉ ra phép chia hết và phép chia có dư - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án. <i>🏰 Gv chốt cách chia số có hai chữ số cho số có một chữ số.</i>	- HS thực hiện làm bài - HS nêu lại cách chia
* Bài 3: VBT/66 - GV cho học sinh lên thực hiện + Nêu lại cách chia nhằm - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức <i>🏰 Gv chốt cách chia nhằm số tròn chục cho số có 1 chữ số</i>	- 2 HS lên bảng làm bài
* Bài 4: VBT/66 - GV gọi 1 hs nêu - GV nhận xét, chốt kết quả + Em hãy nêu cách tính? - GV chốt: cách tìm thừa số chưa biết	- Hs nêu kết quả: a/ 12 b/ 11 c/ 31
3. HD Vận dụng - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thực hiện được phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số dạng chia hết - Nhận xét, tuyên dương - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + HS thực hiện
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

TOÁN (CC)

CHIA SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Thực hiện được phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số trong trường hợp: chia có dư

2. Năng lực chung. Lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

3. Phẩm chất.

Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

1. HĐ Khởi động

- GV tổ chức cho Hs hát
 - GV dẫn dắt vào bài mới
 - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:
- + Giúp HS biết cách đặt tính chia và tính trong trường hợp chia hết

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 67 Vở Bài tập Toán.
- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 67 Vở Bài tập Toán.
- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.
- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

* Bài 1: Tính/VBT tr.67

- GV cho HS tự làm bài vào vở (hướng dẫn lại kĩ thuật tính khi cần thiết)
- Yêu cầu 1 số HS trình bày kết quả trên bảng, HS khác đối chiếu nhận xét
- Yêu cầu HS nêu lại cách thực hiện, chỉ ra phép chia hết và phép chia có dư
- GV Nhận xét, tuyên dương.

* Bài 2: Đ/S (VBT/67)

- GV cho HS tự làm bài vào vở
- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời
- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

* Bài 3: VBT/66

- GV cho học sinh lên thực hiện
- 1 HS lên bảng làm bài

Bài giải

Mỗi ngăn chứa số quyển truyện là:

$$60 : 4 = 15 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 15 quyển truyện

Bài 4: VBT/66

- GV gọi 1 hs nêu cách làm
 - Hs lên bảng làm, dưới lớp đọc bài làm của mình
- Bài giải

Ta có: $40 : 3 = 13$ (dư 10)

Vậy bác An chia cho mỗi bạn nhỏ được 13 cái kẹo và dư một cái

3. HĐ Vận dụng

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thực hiện được phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số dạng chia hết
- Nhận xét, tuyên dương
- GV nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

TOÁN

CHỦ ĐỀ 4: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 100

Bài 26: CHIA SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

Tiết 3

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
- + Thực hiện được phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số trong trường hợp: chia có dư
- + Tìm được các thành phần chưa biết của một phép tính như số bị chia, thừa số
- + Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Giúp HS biết cách đặt tính chia và tính trong trường hợp chia hết + HS áp dụng được phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số để tìm thừa số chưa biết trong phép nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 68 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 68 Vở Bài tập Toán. - GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS làm bài

ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.	- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Tính/VBT tr.68 - GV cho HS tự làm bài vào vở (hướng dẫn lại kĩ thuật tính khi cần thiết) - Yêu cầu 1 số HS trình bày kết quả trên bảng, HS khác đối chiếu nhận xét - Yêu cầu HS nêu lại cách thực hiện, chỉ ra phép chia hết và phép chia có dư - GV Nhận xét, tuyên dương. <i> Gv chốt đáp án, củng cố về phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số</i>	- HS thực hiện - HS nêu lại cách chia
* Bài 2: Làm việc cá nhân): Bài toán có lời văn (VBT/68) - GV yêu cầu HS đọc hiểu, phân tích bài toán - Yêu cầu 1 số HS trình bày kết quả trên bảng, HS khác đối chiếu nhận xét - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án. <i> Gv chốt đáp án</i>	- HS đọc hiểu - HS thực hiện Bài giải Bà Huyền chuẩn bị được số suất quà là: $87 : 3 = 29$ (suất) Đáp số: 29 suất quà
* Bài 3: VBT/68 - GV yêu cầu HS đọc hiểu, phân tích bài toán - Yêu cầu 1 số HS trình bày kết quả trên bảng, HS khác đối chiếu nhận xét - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án. <i> Gv chốt đáp án</i>	- HS đọc hiểu - HS thực hiện Bài giải Ta có: $32 : 5 = 6$ (dư 2) Vậy cần ít nhất 7 chiếc thuyền để chở hết số khách du lịch đó
* Bài 4: Tìm số bị chia (VBT/68) - GV hướng dẫn HS nhắc lại mối liên hệ giữa phép nhân và phép chia đã học trong các bảng nhân, bảng chia để hướng dẫn	- Hs nêu kết quả - HS theo dõi

<p>HS tìm số bị chia bằng cách “Lấy thương nhân với số chia”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia nhóm, các nhóm thảo luận và làm bài - GV nhận xét, tuyên dương. <p> <i>Gv chốt cách tìm số bị chia</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc theo nhóm - HS trình bày kết quả <p>a/ 96 b/ 92 c/ 78 d/ 94</p>
<p>3. HĐ Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thực hiện được phép chia số có hai chữ số cho số có một chữ số dạng chia hết - Nhận xét, tuyên dương - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + HS thực hiện
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

-

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
- + Nhận biết được khái niệm giảm một số đi một số lần.
- + Biết cách giảm một số đi một số lần bằng cách lấy số đó chia cho số lần và vận dụng để giải các bài tập liên quan tới giảm một số đi một số lần.

2. Năng lực chung. Lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

3. Phẩm chất. Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

1. HĐ Khởi động

- GV tổ chức cho Hs hát
- GV dẫn dắt vào bài mới
- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:
- + Nhận biết được khái niệm giảm một số đi một số lần.
- + Biết cách giảm một số đi một số lần bằng cách lấy số đó chia cho số lần và vận dụng để giải các bài tập liên quan tới giảm một số đi một số lần.

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 68 Vở Bài tập Toán.
- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 68 Vở Bài tập Toán.
- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.
- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Bài 1: Số? /VBT tr.69

- Gọi HS đọc đề bài.
- GV hướng dẫn cột đầu tiên:
- H: Muốn giảm một số đi 3 lần ta làm thế nào?
- H: Giảm 36 đi 3 lần sẽ được kết quả bao nhiêu?
- Yêu cầu HS suy nghĩ làm những phép tính còn lại vào vở BT

* Bài 2: VBT/69

- GV cho HS tự làm bài vào vở
- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời
- Yêu cầu HS nêu lại cách thực hiện
- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

* Bài 3: VBT/69

- Gọi HS đọc bài toán
- GV hướng dẫn HS làm bài và phân tích bài toán.

H: Bài toán cho biết gì?

H: Bài toán hỏi gì?

H: Bài toán thuộc dạng toán gì?

- Gọi đại diện nhóm lên bảng chia sẻ bài làm trên bảng lớp, cả lớp làm vào vở nháp.

TL: Bác Bình thu hoạch được 78 kg cam, số ki-lô-gam cam so với lúc đầu giảm đi 3 lần.

TL: Hỏi Bác Bình còn lại bao nhiêu kg cam?

TL: Bài toán thuộc dạng toán “Giảm một số đi một số lần”

- 1 HS lên bảng chia sẻ bài làm trên bảng lớp, cả lớp làm vào vở nháp.

Bài giải

Bác Bình còn lại số ki-lô-gam cam là:

$$78 : 3 = 26 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 26 kg cam

* **Bài 4: VBT/69** : GV gọi 1 hs nêu

- GV nhận xét, chốt kết quả

 **GV chốt:** Cùng cố kiến thức gấp một số lên nhiều lần, giảm một số đi một số lần

3. HĐ Vận dụng

+ Chọn ra 5 số bất kỳ có 3 chữ số, có hàng đơn vị là 5 hoặc 0. Thực hành ra nháp: Giảm số đó đi 5 lần, sau đó tiếp tục giảm số đó đi 5 đơn vị.

- Nhận xét, tuyên dương

Ví dụ:

+ 135 giảm đi 5 lần, rồi giảm đi 5 đơn vị.

+ 290 giảm đi 5 lần, rồi giảm đi 5 đơn vị.

3. HĐ Vận dụng

+ Chọn ra 5 số bất kỳ có 3 chữ số, có hàng đơn vị là 5 hoặc 0. Thực hành ra nháp: Giảm số đó đi 5 lần, sau đó tiếp tục giảm số đó đi 5 đơn vị.

- Nhận xét, tuyên dương

- GV nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

TOÁN

Bài 27: GIẢM MỘT SỐ ĐI MỘT SỐ LẦN (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Học sinh củng cố khái niệm giảm đi một số lần và phân biệt được với khái niệm gấp lên một số lần.
- Củng cố kĩ năng tính chia số có hai chữ số cho số có một chữ số và nhân số có hai chữ số với số có một chữ số.
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết được khái niệm giảm một số đi một số lần. + Biết cách giảm một số đi một số lần bằng cách lấy số đó chia cho số lần và vận dụng để giải các bài tập liên quan tới giảm một số đi một số lần. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 70 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 70 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài

<p>đã được cô chấm chữa lên làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>* Bài 1: Số? /VBT tr.70</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS suy nghĩ làm bài vào vở BT <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>🏠 Gv chốt: <i>Bt củng cố cách gấp một số lên nhiều lần, giảm một số đi một số lần</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1, 2 HS đọc đề bài. - HS thực hiện, sau khi làm xong HS cùng bàn đổi chéo bài cho nhau để kiểm tra và sửa sai cho nhau.
<p>* Bài 2: VBT/70</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tự làm bài vào vở - Yêu cầu 1 số HS trình bày kết quả trên bảng, HS khác đổi chiều nhận xét <p>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</p> <p>🏠 Gv chốt: <i>Bt củng cố cách gấp một số lên nhiều lần, giảm một số đi một số lần</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện làm bài a/ 26 cm b/ 81 cm - HS lắng nghe
<p>* Bài 3: VBT/70</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc bài toán - GV hướng dẫn HS làm bài và phân tích bài toán. <p>H: Bài toán cho biết gì? H: Bài toán hỏi gì? H: Bài toán thuộc dạng toán gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS lên bảng chia sẻ bài làm trên bảng lớp, cả lớp làm vào vở <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>🏠 Gv chốt</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc bài toán. <p>TL: Bài toán thuộc dạng toán “Giảm một số đi một số lần”</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS lên bảng làm bài trên bảng lớp, cả lớp làm vào vở <p>Bài giải</p> <p>Mai còn lại số tờ giấy màu là:</p> $42 : 6 = 7 \text{ (tờ)}$ <p>Đáp số: 26 tờ giấy</p>
<p>* Bài 4: VBT/70</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 hs nêu 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs nêu kết quả: a/ 9 b/ 8 c/ 9 d/ 9

<p>- GV nhận xét, chốt cách tìm số chia chưa biết</p>	
<p>3. HD Vận dụng</p> <p>- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh củng cố lại khái niệm giảm đi một số lần và phân biệt được với khái niệm gấp lên một số lần.</p> <p>+ Tìm các số có 2 chữ số, có hàng đơn vị là 0, giảm chúng đi 10 lần xem kết quả bằng bao nhiêu.</p> <p>+ Tìm các số có 2 chữ số, có hàng chục là 7, gấp chúng lên 5 lần xem kết quả bằng bao nhiêu.</p> <p>- Nhận xét tiết học, tuyên dương một số học sinh tích cực xây dựng bài.</p> <p>- Nhận xét, tuyên dương</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- HS tả lời</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TUẦN 13:

TOÁN : (CC)

BÀI 30: Mi – li – mét

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
- + Nhận biết được đơn vị đo độ dài mi-li-mét.
- + Biết đọc viết tắt đơn vị đo độ dài mi-li-mét.
- + Biết được mối liên hệ hai số đo độ dài mi-li-mét và xăng-ti-mét.
- + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung: Lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

3. Phẩm chất: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

1. HD Khởi động

- GV tổ chức cho Hs hát
- GV dẫn dắt vào bài mới

- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 77 Vở Bài tập Toán.

- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.

2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

* Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm/VBT tr.77

a) $150\text{mm} + 400\text{mm} = \dots \text{mm}$

$45\text{mm} + 2\text{mm} = \dots \text{mm}$

b) $450\text{mm} - 180\text{mm} = \dots \text{mm}$

$72\text{mm} - 34\text{mm} = \dots \text{mm}$

c) $37\text{mm} \times 2 = \dots \text{mm}$

$72\text{mm} : 3 = \dots \text{mm}$

- GV cho HS chữa bài.

- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.

- HS nối tiếp trả lời

a) $150\text{mm} + 400\text{mm} = 550 \text{ mm}$

$45\text{mm} + 2\text{mm} = 47\text{mm}$

b) $450\text{mm} - 180\text{mm} = 270\text{mm}$

$72\text{mm} - 34\text{mm} = 38\text{mm}$

c) $37\text{mm} \times 2 = 74\text{mm}$

$72\text{mm} : 3 = 24\text{mm}$

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm(VBT/77)

- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”

- GV hỏi: giảm đi một số lần làm phép tính gì?

Gấp lên một số lần làm phép tính gì?

a) 24 mm giảm 8 lần $\rightarrow \dots \text{ mm}$ b) 49 mm gấp 2 lần $\rightarrow \dots \text{ mm}$

c) 96 mm giảm 4 lần $\rightarrow \dots \text{ mm}$ d) 18 mm gấp 5 lần $\rightarrow \dots \text{ mm}$

HS thực hiện làm bài

a) 3mm

b) 98mm

c) 24mm

d) 90mm

- HS nhận xét

* Bài 3: VBT/77

Một búp măng ngày hôm qua cao 173mm so với mặt đất. Ngày hôm nay búp măng đó đã cao 292mm so với mặt đất. Hỏi sau một ngày, búp măng đó cao thêm được bao nhiêu mi-li-mét?

- GV cho học sinh lên thực hiện

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức

Bài giải

Sau một ngày, búp măng đó cao thêm được số mi-li-mét là:

$292 - 173 = 119 \text{ (mi-li-mét)}$

Đáp số: 119mm

Bài 4: VBT/77.

- GV gọi 1 hs nêu

Lượng mưa đo được vào ngày thứ Ba là 17mm. Ngày thứ Tư cùng tuần đó lượng mưa đo được gấp 4 lần ngày thứ Ba. Hỏi lượng mưa đo được vào ngày thứ Tư là bao nhiêu mi-li-mét?

Hs nêu kết quả:

Bài giải

Lượng mưa đo được vào ngày thứ Tư là:

$$17 \times 4 = 68 \text{ (mi-li-mét)}$$

Đáp số 68 mm

3. HĐ Vận dụng

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh biết thực hiện phép tính cộng , trừ có đơn vị đo mm
- GV nhận xét giờ học.
- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

TOÁN : (CC) BÀI 31: Gam

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
- + Nhận biết được đơn vị đo khối lượng gam (g).
- + Biết đọc, viết tắt đơn vị đo khối lượng gam.
- + Nhận biết được $1 \text{ kg} = 1\,000 \text{ g}$.
- + Vận dụng vào thực hành cân các đồ vật cân nặng theo đơn vị gam (g).
- + Thực hiện được đổi đơn vị kg, g và phép tính với đơn vị gam (g).

2. Năng lực chung: Lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập, giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

3. Phẩm chất: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

1. HĐ Khởi động

- GV tổ chức cho Hs hát
- GV dẫn dắt vào bài mới
- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:
- + HS nhận biết, biết đọc, viết tắt được đơn vị đo khối lượng gam

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 78,79 Vở Bài tập Toán.
- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.
- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.

2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:
- * **Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu)/VBT tr.78**
- Cho HS quan sát tranh
- + Cân thứ nhất các con thấy 3 quả cam cân nặng bao nhiêu?
- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời

HS nối tiếp trả lời

b) 600g c) 120g d) 300g

* **Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (VBT/79)**

- GV cho HS lần lượt TLCH
- a) Túi táo cân nặng ...g
- b) Gói bột mì cân nặng ...g
- c) Gói bột mì nhẹ hơn túi táo

HS thực hiện làm bài

- a) Túi táo cân nặng 750g
- b) Gói bột mì cân nặng 500g
- c) Gói bột mì nhẹ hơn túi táo 250g
- HS nhận xét

*** Bài 3: VBT/79**

- GV HD HS làm bài vào vở.
- Yêu cầu HS nêu cách thực hiện phép tính với đơn vị gam.

a) $250\text{g} + 180\text{g} = \dots\text{g}$

$430\text{g} - 250\text{g} = \dots\text{g}$

$430\text{g} - 180\text{g} = \dots\text{g}$

b) $8\text{g} \times 9 = \dots\text{g}$

$72\text{g} : 9 = \dots\text{g}$

$72\text{g} : 8 = \dots\text{g}$

- GV cho HS nhận xét bài làm của bạn.

Bài 4: VBT/79.

- GV gọi 1 hs nêu
- + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì ?
- Hs nêu kết quả:

Bài giải

Đổi: $1\text{kg} = 1000\text{g}$

Mẹ đã lấy 2 lần số gam đường là:

$$150 + 200 = 350 \text{ (g đường)}$$

Trong lọ còn lại số gam đường là:

$$1000 - 350 = 650 \text{ (g đường)}$$

Đáp số: 650 g đường.

3. HĐ Vận dụng

H: Giờ học hôm nay em được ôn lại những kiến thức gì?

- GV nhận xét giờ học.
- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

TUẦN 13

TOÁN

Chủ đề 3: MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI, KHỐI LƯỢNG, DUNG TÍCH, NHIỆT ĐỘ

BÀI 32: Mi – li – lít

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Nhận biết được đơn vị đo dung tích mi-li-lít (ml).
- + Biết đọc, viết tắt đơn vị đo dung tích mi-li-lít.
- + Nhận biết được $1l = 1\ 000\ ml$
- + Vận dụng vào thực hành đo lượng nước trong các đồ vật theo đơn vị mi-li-lít (ml).
- + Thực hiện được đổi đơn vị đo l và ml và phép tính trên các đơn vị đo ml .

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HD Khởi động - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Tính: $320\ g : 8$ $225\ g - 27\ g$ + Câu 2: Gv đưa 1 số dụng cụ đã chuẩn bị để đo dung tích và hỏi các con dự đoán dùng để làm gì, con nêu hiểu biết của mình về các đơn vị đo của nước, mắm, dầu, xăng...? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới. Hôm nay, chúng ta sẽ học về đơn vị đo nhỏ hơn lít:	- HS tham gia trò chơi + Học sinh thực hiện vào bảng con $320\ g : 8 = 40\ g$ $225\ g - 27\ g = 198\ g$ + Nêu ý kiến theo cá nhân học sinh: để đựng và đo các đơn vị của các chất lỏng như xăng, dầu, mắm, nước.... đơn vị thường hay dùng nhất là lít - HS lắng nghe

Mi li lít.”	
<p>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/80 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/80 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>* Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu)/VBT tr.78</p> <ul style="list-style-type: none"> - YC HS quan sát tranh - Gọi HS nối tiếp trả lời - GV cho HS nhận xét. - GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt. <p><i>🧩 Gv chốt tính nhằm được lượng nước có trong bình khi rót hết vào các ca.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh. - HS nối tiếp trả lời a) 400ml ; 10ml c) 500ml - Học sinh nhận xét. - HS lắng nghe.
<p>* Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (VBT/79)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc đề bài - GV yêu cầu HS làm bài vào vở. - GV cho HS lần lượt TLCH - GV nhận xét, khen học sinh <p><i>🧩 Gv chốt cách tính nhằm được lượng nước còn lại trong phích ta lấy lượng nước ban đầu trừ đi lượng nước đã rót ra các ca..</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài - HS thực hiện làm bài a) 1000ml b) 200ml - HS nhận xét - HS lắng nghe, quan sát.
<p>* Bài 3: VBT/80</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV HD HS làm bài vào vở. - Yêu cầu HS nêu cách thực hiện phép tính 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng làm bài, HS còn lại làm vở. - Thực hiện tính kết quả phép tính

<p>với đơn vị ml</p> <p>- GV cho HS nhận xét bài làm của bạn. - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p> <p> <i>Gv chốt thực hiện các phép tính có kèm đơn vị ml.</i></p>	<p>rồi viết kí hiệu đơn vị ml sau kết quả vừa tìm được.</p> <p>a) $250\text{ml} + 100\text{g} = 350\text{ml}$ $350\text{ml} - 250\text{ml} = 100\text{ml}$ $350\text{ml} - 100\text{ml} = 250\text{ml}$</p> <p>b) $9\text{ml} \times 3 = 27\text{ml}$ $27\text{ml} : 3 = 9\text{ml}$ $27\text{ml} : 9 = 3\text{ml}$</p> <p>- HS nhận xét. - HS lắng nghe.</p>
<p>* Bài 4: VBT/80.</p> <p>- GV gọi 1 hs nêu + Bài toán cho biết gì?</p> <p>+ Bài toán hỏi gì?</p> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả đúng. - GV tuyên dương HS làm đúng và nhanh nhất.</p> <p> <i>Gv chốt cách giải toán có lời văn. Liên hệ thực tế.</i></p>	<p>- HS đọc yêu cầu đề bài. + Bài toán cho biết có 1 lít nước. Rót đầy 1 ca 500ml và 1 ca 300ml. + Bài toán hỏi trong bình còn lại bao nhiêu mi-li-lít nước?</p> <p>- Hs nêu kết quả:</p> <p><i>Bài giải</i> <i>Đổi: 1l = 1000ml</i> <i>Số nước đã rót đầy ca là:</i> $500 + 300 = 800 \text{ (l nước)}$ Trong bình còn lại số mi-li-lít nước là: $1000 - 800 = 200 \text{ (l nước)}$ Đáp số: 200 l nước</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>3. HĐ Vận dụng</p> <p>H: Giờ học hôm nay em được ôn lại những kiến thức gì?</p> <p>- GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- HS trả lời</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TUẦN 13

TOÁN

Chủ đề 3: MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI, KHỐI LƯỢNG, DUNG TÍCH,
NHIỆT ĐỘ

BÀI 33: Nhiệt độ, đơn vị đo nhiệt độ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Nhận biết, cảm nhận được nóng hơn, lạnh hơn. Từ đó bước đầu làm quen biểu tượng nhiệt độ.
- + Nhận biết được đơn vị đo nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$) . Đọc, viết được đơn vị đo nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)
- + Nhận biết và bước đầu làm quen, sử dụng được nhiệt kế đo nhiệt độ không khí và nhiệt kế đo thân nhiệt.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.
- Qua hoạt động quan sát thời tiết. Đọc bản tin dự báo thời tiết, nhiệt độ không khí. Qua hoạt động theo dõi nhiệt độ cơ thể (lúc bình thường, lúc nóng sốt ...) HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động - GV tổ chức hát tập thể - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia hát - HS lắng nghe.
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.	

<ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 81 vào vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 81 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS làm bài - HS trao đổi chéo vở KT bài
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>* Bài 1: Viết vào chỗ chấm cho thích hợp VBT tr.81</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát - Yêu cầu HS lần lượt trả lời các câu hỏi trên. - GV cho HS nhận xét. - GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt. <p> <i>Gv chốt cách nhận biết nhiệt độ.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát. - Học sinh trả lời nối tiếp a) Sa Pa b) Nha Trang c) Sa Pa - Học sinh nhận xét bổ sung cho bạn.
<p>* Bài 2: Hoàn thành bảng (theo mẫu)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề bài - HS làm bài - Cho học sinh nhận xét - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án. <p> <i>Gv chốt viết nhiệt độ.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề - HS thực hiện làm bài + 35 độ C + 31 độ C + Mười lăm độ C - HS nhận xét - HS lắng nghe, quan sát
<p>* Bài 3: VBT/81</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HD đọc đề bài. - GV HS làm bài. - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức <p> <i>Gv chốt cách so sánh nhiệt độ cao thấp</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS đọc bài làm của mình. + 37
<p>* Bài 4: VBT/76</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 hs nêu 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài - HS nêu kết quả: + <i>Trưa, Chiều, Sáng sớm, Đêm.</i>

<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhận xét - GV nhận xét, chốt kết quả: <p>🏰 Gv cũng cố viết nhiệt độoj theo thứ tự từ cao đến thấp (lớn đến bé)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét. - HS lắng nghe.
<p>3. HĐ Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS thực hành cặp nhiệt độ cơ thể và đo nhiệt độ không khí - Nhận xét, tuyên dương - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS nghe
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

Bài 34: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI CÁC ĐƠN VỊ MI – LI – MÉT, GAM, MI – LI – LIT, ĐỘ C (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Biểu tượng về các đơn vị đo đã học;
- + Phát triển năng lực sử dụng công cụ đo.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Biểu tượng về các đơn vị đo đã học; + Phát triển năng lực sử dụng công cụ đo. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 82 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 82, 83 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài

<ul style="list-style-type: none"> - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>* Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. <p> <i>Gv chốt cách đo độ dài</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nối tiếp trả lời + Quân cỡ thứ nhất cao:.....mm + Quân cỡ thứ hai cao:.....mm + Quân cỡ thứ ba cao:.....mm - Học sinh nhận xét
<p>* Bài 2: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng (VBT/84)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?” + 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài: “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng. - Cho học sinh nhận xét - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án. <p> <i>Gv chốt cách ước lượng khối lượng của một vật</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách thực hiện - HS thực hiện làm bài a/ A b/ B c. B - HS nhận xét - HS lắng nghe, quan sát
<p>* Bài 3: VBT/84</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh lên thực hiện - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức <p> <i>Gv chốt cách đo nhiệt độ bằng nhiệt kế</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng làm bài
<p>* Bài 4: VBT/84.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 hs nêu. - GV nhận xét, chốt kết quả. <p> <i>Gv chốt cách cân</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hs nêu cách làm: a/ một bên để quả cân 100g và quả cân 200g, đĩa cân còn lại để gạo sao cho thăng bằng với đĩa cân kia thì sẽ lấy được 300g gạo b/ sau khi lấy ra 300g gạo thì còn lại là 700g gạo
<p>3. HĐ Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS quan sát bảng đo thời tiết có sẵn, yêu cầu HS thi đọc đúng nhiệt độ. - Nhận xét giờ học, khen ngợi, động viên 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS trả lời, nhận xét - HS nghe

<p>HS.</p> <p>- GV dẫn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.</p>	
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TUẦN 14

CHỦ ĐỀ 5: MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI, KHỐI LƯỢNG, DUNG TÍCH, NHIỆT ĐỘ

Bài 34: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI CÁC ĐƠN VỊ MI – LI – MÉT, GAM, MI – LI – LIT, ĐỘ C (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Biểu tượng về các đơn vị đo đã học;
- + Phát triển năng lực sử dụng công cụ đo.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

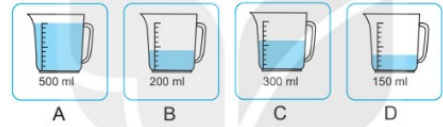
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. HĐ Khởi động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Biểu tượng về các đơn vị đo đã học; + Phát triển năng lực sử dụng công cụ đo. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
<p>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm</p>	

<p>bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 83, 84 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 83, 84 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Đọc số đo nhiệt độ ở mỗi nhiệt kế sau rồi viết kết quả vào chỗ chấm/VBT tr.83 - Cho HS quan sát + Nhiệt kế 1: Chỉ mấy độ? Tại sao em biết? - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. 🔧 Gv chốt cách đọc số trên nhiệt kế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời: Nhiệt kế 1 chỉ 40 độ C. Vì <i>Nhiệt kế 1 chỉ đến chỉ số 40.</i> - HS nối tiếp trả lời + Nhiệt kế 2: 0 độ C + Nhiệt kế 3: 38 độ C. - Học sinh nhận xét
<p>* Bài 2: Nối mỗi vật với cân nặng thích hợp trong thực tế (VBT/84)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?” + 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng. - Cho học sinh nhận xét - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án. 🔧 Gv chốt cách nhận biết sử dụng công cụ đo. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách thực hiện - HS thực hiện làm bài - HS nhận xét - HS lắng nghe, quan sát <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: flex-end;"> <div style="text-align: center;">  <p>Xe đạp trẻ em</p> <p>20 g</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Máy tính xách tay</p> <p>20 kg</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>Bút máy</p> <p>2 kg</p> </div> </div>

*** Bài 3: VBT/84**

- GV cho học sinh lên thực hiện

- 2 HS lên bảng làm bài



- a) Ca đựng nhiều nước nhất.
b) Hai ca và đựng tất cả 500 ml nước.
c) Ca A đựng nhiều hơn ca D ml nước.

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức

🔧 Gv chốt cách đọc các chỉ số trên biểu tượng đo.

*** Bài 4: VBT/84.**

- GV gọi 1 hs nêu.

- GV nhận xét, chốt kết quả.

- Hs nêu cách làm: + *Đầu tiên lấy 250ml. Sau đó sang 100ml, tiếp theo 100ml nữa, còn lại 50 ml. Theo cách tính: $250 - 100 - 100 = 50\text{ml}$.*

🔧 Gv chốt cách đo và sử dụng công cụ đo

3. HĐ Vận dụng

- GV cho HS quan sát bảng đo thời tiết có sẵn, yêu cầu HS thi đọc đúng nhiệt độ.

- Nhận xét giờ học, khen ngợi, động viên HS.

- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

- HS thực hiện
- HS trả lời, nhận xét
- HS nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

TOÁN : (CC) LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Biểu tượng về các đơn vị đo đã học;
- + Phát triển năng lực sử dụng công cụ đo;
- + Áp dụng được các đơn vị đo đã học để giải quyết các bài toán liên quan.

2. Năng lực chung: Lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập, giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

3. Phẩm chất: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

1. HĐ Khởi động

- GV tổ chức cho Hs hát
- GV dẫn dắt vào bài mới
- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:
- + Biểu tượng về các đơn vị đo đã học;

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 85 Vở Bài tập Toán.
- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 85, 86 Vở Bài tập Toán.
- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.
- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:
- * **Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm/VBT tr.85**
- Gọi 2 Hs đọc đề bài tập.
- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời
- HS nối tiếp trả lời

$$\begin{array}{ll} \text{a) } 832 \text{ mm} - 228 \text{ mm} = 604 \text{ mm} & \text{b) } 215 \text{ ml} + 37 \text{ ml} = 252 \text{ ml} \\ 37 \text{ g} + 182 \text{ g} = 219 \text{ g} & 32 \text{ ml} - 15 \text{ ml} + 80 \text{ ml} = 97 \text{ ml} \\ 127 \text{ mm} + 328 \text{ mm} = 455 \text{ mm} & 57 \text{ g} - 37 \text{ g} + 50 \text{ g} = 70 \text{ g} \end{array}$$

Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu) (VBT/85)

- GV cho học sinh quan sát.
- + Làm sao để biết cân nặng của các đồ vật?
- HS nêu kết quả:
- a) Mỗi kiện hàng cân nặng 1000g.
- b) Chiếc cốc cân nặng 250g.
- HS nhận xét

- HS lắng nghe, quan sát

*** Bài 3: VBT/85**

- GV chia lớp thành 2 đội, tổ chức trò chơi: “Tiếp sức”.

- HS tham gia trò chơi.

- HS tham gia trò chơi.

- HS nhận xét kết quả.

*** Bài 4: VBT/86.**

84

- GV gọi 1 hs nêu.

Hs nêu cách làm: *Đầu tiên, Rô bốt lấy 2 lần nước cốc 250ml đổ vào cốc 400ml, số nước còn dư 100ml. Theo cách tính: $250 \times 2 = 500\text{ml}$, $500 - 400 = 100\text{ml}$.*

3. HĐ Vận dụng

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh củng cố bài.

- Nhận xét giờ học, khen ngợi, động viên HS.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Các phép tính liên quan đến đơn vị đo;
- + Vận dụng giải quyết được các bài toán thực tế liên quan đến các đơn vị đo.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

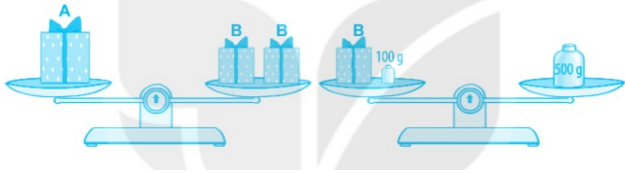
1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Phát triển năng lực sử dụng công cụ đo; + Áp dụng được các đơn vị đo đã học để giải quyết các bài toán liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 85 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 85, 86 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm/VBT tr.86 	

<ul style="list-style-type: none"> - Gọi 2 Hs đọc đề bài tập. - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. 🔧 Gv chốt cách thực hiện phép tính có đơn vị đo. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 Hs đọc đề bài. - Học sinh trả lời: <div data-bbox="938 241 1385 331" data-label="Diagram"> </div> - Học sinh nhận xét
<ul style="list-style-type: none"> * Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu) (VBT/86) - GV gọi HS đọc đề, nội dung bài tập. + Làm sao để biết nhiệt độ của Nam bao nhiêu? + Nhiệt độ cơ thể của Nam là bao nhiêu? + Theo em Nam có bị sốt không? Vì sao? - Cho học sinh nhận xét - GV nhận xét và chốt đáp án. 🔧 Gv chốt cách sử dụng công cụ đo. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc tình huống. - HS trả lời: Quan sát trên nhiệt kế. - 38 độ C. - Nam bị sốt. Vì nhiệt độ cơ thể người bình thường 37 độ nhưng Nam 38 độ cao hơn nên Nam đang bị sốt. - HS nhận xét
<ul style="list-style-type: none"> * Bài 3: VBT/87 - GV gọi HS đọc nội dung của bài toán. + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - Gọi HS lên bảng. - GV nhận xét, chốt kiến thức. 🔧 Gv chốt cách áp dụng được các đơn vị đo đã học để giải quyết các bài toán liên quan. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc. - Viết dùng một hộp sữa 250ml để làm bánh nhưng theo công thức chỉ cần dùng 80ml. - Sau khi làm bánh xong, Viết còn lại bao nhiêu ml sữa? - HS thực hiện. <i>Bài giải:</i> <i>Sau khi làm bánh, Viết còn lại số ml sữa là:</i> $250 - 80 = 130 \text{ (ml)}$ <i>Đáp án: 130ml.</i> - HS nhận xét kết quả.
<ul style="list-style-type: none"> * Bài 4: VBT/87. - GV gọi 1 hs nêu: Quan sát hình sau và tìm cân nặng của hộp quà A và mỗi hộp quà B. Biết rằng mỗi hộp quà B có cân nặng như nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> -Hs nêu yêu cầu bài tập.

 <p>- Gọi HS trả lời.</p> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả.</p> <p>🏠 Gv chốt cách áp dụng được các đơn vị đo đã học để giải quyết các bài toán liên quan.</p>	<p>- HS thực hiện:</p> <p>+ Muốn biết hộp quà A thì phải biết hộp quà B.</p> <p>+ Hộp quà B: $500\text{g} - 100\text{g} = 400\text{g}$.</p> <p>+ Hộp quà A: $400\text{g} \times 2 = 800\text{g}$.</p> <p>- HS nhận xét.</p>
<p>3. HĐ Vận dụng</p> <p>- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh củng cố bài.</p> <p>- Nhận xét giờ học, khen ngợi, động viên HS.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- HS thực hiện</p> <p>- HS trả lời, nhận xét</p> <p>- HS nghe</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN : (CC) NHÂN SỐ CÓ BA CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
- + Thực hiện được phép nhân số có ba chữ số với số có một chữ số.
- + Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến phép nhân số có ba chữ số với số có một chữ số.

2. Năng lực chung: Lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập, giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

3. Phẩm chất: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**1. HĐ Khởi động**

- GV tổ chức cho Hs hát
- GV dẫn dắt vào bài mới
- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:
- + Thực hiện được phép nhân số có ba chữ số với số có một chữ số.

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 88 Vở Bài tập Toán.
- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 88 Vở Bài tập Toán.
- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.
- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

*** Bài 1: Tính:**

- Cho HS đọc nội dung bài tập.
- Gọi lần lượt HS lên bảng thực hiện.
- Học sinh thực hiện:

$$\begin{array}{r} \times 314 \\ 2 \\ \hline .628. \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 150 \\ 5 \\ \hline .750. \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 251 \\ 3 \\ \hline .753. \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 224 \\ 4 \\ \hline .896. \end{array}$$

GV nhận xét chốt kết quả đúng .

*** Bài 2: Đặt tính rồi tính (VBT/88)**

- GV gọi HS lên bảng, cả lớp làm bảng con.
- Cho học sinh nhận xét
- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

*** Bài 3: VBT/88**

- GV cho học sinh lên thực hiện
- 2 HS lên bảng làm bài

Bài giải:

Quãng đường Việt chạy được là:

$$250 \times 3 = 750 (m)$$

Đáp án: 750m

- HS nhận xét.

*** Bài 4: VBT/88.**

- GV gọi 1 hs nêu.- Hs nêu cách làm:

Rô-bốt đã viết 4 trong 5 số: 2, 3, 5, 100, 250 vào các ô trống ở hình bên để được so sánh đúng.

$$\square \times \square = \square \times \square$$

Hỏi Rô-bốt không viết số nào?

- A. 2 B. 3 C. 5 D. 250

3. HĐ Vận dụng

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi “Bắt tên”,...sau bài học để học sinh nhận biết nhân số có ba chữ với số có một chữ số.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

TOÁN
CHỦ ĐỀ 6: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 1000
Bài 36: NHÂN SỐ CÓ BA CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
(T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Thực hiện được phép nhân số có ba chữ số với số có một chữ số.
- + Tính nhẩm được các phép nhân số tròn trăm với số có một chữ số và trong một số trường hợp đơn giản.
- + Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan, giải bài toán bằng hai bước tính.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Thực hiện được phép nhân số có ba chữ số với số có một chữ số. -+ Tính nhẩm được các phép nhân số tròn trăm với số có một chữ số và trong một số trường hợp đơn giản. + Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan, giải bài toán bằng hai bước tính. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.	

- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.
- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.
- Hs làm bài
- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.

- Học sinh lắng nghe và thực hiện.

- | | | | | |
|---------|-----|-----|-----|-----|
| Thừa số | 105 | 120 | 126 | 141 |
| Thừa số | 2 | 5 | 4 | 6 |
| Tích | 210 | 610 | 504 | 846 |

- Học sinh nhận xét

- GV nhận xét bài làm đội nhanh và đúng nhất, khen đội nhóm thực hiện tốt.

* Bài 2: Tính nhẩm (VBT/89)

- Hs thực hiện theo mẫu và đưa ra đáp án nhanh nhất.

- HS lắng nghe cách thực hiện
- HS thực hiện làm bài

$$200 \times 3 = 600$$

$$500 \times 2 = 1000$$

$$300 \times 2 = 600$$

$$600 \times 1 = 600$$

- Cho học sinh nhận xét.

- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.

- HS nhân xét

- HS lắng nghe, quan sát

- 2 HS đọc đề.

- GV cho HS đọc đề toán.

- Phân tích đề toán:

- + Để biết số lượng con cừu sau hai năm

+ Thực hiện phép nhân: 180×2 .

<p>tăng lên ta làm như thế nào?</p> <p>+ Vậy sau khi tìm được số lượng cừu tăng lên, ta làm thế nào để biết tất cả số lượng cừu trên đảo?</p> <p>- GV cho học sinh lên thực hiện</p> <p>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p> <p> <i>Gv chốt cách vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến phép nhân số có ba chữ số với số có một chữ số.</i></p>	<p>+ Thực hiện phép cộng.</p> <p>Bài giải</p> <p><i>Số lượng con cừu sau hai năm tăng lên là:</i></p> $180 \times 2 = 360 \text{ (con cừu)}$ <p><i>Số con cừu có tất cả trên đảo sau 2 năm là:</i></p> $420 + 360 = 780 \text{ (con cừu)}$ <p><i>Đáp số: 780 con cừu</i></p>
<p>* Bài 4: VBT/89.</p> <p>- GV gọi 1 hs nêu.</p> <p>- GV nhận xét, chốt kết quả.</p> <p> <i>Gv chốt cách vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến phép nhân số có ba chữ số với số có một chữ số.</i></p>	<p>- Hs nêu cách làm:</p> <p>Bài giải</p> $\text{Đổi } 1\text{kg} = 1000\text{g}$ <p><i>Số gam bột mì Mai làm ba chiếc bánh là:</i></p> $200 \times 3 = 600 \text{ (g)}$ <p><i>Số gam bột mì còn lại là:</i></p> $1000 - 600 = 400 \text{ (g)}$ <p><i>Đáp số: 400 gam.</i></p>
<p>* Bài 5: VBT/89.</p> <p>- Gọi 1 Hs nêu mẫu.</p> <p>- HS đọc bài làm</p> <p>- Gv nhận xét, tuyên dương</p> <p> <i>Gv chốt cách tính nhẩm số có ba chữ số với số có một chữ số</i></p>	<p>- HS nêu cách thực hiện.</p> <p>- HS thực hiện</p> $210 \times 3 = 21 \text{ chục} \times 3 = 63 \text{ chục.}$ $340 \times 2 = 34 \text{ chục} \times 2 = 68 \text{ chục.}$ $110 \times 4 = 11 \text{ chục} \times 4 = 44 \text{ chục.}$
<p>3. HĐ Vận dụng</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh luyện kỹ năng nhân số có ba chữ số với số có một chữ số. + Bài toán:..... - Nhận xét giờ học, khen ngợi, động viên HS. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + HS trả lời:..... - HS nghe
IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:	

TUẦN 15 : TOÁN (CC)
CHIA SỐ CÓ BA CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Thực hiện được phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số
- + Tính nhẩm được các phép chia số tròn trăm cho số có một chữ số và trong một số trường hợp đơn giản.
- + Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số

2. Năng lực chung : Lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

3. Phẩm chất: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

1. HĐ Khởi động

- GV tổ chức cho Hs hát
- GV dẫn dắt vào bài mới
- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:
- + Thực hiện được phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số
- + Tính nhẩm được các phép chia số tròn trăm cho số có một chữ số và trong một số trường hợp đơn giản.

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 90 Vở Bài tập Toán.
- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 90, 91 Vở Bài tập Toán.
- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

*** Bài 1: Tính /VBT tr.90**

- Bài yêu cầu gì ?

- Cho HS quan sát

+ Đọc 3 phép tính

- GV cho 3 học sinh thực hiện được phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số trong trường hợp chia hết .

Bài 2: (VBT/90)

- GV hỏi :

+ Bài toán cho biết gì ?

+ Bài toán hỏi gì ?

1HS lên bảng làm bài

Bài giải

Thuyền trưởng tìm được số đồng vàng là:

$$548 : 2 = 274 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 274 đồng vàng

- HS nhận xét

*** Bài 3: (VBT/90)**

- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?”

+ 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài: “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.

- Cho học sinh nhận xét

*** Bài 4: (VBT/91)**

- GV gọi 1 hs nêu

- GV nhận xét, chốt kết quả:

3. HĐ Vận dụng

- Cho phép tính

$$\begin{array}{r} 275 \quad 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 444 \quad 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 456 \quad 3 \\ \hline \end{array}$$

- GV cho học sinh làm bài

- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

TOÁN : (CC)

CHIA SỐ CÓ BA CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Thực hiện được phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số trong trường hợp có chữ số 0 ở thương
- + Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan

2. Năng lực chung: Lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

3. Phẩm chất: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

1. HĐ Khởi động

- GV tổ chức cho Hs hát
- GV dẫn dắt vào bài mới
- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

1: GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 91 Vở Bài tập Toán.
- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 91,92 Vở Bài tập Toán.
- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.
- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

2: Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

* Bài 1: Đặt tính rồi tính./VBT tr.10

- Bài yêu cầu gì ?

- Cho HS quan sát

- + Đọc 3 phép tính

- GV cho 3 học sinh thực hiện được phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số trong trường hợp chia hết .

* Bài 2: (VBT/91)

- + Bài toán cho biết gì ?

- + Bài toán hỏi gì ? Gọi HS lên bảng trình bày .

Bài giải

Hôm nay cửa hàng bán được số cái bánh là

$$450 : 9 = 50 \text{ (cái bánh)}$$

Đáp số : 50 cái bánh

- HS nhận xét . GV đánh giá .

Bài 3: VBT/91

- GV cho học sinh lên thực hiện
2 HS lên bảng làm bài

a) S c) S
b) Đ d) Đ

Bài 4: VBT/.

- GV gọi 1 hs nêu
- YC HS giải thích cách làm
- GV nhận xét, chốt kết quả:

3. HD Vận dụng

- Cho các phép tính và thực hiện
 $226 : 2$; $650 : 5$; $872 : 8$
- GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng.
- GV nhận xét giờ học.
- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....
.....

TUẦN 15**TOÁN****CHỦ ĐỀ 4: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 100****Bài 37: CHIA SỐ CÓ BA CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ****Tiết 3****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:****1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Luyện tập thực hành các bài toán về chia số có ba chữ số cho số có một chữ số (đặt tính dạng rút gọn và tính nhẩm);
- + Tính nhẩm trong trường hợp đơn giản
- + Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan, giải bài toán bằng hai bước tính

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Luyện tập thực hành các bài toán về chia số có ba chữ số cho số có một chữ số (đặt tính dạng rút gọn và tính nhẩm); + Tính nhẩm trong trường hợp đơn giản + Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan, giải bài toán bằng hai bước tính. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.	

<ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 92 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 92, 93 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>* Bài 1: Đặt tính rồi tính./VBT tr.92</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài yêu cầu gì ? - Cho HS quan sát + Đọc 3 phép tính - GV cho 3 học sinh thực hiện được phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số trong trường hợp chia hết . - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. <p><i>🔧 Gv chốt cách thực hành các bài toán về chia số có ba chữ số cho số có một chữ số.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt tính rồi tính - Học sinh thực hiện làm bài - Học sinh nhận xét
<p>* Bài 2: (VBT/92)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nối tiếp đọc đáp án - Gọi HS nêu cách làm - Cho học sinh nhận xét - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án. <p><i>🔧 Gv chốt cách tính nhẩm trong trường hợp đơn giản .</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nối tiếp đọc bài - HS nêu cách tính nhẩm - HS nhận xét - HS lắng nghe, quan sát
<p>* Bài 3: VBT/93</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài toán cho biết gì ? + Bài toán hỏi gì ? - GV cho học sinh lên thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Bác gấu vừa thu hoạch được 930 mật ong. Bác đã chia đều lượng mật ong đó vào 3 cái hũ. - Mỗi hũ chứa bao nhiêu mi-li-lít mật ong? <p><i>Bài giải</i></p> <p>Mỗi hũ chứa số mi-li-lít mật ong là :</p> $930 : 3 = 310 \text{ (ml)}$ <p>Đáp số : 310 ml mật ong</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS nhận xét - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức 🏗️ Gv chốt cách vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan. 	
<p>* Bài 4: VBT/93.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 hs nêu - GV nhận xét, chốt kết quả: 🏗️ Gv chốt cách tính nhẩm trong trường hợp đơn giản 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs nêu kết quả: + <i>Đáp án C. 400 điểm.</i>
<p>* Bài 5 : VBT/93</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1HS nêu yêu cầu - GV nhận xét, chốt kết quả: 🏗️ Gv chốt cách tính thực hành các bài toán về chia số có ba chữ số cho số có một chữ số 	<p>Hs nêu kết quả:</p> <p>+ <i>Đáp án 800</i></p>
<p>3. HĐ Vận dụng</p> <p>Cho các phép tính và tính</p> <p>225 : 5; 650 : 5; 774 : 9</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe - HS thực hiện - HS trả lời, nhận xét Kết quả theo thứ tự : 45; 130; 86 - HS nghe
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 6: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 1 000

BÀI 38: BIỂU THỨC SỐ. TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC SỐ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
- + Nhận biết được biểu thức số.
- + Tính được giá trị của biểu thức số .
- + Vận dụng vào giải bài toán liên quan tính giá trị của biểu thức, bước đầu làm quen tính chất kết hợp của phép cộng (qua biểu thức số, chưa dùng biểu thức chữ).

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Nhận biết được biểu thức số. + Tính được giá trị của biểu thức số . + Vận dụng vào giải bài toán liên quan tính giá trị của biểu thức, bước đầu làm quen tính chất kết hợp của phép cộng (qua biểu thức số, chưa dùng biểu thức chữ).	- HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 94 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 94 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Tính giá trị của biểu thức (theo mẫu)./VBT tr.94 - Bài yêu cầu gì ? - Cho HS quan sát mẫu + Đọc 3 phép tính - GV cho 3 học sinh thực hiện giá trị của một biểu thức	- Tính giá trị của biểu thức - Học sinh thực hiện làm bài a) $162 + 29 - 18 = 191 - 18 = 173$

<p>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</p> <p> <i>Gv chốt cách tính được giá trị của biểu thức số</i></p>	<p>b) $18 \times 7 = 126$ c) $84 : 6 = 14$</p> <p>- Học sinh nhận xét</p>
<p>Bài 2: (VBT/94)</p> <p>- GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?” + 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài : “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng.</p> <p>- Cho học sinh nhận xét</p> <p>- GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.</p> <p> <i>Gv chốt cách tính giá trị biểu thức</i></p>	<p>- HS lắng nghe cách thực hiện - HS thực hiện làm bài</p> <p>- HS nhận xét - HS lắng nghe, quan sát</p>
<p>* Bài 3: (VBT/94)</p> <p>- GV cho học sinh lên thực hiện + Để làm được bài tập này em đã làm như thế nào?</p> <p>- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức</p> <p> <i>Gv chốt cách : bước đầu làm quen tính chất kết hợp của phép cộng</i></p>	<p>- HS thực hiện làm bài + Em tính giá trị các biểu thức rồi so sánh để tìm ra giá trị lớn nhất và giá trị bé nhất</p> <p>- HS nhận xét - HS lắng nghe, quan sát</p>
<p>3. HĐ Vận dụng</p> <p>*Tính giá trị của biểu thức:</p> <p>a. $205 + 60 + 30$ $268 - 68 + 17$ b. $462 - 40 + 70$ $287 - 7 - 80$</p> <p>- GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau</p>	<p>- HS nghe - HS thực hiện</p> <p>Kết quả :</p> <p>a. $205 + 60 + 30 = 265 + 30$ $= 295$ $268 - 68 + 17 = 200 + 17$ $= 217$</p> <p>- HS trả lời, nhận xét - HS nghe</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 6: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 1 000
BÀI 38: BIỂU THỨC SỐ. TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC SỐ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Nhận biết được biểu thức số.
- + Tính được giá trị của biểu thức số.
- + Vận dụng vào giải bài toán liên quan tính giá trị của biểu thức, bước đầu làm quen tính chất kết hợp của phép cộng (qua biểu thức số, chưa dùng biểu thức chữ).

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động - GV tổ chức cho HS hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Nhận biết được biểu thức số. + Tính được giá trị của biểu thức số. + Vận dụng vào giải bài toán liên quan tính giá trị của biểu thức, bước đầu làm quen tính chất kết hợp của phép cộng (qua biểu thức số, chưa dùng biểu thức chữ).	- HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 95 Vở Bài tập Toán.	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

<ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 95 Vở Bài tập Toán. - GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Tính giá trị của biểu thức (theo mẫu). VBT tr.95 - Cho HS quan sát mẫu - Gọi 4 HS lên thực hiện các ý a,b,c,d <ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. <p> <i>Gv chốt cách tính được giá trị của biểu thức số.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát - Học sinh thực hiện làm bài <p>a) $64 - 25 : 5 = 64 - 5$ $= 59$</p> <p>b) $15 + 4 \times 9 = 15 + 36$ $= 51$</p> <p>c) $90 - 7 \times 3 = 90 - 21$ $= 69$</p> <p>d) $98 + 42 : 6 = 98 + 7$ $= 105$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nối tiếp trả lời - Học sinh nhận xét
<ul style="list-style-type: none"> * Bài 2: Nối (theo mẫu). (VBT/95) - GV cho 2 bạn lên thực hiện với hình thức trò chơi: “Ai nhanh, Ai đúng?” + 2 học sinh thực hiện với thời gian các bạn dưới lớp hát bài: “Một con vịt”; nếu kết thúc bài hát, bạn nào nhanh, đúng bạn đó thắng. - Cho học sinh nhận xét - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án. <p> <i>Gv chốt cách tính được giá trị của biểu thức số.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách thực hiện - HS thực hiện làm bài - HS nhận xét - HS lắng nghe, quan sát
<ul style="list-style-type: none"> * Bài 3: Đ,S? VBT/95 - GV cho học sinh lên thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - 4 HS lên bảng làm bài <p>a/ S b/ Đ c/ Đ d/ S</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chốt kết quả: - GV nhận xét, khen, chốt kiến thức  <i>Gv chốt cách tính được giá trị của biểu thức số, bước đầu làm quen tính chất kết hợp của phép cộng (qua biểu thức số, chưa dùng biểu thức chữ).</i> 	
<p>* Bài 4: VBT/95.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 hs nêu - GV nhận xét, chốt kết quả: Số lít dầu còn lại trong thùng là: 20 (l)  <i>Gv chốt cách vận dụng vào giải bài toán liên quan tính giá trị của biểu thức, bước đầu làm quen</i> 	<ul style="list-style-type: none"> -Hs nêu kết quả: Số lít dầu còn lại trong thùng là: $50 - 10 \times 3 = 20$ (l)
<p>3. HĐ Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính giá trị của biểu thức $253 + 10 \times 4$ $41 \times 5 - 100$ $93 - 48 : 8$ - GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng. - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe - HS thực hiện - HS trả lời, nhận xét $253 + 10 \times 4 = 253 + 40 = 293$ $41 \times 5 - 100 = 205 - 100 = 105$ $93 - 48 : 8 = 93 - 6 = 87$ - HS nghe
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TUẦN 16 :

TOÁN (CC)

BIỂU THỨC SỐ. TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- củng cố quy tắc tính và trình bày cách tính (the 2 bước) để tìm giá trị biểu thức có dấu ngoặc
- Vận dụng để làm các bài tập trong bài, củng cố tính chất kết hợp của phép cộng

2. Năng lực chung. Lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

3. Phẩm chất. Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HĐ Khởi động

- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.

Tính giá trị biểu thức.

a. $83 + 13 - 76$

b. $547 - 264 - 200$

c. $6 \times 3 : 2$

- GV Nhận xét, tuyên dương.

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ Trang 96 Vở Bài tập Toán.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ Trang 96 Vở Bài tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

Bài 1: Tính/VBT tr.96

Bài 1: Yêu cầu HS tính được và trình bày cách tính giá trị của biểu thức:

Kết quả:

a/ $64 : (25 - 17) = 64 : 8$
 $= 8$

b/ $(70 - 15) : 5 = 55 : 5$
 $= 11$

c/ $26 \times (71 - 68) = 26 \times 3$
 $= 78$

d/ $50 - (50 - 10) = 50 - 40$
 $= 10$

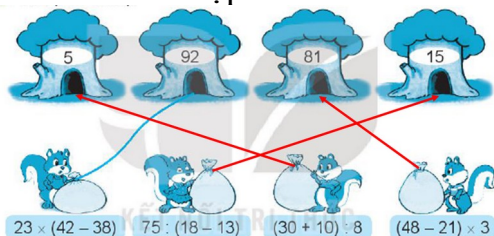
- HS nối tiếp trả lời

Bài 2: Kết quả của mỗi phép tính được gắn với một chữ như sau: (VBT/96)

- GV hướng dẫn HS.

- Yêu cầu HS tính được giá trị của biểu thức ghi ở mỗi túi của sóc rồi nêu (nói) với số ghi ở cây là giá trị của biểu thức đó.

- HS làm bài tập vào vở. kiểm tra chéo.



- HS lắng nghe, quan sát

* Bài 3: VBT/96

- GV yêu cầu HS đọc bài làm

+ Vì sao em lại chọn đáp án C?

- GV nhận xét, khen, chốt kiến thức

🏰 Gv chốt BT củng cố cách tìm giá trị lớn nhất

Bài 4: VBT/96

- GV gọi 1 hs nêu đề bài
- Gọi 1 HS đọc bài làm và giải thích cách làm
- HS nêu kết quả:
 - + Số chân thỏ và gà ở 1 cặp là: $4 + 2 = 6$ (chân)
 - + Số chân thỏ và gà ở 8 cặp là: $6 \times 8 = 48$ (chân)
- Dưới lớp lắng nghe, nhận xét

3. HĐ Vận dụng

- GV tổ chức vận dụng bằng tính được giá trị của biểu thức số (có dấu ngoặc hoặc không có dấu ngoặc).
- Yêu cầu HS nhắc lại tính được giá trị của biểu thức số.
- Nhận xét, tuyên dương
- GV nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

TOÁN
CHỦ ĐỀ 6: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 1 000
BÀI 38: BIỂU THỨC SỐ. TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC SỐ (T4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Cung cố cách tính giá trị biểu thức số (có dấu ngoặc hoặc không có dấu ngoặc); tìm được biểu thức có giá trị lớn nhất, giá trị bé nhất
- Cung cố cách tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện
- Vận dụng vào giải bài toán liên quan tính giá trị của biểu thức, củng cố tính chất kết hợp của phép cộng (qua biểu thức số, chưa dùng biểu thức chữ).

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Tính giá trị biểu thức. a. $50 : (6 + 4)$ b. $5 \times (5 - 2)$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi a. $50 : (6 + 4) = 50 : 10$ $= 5$ b. $5 \times (5 - 2) = 5 \times 2$ $= 10$ - HS lắng nghe.
2. HĐ luyện tập, thực hành	
<p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ Trang 97 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ Trang 97 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.

<p>- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.</p>	
<p>Hoạt động 2: Chữa bài tập</p> <p>Bài 1:</p> <p>- YC HS đọc kết quả và nêu cách làm</p> <p>- YC HS nêu lại cách tính giá trị biểu thức: Nếu trong biểu thức có dấu ngoặc thì ta làm như thế nào?</p> <p>- Nhận xét tuyên dương</p> <p>- GV chốt:</p> <p>+ Biểu thức D có giá trị lớn nhất (90);</p> <p>+ Biểu thức C có giá trị bé nhất (30).</p> <p>- Khi tính giá trị của biểu thức ở bài này, HS có thể tính nhầm để tìm ra kết quả ngay (không phải viết thành hai bước).</p> <p>- Trường hợp khó khăn, HS có thể viết tính vào bảng con hoặc giấy nháp (theo hai bước).</p> <p>Gv chốt BT củng cố cách tìm giá trị biểu thức lớn nhất, giá trị biểu thức bé nhất</p>	<p>- HS đọc kết quả, giải thích cách làm: So sánh kết quả rồi kết luận. Ta có $30 < 36 < 80 < 90$ Vậy biểu thức có giá trị lớn nhất là D Biểu thức có giá trị bé nhất là C</p> <p>- HS nêu cách tính</p> <p>- Nhận xét, bổ sung</p>
<p>Bài 2:</p> <p>- Yêu cầu HS phân tích đề bài, nêu cách giải bài toán</p> <p>- Yêu cầu HS tóm tắt bài toán</p> <p>- Yêu cầu HS lên bảng làm, dưới lớp theo dõi, nhận xét</p> <p>- Gv nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV chốt Củng cố về tính chất kết hợp của phép cộng nên chúng ta có thể tính số bông hoa trong các lọ bằng cách tính giá trị của biểu thức $10 \times (4-2) = 20$.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài, phân tích đề bài, đưa cách giải bài toán .</p> <p>- HS nêu tóm tắt bài toán</p> <p>Tóm tắt</p> <p>Có: 5 lọ hoa</p> <p>Cắm thêm: 3 lọ hoa</p> <p>Mỗi lọ: 10 bông hoa</p> <p>Có tất cả: bông hoa?</p> <p>- HS lên bảng, dưới lớp đọc bài làm, nhận xét</p> <p>Bài giải</p> <p>Sau khi cắm thêm, Mai cắm được số lọ hoa là:</p> $5 + 3 = 8 \text{ (lọ)}$ <p>Có tất cả số bông hoa trong các lọ là:</p> $8 \times 10 = 80 \text{ (bông hoa)}$ <p>Đáp số: 80 bông hoa</p> <p>- Nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>Bài 3: Tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện</p> <p>- YC 2 HS lên bảng, dưới lớp làm vở</p>	<p>- 2HS lên bảng, dưới lớp đọc bài làm,</p>

<p>+ Muốn tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện em làm như thế nào?</p> <p>- Gv nhận xét, tuyên dương</p> <p>GV Chốt: “Muốn tính tổng của ba số hạng, ta có thể tính tổng hai số hạng đầu trước hoặc hai số hạng sau trước, rồi cộng tiếp số hạng còn lại”.</p>	<p>nhận xét bài làm của bạn</p> <p>a/ $476 + 70 + 30 = 476 + (70 + 30)$ $= 476 + 100$ $= 576$</p> <p>b/ $67 + 125 + 75 = 67 + (125 + 75)$ $= 67 + 200$ $= 267$</p> <p>- Hs nêu cách làm</p> <p>- HS lắng GV chốt.</p>
<p>Bài 4:</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc bài làm</p> <p>+ Để viết được giá trị các biểu thức theo thứ tự từ bé đến lớn em đã làm như thế nào?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>GV Chốt: BT củng cố cách so sánh giá trị biểu thức</p>	<p>- HS lắng nghe, nhận xét</p> <p>- HS nêu cách làm: thực hiện tính giá trị các biểu thức rồi so sánh và sắp xếp</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>3. HD Vận dụng.</p> <p>- GV tổ chức vận dụng bằng tính được giá trị của biểu thức số (có dấu ngoặc hoặc không có dấu ngoặc).</p> <p>- Yêu cầu HS nhắc lại tính được giá trị của biểu thức số.</p> <p>- Nhận xét tiết học, tuyên dương</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- HS nhắc lại.</p> <p>+ HS lắng nghe và trả lời.</p>
<p>4. Điều chỉnh sau bài dạy:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN : (CC)

SO SÁNH SỐ LỚN GẤP MẤY LẦN SỐ BÉ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố bài toán so sánh số lớn gấp mấy lần số bé.
- Củng cố cách tìm số lớn gấp mấy lần số bé.
- Vận dụng vào giải các bài tập và giải bài toán có lời văn liên quan đến số lớn gấp mấy lần số bé.

2. Năng lực chung : Lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

3. Phẩm chất. Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **HD Khởi động:** GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Ai nhanh ai đúng: Gv cho 3 số 5, 4, 4, 64, 185; 160

Chọn các số đã cho viết vào chỗ chấm để có kết quả đúng:

- a. $23 \times 2 = \dots$ b. $16 \times \dots = \dots$
 c. $37 \times \dots = \dots$ d. $40 \times \dots = \dots$

2. HD luyện tập, thực hành

Bài 1: Số?

- Yêu cầu HS nối tiếp đọc kết quả.

+ [Đề tìm số lớn gấp mấy lần số bé em làm như thế nào?](#)

- Nhận xét tuyên dương HS trình bày kết quả, dưới lớp nhận xét

Số lớn	8	8	20	70
Số bé	4	2	5	7
Số lớn gấp mấy lần số bé?	2	4	4	10

Bài 2: Số?

- Yêu cầu HS đọc bài làm và giải thích cách làm

HS đọc bài làm và nêu cách làm, dưới lớp nhận xét

- a. Đoạn thẳng AB dài hơn đoạn thẳng CD là: $18 - 6 = 12$ cm.
 b. Đoạn thẳng AB dài gấp số lần đoạn thẳng CD là: $18 : 6 = 3$ (lần)

Bài 3:

- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi

+ Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán hỏi gì?

HS lên bảng làm bài, dưới lớp đọc bài làm

Bài giải:

Số bạn học cờ vua gấp số lần số bạn học đá cầu là:

$$27 : 9 = 3 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 3 lần

3. HD Vận dụng.

GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi “ Trả lời nhanh”

+ Số lớn là 8, số bé là 2. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

+ Bút chì dài 12 cm, bút sáp dài 6 cm, cái ghim dài 2 cm. Từ đó có thể so sánh bút chì dài gấp mấy lần bút sáp, bút sáp dài gấp mấy lần cái ghim,...

4. Điều chỉnh sau bài dạy:

.....
.....
.....
.....

CHỦ ĐỀ 6: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 1 000

Bài 39: SO SÁNH SỐ LỚN GẤP MẤY LẦN SỐ BÉ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- củng cố cách so sánh số lớn gấp mấy lần số bé, vận dụng vào các bài luyện tập giải toán có lời văn.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực tư duy và lập luận: Khám phá kiến thức mới, vận dụng giải quyết các bài toán.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Muốn tìm số lớn gấp mấy lần số bé ta làm thế nào?. + Câu 2: Nêu 1 ví dụ cụ thể - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi và trả lời: . - HS lắng nghe.
2. HĐ luyện tập, thực hành	
Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1,2, 3/ Trang 99 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ Trang 99 Vở Bài tập Toán. - GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài tập	

<p>Bài 1. (Làm việc cả lớp) Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV YC HS đọc mẫu và HD HS nêu cách làm + Để tìm số lớn hơn số bé bao nhiêu đơn vị ta làm như thế nào? + Để tìm số lớn gấp mấy lần số bé ta làm như thế nào? - YC HS nối tiếp đọc kết quả - GV nhận xét, tuyên dương.  GV Chốt: BT củng cố cách tìm số lớn hơn số bé bao nhiêu đơn vị và số lớn gấp số bé bao nhiêu lần. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc mẫu và tìm ra cách làm - HS lần lượt trả lời kết quả - HS lắng nghe 				
<p>Bài 2: Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc bài làm - GV nhận xét, tuyên dương.  GV Chốt: BT củng cố cách tìm số lớn gấp số bé bao nhiêu lần. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài làm, nhận xét 				
<p>Bài 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài: + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - GV yêu cầu HS lên bảng làm bài - GV nhận xét, tuyên dương.  GV Chốt: BT củng cố cách số lớn gấp số bé bao nhiêu lần. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài: + Con chó nặng 18 kg. Con gà nặng 2 kg. Con ngỗng nặng 6 kg. a. Con chó nặng gấp mấy lần con ngỗng? b. Con ngỗng nặng gấp mấy lần con gà? c. Con chó nặng gấp mấy lần con gà? - HS làm bài, dưới lớp đọc bài làm Bài giải: a. Con chó nặng gấp số lần con ngỗng là: $18 : 6 = 3$ (lần) b. Con ngỗng nặng gấp số lần con gà là: $6 : 2 = 3$ (lần) c. Con chó nặng gấp số lần con gà là: $18 : 2 = 9$ (lần) Đáp số: - Hs lắng nghe 				
<p>Bài 4: Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS nối tiếp đọc bài làm - GV YC HS nêu cách làm - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài. - HS nêu cách làm từng ý <table border="0" style="width: 100%;"> <tr> <td>a) Số 24 gấp 4 lần số 6.</td> <td>b) Số 24 gấp 12 lần số 2.</td> </tr> <tr> <td>c) Số 24 gấp 3 lần số 8.</td> <td>d) Số 24 gấp 6 lần số 4.</td> </tr> </table>	a) Số 24 gấp 4 lần số 6.	b) Số 24 gấp 12 lần số 2.	c) Số 24 gấp 3 lần số 8.	d) Số 24 gấp 6 lần số 4.
a) Số 24 gấp 4 lần số 6.	b) Số 24 gấp 12 lần số 2.				
c) Số 24 gấp 3 lần số 8.	d) Số 24 gấp 6 lần số 4.				

<p>GV Chốt: BT củng cố cách số lớn gấp số bé bao nhiêu lần.</p>	
<p>3. HĐ Vận dụng.</p> <p>- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi. Quan sát hình trả lời câu hỏi mở rộng bài toán: Tổng số bóng gấp mấy lần số bóng ở một cột, ở một hàng?</p>  <p>- Nhận xét tiết học, tuyên dương</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + HS trả lời: Tổng số bóng 32 quả. Tổng số bóng gấp số bóng ở một cột là: $32 : 8 = 4$ (lần) Tổng số bóng gấp số bóng ở một hàng là: $32 : 4 = 8$ (lần)</p>
<p>4. Điều chỉnh sau bài dạy:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

CHỦ ĐỀ 6: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 1 000

Bài 40: LUYỆN TẬP CHUNG (T1) – Tr 100

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố kiến thức, kĩ năng về nhân, chia số có ba chữ số với (cho) số có một chữ số, tính giá trị của biểu thức, bài toán về gấp lên một số lần, giảm đi một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé, giải bài toán có lời văn (hai bước tính).

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực tư duy và lập luận: Khám phá kiến thức mới, vận dụng giải quyết các bài toán.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Muốn tìm số lớn gấp mấy lần số bé ta làm thế nào?. + Câu 2: Nêu 1 ví dụ cụ thể - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi và trả lời: . - HS lắng nghe.
2. HĐ luyện tập, thực hành	
<p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1,2/ Trang 100 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ Trang 100 Vở Bài tập Toán. - GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.

<p>Hoạt động 2: Chữa bài tập</p> <p>Bài 1. Đặt tính rồi tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Yêu cầu HS lên bảng đặt tính rồi tính các phép nhân, chia. - Nêu cách tính - GV nhận xét, tuyên dương. 🔊 GV Chốt: BT củng cố kỹ năng nhân chia số có ba chữ số cho số có một chữ số 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lên bảng, mỗi HS làm một ý - HS nhận xét - HS nêu
<p>Bài 2: Số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc bài làm <p>+ Muốn gấp một số lên nhiều lần ta làm như thế nào?</p> <p>+ Muốn tìm số lớn gấp mấy số bé ta làm như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. 🔊 GV Chốt: BT củng cố về gấp lên một số lần, giảm đi một số lần 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài làm, HS khác nhận xét <p>a) Số 12 gấp lên 3 lần được số 36</p> <p>b) Số 12 giảm đi 2 lần được số 6</p> <p>c) Số tìm được ở câu a gấp 6 lần số tìm được ở câu b.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời
<p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài: + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? + Để tìm được cả hai can có bao nhiêu lít nước ta cần biết số lít nước ở can nào? + Can nào đã biết số lít nước? Và bằng bao nhiêu? + Can hai đã biết chưa? Các em tính được không - GV yêu cầu HS lên bảng làm bài - GV nhận xét, tuyên dương. 🔊 GV Chốt: BT củng cố cách giải bài toán có lời văn (có 2 bước tính) 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài: + Can thứ nhất có 2 lít nước. Số lít nước ở can thứ hai gấp 5 lần số nước ở can thứ nhất. a. Cả hai can có bao nhiêu lít nước? b. Can thứ hai có nhiều hơn can thứ nhất bao nhiêu lít nước? + Số lít nước ở Can 1 và Can 2 + Can 1 đã biết là 2 lít nước. + Can 2 chưa biết, Tính được do Số nước Can 2 gấp 5 lần số nước Can 1. - HS làm bài dưới lớp đọc bài làm Bài giải: Can thứ hai có số lít nước là: $2 \times 5 = 10 \text{ (lít)}$ a. Cả hai can có số lít nước là: $2 + 10 = 12 \text{ (lít)}$ b. Can thứ hai có nhiều hơn can thứ nhất số lít nước là: $12 - 2 = 10 \text{ (lít)}$ Đáp số:

	- HS lắng nghe
3. HĐ Vận dụng.	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi. Thi đua đặt và giải bài toán có hai phép tính liên quan đến dạng toán đã học. - Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + HS thi đua nêu bài toán và trình bày.
4. Điều chỉnh sau bài dạy:	
.....	
.....	
.....	

TUẦN 17

TOÁN : (CC)
LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Củng cố về phép nhân, chia số có ba chữ số với (cho) số có một chữ số khi giải các bài toán về tính giá trị của biểu thức, giải bài toán có lời văn (hai bước tính)
- + Bước đầu làm quen tính chất kết hợp của phép nhân.

2. Năng lực chung: Lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập, giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

3. Phẩm chất: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**1. HĐ Khởi động**

- GV tổ chức cho Hs hát
- GV dẫn dắt vào bài mới
- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:
- + Củng cố về phép nhân, chia số có ba chữ số với (cho) số có một chữ số khi giải các bài toán về tính giá trị của biểu thức, giải bài toán có lời văn (hai bước tính)

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

* GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 101 Vở Bài tập Toán.
- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 101 Vở Bài tập Toán.
- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.
- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

* Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

* **Bài 1: a) Tính giá trị biểu thức: (VBT tr.101)**

- Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập

Học sinh trả lời kết quả biểu thức:

$$473 + 18 - 215 = 491 - 215$$

$$= 276$$

Vì biểu thức có phép cộng và trừ nên thực hiện từ trái sang phải.

- HS nối tiếp trả lời

$$370 - (319 - 270) = 370 - 49$$

$$= 321$$

Vì biểu thức có ngoặc nên thực hiện trong ngoặc trước.

$$185 + 71 \times 2 = 185 + 142$$

$$= 327$$

Vì biểu thức có phép cộng và nhân nên thực hiện nhân trước cộng sau.

$$38 + 72 \times 3 = 38 + 216$$

$$= 254$$

Vì biểu thức có phép cộng và nhân nên thực hiện nhân trước cộng sau.

Bài 1: b) Viết biểu thức vào chỗ chấm: (VBT tr.101)

- HS nêu bài làm của mình.

- Trong câu a, biểu thức có giá trị lớn nhất là $185 + 71 \times 2$; biểu thức có giá trị bé nhất là

$$38 + 72 \times 3$$

- Học sinh nhận xét

Bài 2: VBT/101

- GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.

+ Muốn biết con lợn nặng gấp mấy lần mới mua về thì phải làm sao?

- Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình

Bài giải:

Con lợn bây giờ nặng hơn con lợn lúc đầu số lần là:

$$36 : 9 = 4 \text{ (lần)}$$

b)

+ Muốn biết con lợn bây giờ nặng hơn lúc mua về bao nhiêu thì mình làm như thế nào?

+ lấy cân nặng hiện nay trừ đi cân nặng lúc mới mua về.

Bài giải:

Số kilogram con lợn bây giờ nặng hơn lúc mua về là:

$$36 - 9 = 27 \text{ (kg)}$$

* **Bài 3: Tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện nhất. VBT/101.**

- GV yêu cầu HS nêu bài toán

a) $9 \times 2 \times 5 = \dots$

b) $5 \times 7 \times 2 = \dots$

- HS nêu

a) $9 \times 2 \times 5 = 9 \times 10 = 90$

Kết hợp 2 x 5 để có kết quả là số tròn chục.

b) $5 \times 7 \times 2 = 7 \times 10 = 70$

Thực hiện đổi chỗ 5 và 7 sau đó kết hợp 5 x 2 để có kết quả là số tròn chục.

Bài 4: Số. VBT/101.

- GV yêu cầu HS nêu bài toán
- Dựa vào dữ kiện bài toán cho ta tìm được gì?
- Vậy số đó là số nào?
- Vậy 40 gấp số đó mấy lần?
- Ta lấy: $40 : 5 = 8$
- $40 : 8 = 5$. 40 gấp số đó 5 lần

3. HĐ Vận dụng

- GV tổ chức HS trò chơi: “Ai nhanh hơn”
- GV nêu cách chơi: chia lớp thành 2 đội, mỗi đội 3 bạn nối tiếp nhau thực hiện tính giá trị biểu thức theo cách thuận tiện nhất. Đội nào tính nhanh, chính xác và thuận tiện là đội thắng. (GV chuẩn bị 3 biểu thức/ đội)
- GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi
- GV nhận xét giờ học.
- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau .

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

TOÁN

Bài 41: ÔN TẬP PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 100, 1000
(TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:
 - + Thực hiện phép nhân, phép chia nhằm trong phạm vi 100
 - + Thực hiện được phép nhân số có hai chữ số với số có một chữ số, phép chia cho số có một chữ số trong phạm vi 100, 1 000.
 - + Giải bài toán thực tế liên quan đến nhân số có hai chữ số với số có một chữ số và phép chia có dư.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện phép nhân, phép chia nhằm trong phạm vi 100 + Thực hiện được phép nhân số có hai chữ số với số có một chữ số, phép chia 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe

<p>cho số có một chữ số trong phạm vi 100, 1 000.</p> <p>+ Giải bài toán thực tế liên quan đến nhân số có hai chữ số với số có một chữ số và phép chia có dư.</p>	
<p>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3 / 102 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 102, 103 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: <p>* Bài 1: Tính nhẩm? (VBT tr.102)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập - Tương tự HS nêu kết quả các bài còn lại - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. <p>🔧 Gv chốt cách thực hiện phép nhân, phép chia nhẩm trong phạm vi 100.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nối tiếp trả lời: a) 60 80 100 40 - HS nối tiếp trả lời b) 20 50 20 30 - Học sinh nhận xét
<p>* Bài 2: Đặt tính rồi tính? (VBT/102)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gõ 3 HS lên bảng thực hiện - GV yêu cầu Hs nêu kết quả bài làm của mình - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. <p>🔧 Gv chốt cách thực hiện phép nhân, phép chia trong phạm vi 100 và phép chia có dư</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lên bảng thực hiện - HS nối tiếp nêu - HS nhận xét - HS lắng nghe

<p>* Bài 3: Đ, S . VBT/102</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu Hs nêu kết quả bài làm của mình. - Giải thích vì sao Sai và nêu lại kết quả đúng. - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  <i>Gv chốt cách thực hiện phép nhân, phép chia trong phạm vi 100 và phép chia có dư</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lần lượt nối tiếp nêu <ul style="list-style-type: none"> a) S. Vì kết quả đúng là 92 b) Đ c) S. Vì có số dư lớn hơn số chia. Kết quả đúng là 13 (dư 1) d) Đ - HS nhận xét
<p>* Bài 4: VBT/102</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán. + Muốn biết có tất cả bao nhiêu học sinh thì phải làm sao? - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình. - GV nhận xét, tuyên dương  <i>Gv chốt cách vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi. + Lấy số học sinh của 1 xe nhân với 6 xe. - Lớp quan sát, nhận xét Bài giải: Số học sinh đi thăm Bảo tàng lịch sử Việt Nam là: $32 \times 6 = 192$ (học sinh) Đáp số: 192 học sinh
<p>* Bài 5: VBT/103</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán. - Muốn biết có ít nhất mấy cái can loại 7l thì phải làm sao? - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình. - GV nhận xét, tuyên dương  <i>Gv chốt cách vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi. - Lấy số lít nước mắm chia có 7l - Lớp quan sát, nhận xét Bài giải: Số cái can loại 7l để chứa hết lượng nước mắm đó là: $46 : 7 = 6$ dư 4 Vì tính ra kết quả 6 can và còn dư 4l nên cần ít nhất 7 can để đựng hết 46 l nước mắm đó.
<p>3. HD Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức HS trò chơi: “Ai nhanh hơn” - GV nêu cách chơi: GV sẽ chia lớp thành 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe

4 đội (tổ), GV nêu phép tính (tính nhẩm với số tròn chục, tròn trăm), Hs nêu kết quả. Sau 7 lượt chơi, đội nào có kết quả đúng nhiều nhất và nhanh là đội chiến thắng.

- GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi
- GV nhận xét giờ học.
- GV dẫn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

- HS tham gia chơi

- HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

TOÁN : (CC)

ÔN TẬP PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 100, 1000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Thực hiện tính nhẩm được phép nhân, phép chia trong phạm vi 1000.
- + Thực hiện được phép nhân, phép chia đã học trong phạm vi 1000
- + Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số.

2. Năng lực chung: Lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập, giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

3. Phẩm chất: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

1. HĐ Khởi động

- GV tổ chức cho Hs hát
- GV dẫn dắt vào bài mới
- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:
- + Thực hiện tính nhẩm được phép nhân, phép chia trong phạm vi 1000.
- + Thực hiện được phép nhân, phép chia đã học trong phạm vi 1000
- + Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số.

2. HĐ Luyện tập, thực hành.

- * GV giao BT cho HS làm bài.
- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 103 Vở Bài tập Toán.
- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 103, 104 Vở Bài tập Toán.
- GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

Chữa bài:

- GV gọi HS chữa lần lượt các bài:

*** Bài 1: Tính nhẩm? (VBT tr.103)**

- Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập

Học sinh nối tiếp trả lời:

a) 600 600 400 600

b) 300 300 100 200

*** Bài 2: Đặt tính rồi tính? (VBT/103)**

- **Gọi 3 HS lên bảng thực hiện**

- GV yêu cầu Hs nêu kết quả bài làm của mình.

- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.

*** Bài 3: Đ, S . VBT/104**

- GV yêu cầu Hs nêu kết quả bài làm của mình.

- Giải thích vì sao Sai và nêu lại kết quả đúng.

- HS lần lượt nối tiếp nêu

a) S. Vì kết quả đúng là 768

b) Đ

c) S. Vì chưa thực hiện phép chia 3:4. Kết quả đúng là 209 (dư 3)

d) Đ

*** Bài 4: VBT/104**

- GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.

- Muốn biết xếp được bao nhiêu khay táo như vậy thì phải làm sao?

- Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.

- 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.

- Lấy số táo ở cửa hàng chia cho số táo ở 1 khay

- Lớp quan sát, nhận xét

Bài giải:

Số khay táo xếp được là:

$$132 : 6 = 22 \text{ (khay)}$$

Đáp số: 22 khay

Bài 5: Viết số thích hợp vào ô trống. VBT/104

- GV yêu cầu Hs nêu kết quả bài làm của mình và cách thực hiện

- HS nối tiếp trình bày

a) Thực hiện từ phải sang trái.

Lấy 6 nhân 3 bằng 18 viết 8 vào ô vuông nhớ 1.

6 nhân 0 bằng 0 (viết 0 vào ô trống) nhớ 1 bằng 1 viết 1

6 nhân 1 bằng 6. Vậy kết quả là:

$$103 \times 6 = 618$$

b) kết quả là: $44 \times 7 = 308$

c) $215 \times 3 = 645$

3. HĐ Vận dụng

- GV tổ chức HS trò chơi: “Ai nhanh hơn”

- GV nêu cách chơi: GV sẽ chia lớp thành 4 đội (tổ), GV nêu phép tính (tính nhẩm với số tròn nghìn), Hs nêu kết quả. Sau 7 lượt chơi, đội nào có kết quả đúng nhiều nhất và nhanh là đội chiến thắng.
- GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi
- GV nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

TOÁN

Bài 41: ÔN TẬP PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 100, 1000 (TIẾT 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:
- + Thực hiện phép nhân, chia số có ba chữ số với (cho) số có một chữ số.
- + Tìm thành phần chưa biết trong phép tính nhân, chia số có ba chữ số với (cho) số có một chữ số.

- + Cách xác định $\frac{1}{6}$, $\frac{1}{8}$ của một nhóm đồ vật.

- + Cách giải và trình bày giải bài toán có hai bước liên quan đến bài toán gấp lên một số lần.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- 1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

- 2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
-------------------------	------------------------

<p>1. HĐ Khởi động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: + Thực hiện phép nhân, chia số có ba chữ số với (cho) số có một chữ số. + Tìm thành phần chưa biết trong phép tính nhân, chia số có ba chữ số với (cho) số có một chữ số. + Cách xác định $\frac{1}{6}$, $\frac{1}{8}$ của một nhóm đồ vật. + Cách giải và trình bày giải bài toán có hai bước liên quan đến bài toán gấp lên một số lần. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
<p>2. HĐ Luyện tập, thực hành.</p> <p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 3, 4/ 104, 105 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 104, 105 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng (VBT tr.104) - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  <i>Gv chốt cách thực hiện phép nhân, chia số có ba chữ số với (cho) số có một chữ số</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời cá nhân a) chọn C b) chọn B c) chọn D - Học sinh nhận xét
<p>* Bài 2: Số? (VBT tr. 105)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập - Yêu cầu HS nêu cách làm 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nối tiếp nêu: a) 35. Vì muốn tìm thừa số chia

<p>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</p> <p>🏠 Gv chốt cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính nhân, chia số có ba chữ số với (cho) số có một chữ số.</p>	<p>biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết. Ta lấy: $280 : 8 = 35$</p> <p>b) 972. Vì muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia. Ta lấy: $108 \times 9 = 972$</p> <p>c) 14. Vì muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương. Ta lấy: $84 : 6 = 14$</p> <p>d) 23. Vì muốn tìm thừa số chia biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết. Ta lấy: $161 : 7 = 23$</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>*Bài 3: VBT/105</p> <p>- GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.</p> <p>+ Bài toán đã cho số cây cam là bao nhiêu chưa?</p> <p>+ Tìm số cây cam bằng cách nào?</p> <p>+ Có cây chanh và cam rồi thì tính được số cây cam và chanh bằng cách nào?</p> <p>- Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>🏠 Gv chốt cách vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.</p>	<p>- 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.</p> <p>+ Chưa</p> <p>+ lấy số cây chanh nhân 4</p> <p>+ Lấy số cây cam cộng số cây chanh</p> <p>- Lớp quan sát, nhận xét</p> <p>Bài giải:</p> <p>Số cây cam trong vườn có là: $19 \times 4 = 76$ (cây)</p> <p>Số cây cam và chanh trong vườn An có là: $19 + 76 = 95$ (cây)</p> <p>Đáp số: 95 cây</p>
<p>* Bài 4: Số (VBT tr 105)</p> <p>- GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình</p> <p>- Giải thích cách làm.</p>	<p>- HS trình bày</p> <p>$\frac{1}{6}$</p> <p>a) $\frac{1}{6}$ số quả dâu tây là 4 quả dâu tây.</p> <p>Có 24 quả dâu tây, được chia làm $\frac{1}{6}$</p> <p>6 phần. $24 : 6 = 4$ vậy $\frac{1}{6}$ của 24 là 4.</p>

<p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p> Gv chốt cách xác định $\frac{1}{6}$; $\frac{1}{8}$ thông qua các hình ảnh trực quan.</p>	<p>$\frac{1}{8}$</p> <p>b) $\frac{1}{8}$ số quả dâu tây là 3 quả dâu tây. Có 24 quả dâu tây, được chia làm 6 phần. $24 : 8 = 3$ vậy $\frac{1}{8}$ của 24 là 3.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>* Bài 5: Viết chữ số 0, 1, 2, 3 thích hợp vào chỗ trống /105</p> <p>- GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình</p> <p>- Giải thích cách làm của mình</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p> Gv chốt cách thực hiện phép nhân, chia số có ba chữ số với (cho) số có một chữ số.</p>	<p>- HS trình bày</p> <p>- $102 \times 3 = 306$.</p> <p>- HS nêu cách chọn số.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>3. HD Vận dụng</p> <p>- Muốn tìm một phần mấy của 1 hình ta làm như thế nào?</p> <p>- Muốn tìm thừa số chưa biết thực hiện như thế nào?</p> <p>- Muốn tìm số bị chia thực hiện như thế nào?</p> <p>- Muốn tìm số chia thực hiện như thế nào?</p> <p>- GV nhận xét giờ học.</p> <p>- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- HS trả lời</p> <p>- HS lắng nghe</p>
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN

CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I

Bài 42: ÔN TẬP BIỂU THỨC SỐ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kĩ năng: Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết và tính được giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính, có hoặc không có dấu ngoặc.

- So sánh được giá trị của biểu thức số có phép cộng, trừ, nhân, chia với một số.
- Giải được bài toán có nội dung thực tế bằng hai phép tính trong phạm vi 1 000.

2. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS hát - GV dẫn dắt vào bài mới - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: - Nhận biết và tính được giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính, có hoặc không có dấu ngoặc. - So sánh được giá trị của biểu thức số có phép cộng, trừ, nhân, chia với một số. - Giải được bài toán có nội dung thực tế bằng hai phép tính trong phạm vi 1000. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 106 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 106, 107 Vở Bài tập Toán. - GV cho HS làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho HS; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: * Bài 1: Tính giá trị biểu thức: (VBT	

tr.106)

- Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập

- Nêu cách làm bài của mình

- Học sinh trả lời kết quả biểu thức:

$$\begin{aligned} \text{a) } 527 - 346 + 74 &= 181 + 74 \\ &= 255 \end{aligned}$$

Vì biểu thức có phép cộng và trừ nên thực hiện từ trái sang phải.

- HS nối tiếp trả lời

$$\begin{aligned} \text{b) } 72 \times 3 : 9 &= 216 : 9 \\ &= 24 \end{aligned}$$

Vì biểu thức có phép nhân và chia nên thực hiện từ trái sang phải.

$$\begin{aligned} \text{c) } 28 + 45 - 60 &= 73 - 60 \\ &= 13 \end{aligned}$$

Vì biểu thức có phép cộng và trừ nên thực hiện từ trái sang phải.

$$\begin{aligned} \text{d) } 96 : 6 \times 8 &= 16 \times 8 \\ &= 128 \end{aligned}$$

Vì biểu thức có phép nhân và chia nên thực hiện từ trái sang phải.

- Học sinh nhận xét

- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.

 *Gv chốt cách nhận biết và tính được giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính, có hoặc không có dấu ngoặc.*

*** Bài 2: Tính giá trị biểu thức: (VBT tr.106)**

- Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập

- Nêu cách làm bài của mình

- Học sinh trả lời kết quả biểu thức:

$$\begin{aligned} \text{a) } 24 \times 3 - 52 &= 72 - 52 \\ &= 20 \end{aligned}$$

Vì biểu thức có phép nhân và trừ nên thực hiện nhân trước trừ sau.

- HS nối tiếp trả lời

$$\begin{aligned} \text{b) } 518 + 70 \times 5 &= 518 + 350 \\ &= 868 \end{aligned}$$

Vì biểu thức có phép nhân và cộng nên thực hiện nhân trước cộng sau.

$$\begin{aligned} \text{c) } 91 : 7 + 69 &= 13 + 69 \\ &= 82 \end{aligned}$$

<p>- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.</p> <p> <i>Gv chốt cách nhận biết và tính được giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính, có hoặc không có dấu ngoặc.</i></p>	<p>Vì biểu thức có phép chia và cộng nên thực hiện chia trước cộng sau.</p> <p>d) $200 - 18 \times 5 = 200 - 90$ $= 110$</p> <p>Vì biểu thức có phép chia và trừ nên thực hiện chia trước trừ sau.</p> <p>- Học sinh nhận xét</p>
<p>* Bài 3: VBT/106</p> <p>- GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.</p> <p>+ Theo đề toán thì có mấy lớp mỗi lớp có 31 học sinh, và mấy lớp có 34 học sinh?</p> <p>+ Mỗi lớp có 31 học sinh, vậy 6 lớp thì có bao nhiêu học sinh?</p> <p>+ Có tổng số học sinh của 6 lớp và học sinh 1 lớp đề bài cho, thì tính học sinh toàn trường như thế nào?</p> <p>- Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p> <p> <i>Gv chốt cách giải được bài toán có nội dung thực tế bằng hai phép tính trong phạm vi 1000.</i></p>	<p>- 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.</p> <p>+ Tổng cộng có 7 lớp, 1 lớp có 34 học sinh, và 6 lớp mỗi lớp có 31 học sinh.</p> <p>+ Tính số học sinh 6 lớp ta lấy học sinh 1 lớp nhân với 6.</p> <p>Tức là: 31×6</p> <p>+ Lấy tổng số học sinh 6 lớp + với học sinh 1 lớp còn lại.</p> <p>- Lớp quan sát, nhận xét</p> <p>Bài giải:</p> <p>Số học sinh 6 lớp có là:</p> <p>$6 \times 31 = 186$ (học sinh)</p> <p>Số học sinh khối Ba trường đó có tất cả là:</p> <p>$186 + 34 = 220$ (học sinh)</p> <p>Đáp số: 220 học sinh</p>
<p>* Bài 4.a): Tô màu vào ô tô ghi biểu thức có giá trị lớn hơn 90. VBT/107.</p> <p>- GV yêu cầu HS nêu bài toán.</p> <p>- Nêu cách làm bài của mình</p> <p>- Cho HS nêu kết quả bài tập.</p>	<p>- HS nêu</p> <p>- Cần thực hiện tính giá trị biểu thức được ghi trên ô tô, sau đó xác định kết quả và so sánh với 90. Ô tô nào có giá trị lớn hơn 90 thì tô màu.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương <p>Bài 4.b): Tô màu vào ô tô ghi biểu thức có giá trị bé nhất. VBT/107.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS nêu kết quả bài tập. <p>🔧 Gv chốt cách so sánh được giá trị của biểu thức số có phép cộng, trừ, nhân, chia với một số.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tô màu ô tô có ghi biểu thức: $70 + 80 : 2$ $100 : 5 + 80$ $30 + 40 \times 2$ - HS nhận xét <ul style="list-style-type: none"> - Tô màu ô tô có ghi biểu thức: $20 \times 5 - 20$ (vì kết quả bằng 80)
<p>* Bài 5: Viết dấu phép tính “+ , -” thích hợp vào ô trống: VBT/107.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu bài toán - Cho HS nêu kết quả bài tập. - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: biểu thức có phép nhân và trừ thì ta thực hiện nhân trước trừ sau. <p>🔧 Gv chốt cách nhận biết và tính được giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu
<p>3. HD Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu cách thực hiện tính giá trị biểu thức khi có phép tính cộng, trừ, nhân, chia. - GV yêu cầu HS nêu cách thực hiện tính giá trị biểu thức khi có phép tính cộng, trừ hoặc nhân, chia. - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Biểu thức có phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện nhân chia trước cộng trừ sau. - HS trả lời: Biểu thức có phép tính cộng, trừ hoặc nhân, chia ta thực hiện từ trái sang phải. - HS lắng nghe
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TUẦN 18

TOÁN

CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I

Bài 42: ÔN TẬP BIỂU THỨC SỐ (T2) – Trang 107

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù: Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:

- Tính được giá trị của biểu thức có hai dấu phép tính có và không có dấu ngoặc.

- Giải được bài toán thực tế bằng hai phép tính nhân, chia trong phạm vi 1 000.
- Phát triển năng lực tư duy, lập luận và rèn kĩ năng tính giá trị của biểu thức.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. **Giáo viên:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. **Học sinh:** Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Tính giá trị biểu thức. a. $83 + 13 - 76$ b. $547 - 264 - 200$ c. $6 \times 3 : 2$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi - HS làm bài tập a. $83 + 13 - 76 = 96 - 76 = 20$ b. $547 - 264 - 200 = 283 - 200 = 83$ c. $6 \times 3 : 2 = 18 : 2 = 9$ - HS lắng nghe.
2. HĐ Luyện tập, thực hành. Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài. - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 3,4/ Trang 107,108 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4,5/ Trang 107 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.	- HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
Hoạt động 2: Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: Bài 1: Yêu cầu HS tính được và trình bày cách tính giá trị của biểu thức: - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời	- HS tính được và trình bày cách tính giá trị của biểu thức, chẳng hạn: - HS nối tiếp trả lời

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt. <p>🏠 Gv chốt cách Tính giá trị biểu thức: <i>Ưu tiên dấu ngoặc, Nhân chia trước, Cộng trừ sau.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét
<p>Bài 2: Yêu cầu HS tính được và trình bày cách tính giá trị của biểu thức <u>bằng cách thuận tiện</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời + Muốn tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện ta làm như thế nào? - GV và HS chữa bài cho HS. GV có thể hướng dẫn HS cách làm dễ hơn dựa vào tính chất kết hợp của phép cộng và phép nhân. - GV nhận xét bài làm, khen học sinh thực hiện tốt. <p>🏠 Gv chốt cách Tính giá trị biểu thức bằng cách thuận tiện nhất</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS tính được và trình bày cách tính giá trị của biểu thức, chẳng hạn: - HS nối tiếp trả lời + Ta đổi chỗ vị trí các số để tạo thành số tròn chục, tròn trăm - Học sinh nhận xét
<p>* Bài 3: Nối</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS. - Yêu cầu HS tính được giá trị của biểu thức ghi ở mỗi chú mèo rồi nêu (nói) với số ghi ở con cá là giá trị của biểu thức đó. - GV chốt kết quả - Tùy đối tượng HS và lớp, GV có thể hỏi thêm: “Biểu thức nào có giá trị lớn nhất, bé nhất?”. - HS có thể nhẩm tính ra kết quả hoặc viết vào bảng con hoặc giấy nháp tính theo hai bước tính để tìm giá trị của biểu thức. - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án. <p>🏠 Gv chốt cách Tính giá trị biểu thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe cách thực hiện - Lắng nghe Gv hướng dẫn. - HS làm bài tập vào vở, kiểm tra chéo. - HS lắng nghe, quan sát
<p>Bài 4. Giải bài toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tìm hiểu đề bài: + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? + Phải làm phép tính gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài. - HS trả lời câu hỏi: + 280 cái bánh vào các hộp. Mỗi hộp 8 cái bánh..Mỗi thùng 5 hộp. + Đóng được bao nhiêu thùng bánh? + Thực hiện phép chia và chia - HS làm bài vào vở. - 1HS làm vào bảng nhóm và trình bày trước lớp.

<ul style="list-style-type: none"> - GV và HS chữa bài cho HS - GV nhận xét, tuyên dương 	<p>Bài giải</p> <p>Người ta đóng được số hộp bánh là: $280 : 8 = 35$ (hộp)</p> <p>Người ta đóng được số thùng bánh là: $35 : 5 = 7$ (thùng)</p> <p>Đáp số: 7 thùng bánh</p>
<p>Bài 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS tìm hiểu đề bài rồi suy nghĩ cách làm bài. - GV có thể giải thích cho HS hiểu yêu cầu của bài: Thay dấu “?” bằng dấu phép tính sao cho giá trị của biểu thức đó lớn nhất hoặc bé nhất. + Để biểu thức có giá trị lớn nhất thì biểu thức trong dấu ngoặc phải có giá trị lớn nhất. Biểu thức trong dấu ngoặc có hai số 3 nên dấu “?” phải là dấu để biểu thức trong dấu ngoặc có giá trị lớn nhất là 9. + Để biểu thức có giá trị bé nhất thì biểu thức trong dấu ngoặc phải có giá trị bé nhất. Biểu thức trong dấu ngoặc có hai số 3 nên dấu “?” phải là dấu để biểu thức trong dấu ngoặc có giá trị bé nhất là 0. - GV nhận xét tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs suy nghĩ và thực hiện - HS nêu kết quả:
<p>3. HĐ Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết cách tính được giá trị của biểu thức có hai dấu phép tính có và không có dấu ngoặc. Giải được bài toán thực tế bằng hai phép tính nhân, chia trong phạm vi 1 000. - Nhận xét, tuyên dương - GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + HS trả lời:.....
<p>IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN
CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I
Bài 43: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T1) – Trang 109

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù: Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:

- Nhận biết được góc vuông, góc không vuông, trung điểm của đoạn thẳng.
- Nhận biết được khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ và các yếu tố: đỉnh, cạnh của khối hộp chữ nhật.
- Vẽ được hình tam giác, hình chữ nhật, hình vuông trên giấy ô vuông.
- Nhận biết được tâm, bán kính, đường kính của hình tròn.
- Phát triển năng lực tư duy trừu tượng, mô hình hoá, năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Quan sát hình, nêu tên từng hình - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Hình vuông, tam giác, hình chữ nhật, khối lập phương, hình trụ. - HS lắng nghe.
2. HĐ luyện tập, thực hành	
<p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3,4/ Trang 109,110 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4,5/ Trang 109,110 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài tập Bài 1.</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài. - Câu a: GV hướng dẫn HS nhận dạng góc vuông, góc không vuông. - Câu b: Cách nhận biết trung điểm của đoạn thẳng. - GV nhận xét, tuyên dương <p><i>Gv chốt cách đo góc vuông, góc không vuông, trung điểm của đoạn thẳng</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài - HS trả lời trước lớp
<p>Bài 2: Vẽ hình theo mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc yêu cầu. - GV hướng dẫn HS chấm các đỉnh của hình cần vẽ rồi nối các đỉnh theo hình mẫu. - GV và HS chữa bài. - GV nhận xét, tuyên dương <p><i>Gv chốt cách vẽ hình theo mẫu</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu của bài - HS làm vào vở - HS trao đổi bài để kiểm tra
<p>Bài 3: Nêu tên đường kính, bán kính</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc yêu cầu của bài rồi làm bài. - GV hướng dẫn HS xác định tâm của hình tròn rồi từ đó xác định bán kính, đường kính của hình tròn. - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương. <p><i>Gv chốt cách xác định tâm, bán kính, đường kính của hình tròn</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu của bài - HS ghi câu trả lời vào vở - HS trao đổi bài để kiểm tra
<p>Bài 4: số?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của bài rồi làm bài. - GV YC HS nêu kết quả - GV Nhận xét, tuyên dương. <p><i>Gv chốt cách xác định khối lập phương, khối trụ, khối cầu</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài - HS làm bài và trình bày kết quả: 16 khối lập phương, 3 khối trụ, 1 khối cầu
<p>Bài 4. Củng cố nhận dạng khối hộp chữ nhật và số đỉnh của nó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của bài rồi làm bài. - GV hướng dẫn HS nhận biết những khối lập phương ở vị trí nào thì được sơn 3 mặt và 2 mặt, từ đó tìm ra kết quả. - GV Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài - HS làm bài - Đại diện HS trình bày <ul style="list-style-type: none"> a/ 8 khối gỗ được sơn 3 mặt b/ 8 khối gỗ được sơn 2 mặt
<p>3. HĐ Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng tính được giá trị của biểu thức số (có dấu ngoặc hoặc không có dấu ngoặc). 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Yêu cầu HS nhắc lại tính được giá trị của biểu thức số.
- Nhận xét tiết học, tuyên dương

- HS nhắc lại.
- + HS lắng nghe và trả lời.

4. Điều chỉnh sau bài dạy:

.....

.....

.....

TOÁN

CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I

Bài 43: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (T2) – Trang 111

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù: Giúp học sinh củng cố kiến thức, kỹ năng:

- Có biểu tượng và nhận biết được các đơn vị mm, ml, g, độ C; tính được độ dài đường gấp khúc; xác định được cân nặng của một số đồ vật có đơn vị là g (gam) dựa vào cân hai đĩa;

- Ước lượng được số đo của một số đồ vật có đơn vị là mm, ml, g, độ C; thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia với số đo liên quan đến đơn vị mm, ml, g; Giải được bài toán thực tế có hai phép tính liên quan đến số đo khối lượng.

- Phát triển năng lực tư duy trừu tượng, mô hình hoá, năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực tư duy và lập luận: Khám phá kiến thức mới, vận dụng giải quyết các bìa toán.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Đọc tên các đơn vị đo đã học - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Trả lời: - HS lắng nghe.
2. HĐ luyện tập, thực hành	
<p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2,3,4/ Trang 111,112 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3,4,5/ Trang 111,112 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - Hs làm bài

<p>cô chấm chữa lên làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài tập</p> <p>Bài 1: Tính độ dài đường gấp khúc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài. <p>+ Nêu cách tính độ dài đường gấp khúc?</p> <p>+ <u>Giải thích cách tính cân nặng của 3 quả xoài?</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. <p> <i>Gv chốt cách tính độ dài đường gấp khúc, cách sử dụng cân</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu của bài rồi làm bài vào vở. - HS làm vào bảng nhóm, trình bày trước lớp. <p>a/ Độ dài đường gấp khúc ABCD là: $35 \times 3 = 105$ (mm)</p> <p>b/ Cả ba quả xoài cân nặng 800g</p>
<p>Bài 2: Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng</p> <p>Chọn số đo thích hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc yêu cầu của bài. - GV trình chiếu câu hỏi, HS chọn đáp án đúng nhất. - GV và HS nhận xét bạn, chữa bài <p>- <u>GV nhận xét, tuyên dương</u></p> <p> <i>Gv chốt BT củng cố về các đơn vị đo đã học</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu của bài - HS làm vào vở - HS trả lời các câu hỏi <p>a/ B b/ B c/ C d/ A</p>
<p>Bài 3: Tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc yêu cầu của bài rồi làm bài. - GV theo dõi và hỗ trợ HS - Gọi HS làm trên bảng lớp. - YC HS chữa bài và nhận xét, nêu cách thực hiện các phép toán liên quan đến đơn vị đo - GV nhận xét tuyên dương. <p> <i>Gv chốt cách thực hiện các phép tính với các đơn vị đo</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu của bài - HS làm bài vào vở - HS nhận xét <p>+ ta thực hiện các phép toán với số đo sau đó ta thêm đơn vị vào sau kết quả vừa tìm được</p>
<p>Bài 4. Giải bài toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài.

<p>cầu của bài rồi làm bài.</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu đề bài:</p> <p>+ Bài toán cho biết gì?</p> <p>+ Bài toán hỏi gì?</p> <p>+ Phải làm phép tính gì?</p> <p>- GV và HS chữa bài cho HS</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS trả lời câu hỏi:</p> <p>+ 1 gói mì tôm nặng 75g, 1 hộp ngũ cốc nặng 500g</p> <p>+ 5 gói mì tôm và 1 hộp ngũ cốc nặng bao nhiêu kg?</p> <p>+ Thực hiện phép nhân và cộng</p> <p>- HS làm bài vào vở.</p> <p>- 1HS làm vào bảng nhóm và trình bày trước lớp.</p> <p><i>Bài giải</i></p> <p>5 gói mì tôm cân nặng là:</p> $75 \times 5 = 375 \text{ (g)}$ <p>3 gói mì tôm và 1 hộp sữa cân nặng tất cả là:</p> $375 + 500 = 875 \text{ (g)}$ <p><i>Đáp số: 875 g.</i></p>
<p>Bài 5.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài:</p> <p>+ Bài toán cho biết gì?</p> <p>+ Bài toán hỏi gì?</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS đọc đề bài:</p> <p>+ Một cái cân 2 đĩa, 1 quả cân 5kg và 1 quả cân 2 kg</p> <p>+ Hỏi làm thế nào lấy được 3 kg gạo từ một bao gạo to?</p> <p>- HS làm bài</p> <p>- Đại diện HS trình bày:</p> <p>+ Bên đĩa bên phải ta đặt quả cân 5 kg.</p> <p>+ Bên đĩa bên trái ta đặt quả cân 2 kg.</p> <p>+ Ta lấy gạo từ bao to lên đĩa bên trái. Bao giờ thấy đồng hồ kim chỉ cân bằng tức là đã lấy đủ 3 kg gạo.</p>
<p>3. HĐ Vận dụng.</p> <p>- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh có biểu tượng và nhận biết được các đơn vị mm, ml, g, độ C; tính được độ dài đường gấp khúc; xác định được cân nặng của một số đồ vật có đơn vị là g (gam) dựa vào cân hai đĩa; Ước lượng được số đo của một số đồ vật có đơn vị là mm, ml, g, độ C; thực hiện được</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ HS trả lời:.....tiễn.lắng nghe và trả lời.</p>

phép cộng, trừ, nhân, chia với số đo liên quan
đến đơn vị mm, ml, g;
+ Bài toán:....
- Nhận xét, tuyên dương

4. Điều chỉnh sau bài dạy:

.....
.....
.....

TOÁN
CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I
Bài 44: ÔN TẬP CHUNG (T1) – Trang 113

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố về phép tính nhân, chia số có hai, ba chữ số với (cho) số có một chữ số, tính giá trị của biểu thức, về hình học (trung điểm của đoạn thẳng, góc vuông, đường gấp khúc,...), về đo lường, về giải toán có lời văn (hai bước tính).
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực tư duy và lập luận: Khám phá kiến thức mới, vận dụng giải quyết các bài toán.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Muốn tìm số lớn gấp mấy lần số bé ta làm thế nào? + Câu 2: Nêu 1 ví dụ cụ thể - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi và trả lời: . - HS lắng nghe.
2. HĐ luyện tập, thực hành	
<p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1,2, 5/ Trang 113,114 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ Trang 113,114 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. -Hs làm bài

<ul style="list-style-type: none"> - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài tập</p> <p>Bài 1. Đặt tính rồi tính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài - GV quan sát và hỗ trợ HS - Gọi HS làm trên bảng lớp. - GV và HS nhận xét, chữa bài của bạn. - GV nhận xét, tuyên dương. <p><i>📌 Gv chốt cách nhân số có ba chữ số với số có một chữ số</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài - HS nêu cách thực hiện phép tính nhân. - HS làm bài vào vở - Trao đổi nhóm đôi, chữa bài
<p>Bài 2. Đặt tính rồi tính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài - GV quan sát và hỗ trợ HS - Gọi HS làm trên bảng lớp. - GV và HS nhận xét, chữa bài của bạn. - GV nhận xét, tuyên dương. <p><i>📌 Gv chốt cách chia số có hai chữ số với số có một chữ số</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> -- HS đọc yêu cầu của bài - HS nêu cách thực hiện phép tính nhân. - HS làm bài vào vở - Trao đổi nhóm đôi, chữa bài
<p>Bài 3: Tìm trung điểm, góc vuông, đỉnh của hình?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV trình chiếu hình ảnh, hỏi HS. - Gọi HS trả lời trước lớp <p>+ YC HS nêu cách đo trung điểm của đoạn thẳng; các góc vuông và góc không vuông</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương. <p><i>📌 Gv chốt cách đo góc vuông, góc không vuông, xác định trung điểm của đoạn thẳng</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài - HS ghi câu trả lời vào vở - HS đọc kết quả trước lớp a) O là trung điểm của đoạn thẳng AC và đoạn thẳng BD. b) Các góc vuông có trong hình vẽ là: BAD, ABC, BCD, CAD. c) Các góc không vuông có chung đỉnh O là: OAD, ODC, OCB, OAB.
<p>Bài 4. Tính giá trị của biểu thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu lại cách tính giá trị của biểu thức 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài - HS nêu: câu a tính từ trái sang phải.

<ul style="list-style-type: none"> - GV quan sát và giúp đỡ HS - GV và HS nhận xét, chữa bài cho HS - GV Nhận xét, tuyên dương. <p> <i>Gv chốt cách tính giá trị biểu thức</i></p>	<p>Câu b tính trong ngoặc trước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm vào vở, đổi vở kiểm tra bài bạn. - HS làm trên bảng lớp <p>a) $216 + 148 - 144 = 364 - 144 = 220$</p> <p>b) $216 \times (148 - 144) = 216 \times 4 = 864$</p>
<p>Bài 4. Giải bài toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của bài rồi làm bài. - GV cho HS tìm hiểu đề bài: <p>+ Bài toán cho biết gì?</p> <p>+ Bài toán hỏi gì?</p> <p>+ Phải làm phép tính gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV và HS chữa bài cho HS 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài. - HS trả lời câu hỏi: <p>+ 1 thùng đựng 120lít nước mắm, lấy ra 7 can , mỗi can 10lít.</p> <p>+ Trong thùng còn lại bao nhiêu lít nước mắm?</p> <p>+ Thực hiện phép nhân và trừ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài vào vở. - 1HS làm vào bảng nhóm và trình bày trước lớp. <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p style="text-align: center;">7 can chứa số lít nước mắm là:</p> <p style="text-align: center;">$7 \times 10 = 70$ (lít)</p> <p style="text-align: center;">Trong thùng còn lại số lít nước mắm là:</p> <p style="text-align: center;">$120 - 70 = 50$ (lít)</p> <p style="text-align: center;">Đáp số: 50 lít.</p>
<p>3. HĐ Vận dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh biết thực hiện nhân, chia số có hai, ba chữ số với (cho) số có một chữ số, tính giá trị của biểu thức, về hình học, về đo lường, về giải toán có lời văn. <p>+ Bài toán:....</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. <p>+ HS trả lời:.....</p>
<p>IV. Điều chỉnh sau bài dạy:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

TOÁN
CHỦ ĐỀ 7: ÔN TẬP HỌC KÌ I
Bài 44: ÔN TẬP CHUNG (T2) – Trang 114

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố về phép tính nhân, chia số có hai, ba chữ số với (cho) số có một chữ số, tính giá trị của biểu thức, về hình học (trung điểm của đoạn thẳng, góc vuông, đường gấp khúc,...), về đo lường, về giải toán có lời văn (hai bước tính).
- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực tư duy và lập luận: Khám phá kiến thức mới, vận dụng giải quyết các bài toán.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

2. Học sinh: Vở bài tập toán, bút, thước

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Quan sát hình, nêu tên trung điểm. Tìm đỉnh, góc vuông có trong hình. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Trả lời miệng trước lớp. - HS lắng nghe.
2. HĐ luyện tập, thực hành	
<p>Hoạt động 1: GV giao BT cho HS làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1(về 1,2), 2(về 1,2), 3, 4, 5/ Trang 114, 115 Vở Bài tập Toán. - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3,4,5/ Trang 114,115 Vở Bài tập Toán. - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút. - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở. - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.

<ul style="list-style-type: none"> - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hs làm bài - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài.
<p>Hoạt động 2: Chữa bài tập</p> <p>Bài 1. Đặt tính rồi tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Yêu cầu HS đặt tính rồi tính các phép nhân. - GV quan sát và hỗ trợ HS - YC HS làm trên bảng lớp. - GV và HS nhận xét, chữa bài của bạn. - GV nhận xét, tuyên dương. <p>🔗 Gv chốt cách nhân số có ba chữ số với số có một chữ số</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài - HS nêu cách thực hiện phép tính nhân. - HS làm bài vào vở - Trao đổi nhóm đôi, chữa bài
<p>Bài 2. Đặt tính rồi tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Yêu cầu HS đặt tính rồi tính các phép chia. - GV quan sát và hỗ trợ HS - Gọi HS làm trên bảng lớp. - GV và HS nhận xét, chữa bài - GV nhận xét, tuyên dương. <p>🔗 Gv chốt cách chia số có ba chữ số với số có một chữ số</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài - HS nêu cách thực hiện phép tính nhân. - HS làm bài vào vở - Trao đổi nhóm đôi, chữa bài
<p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đề bài <p>a: Tính độ dài đường gấp khúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi HS cách tính độ dài đường gấp khúc. - HS trả lời trước lớp - HS nhận xét lẫn nhau. <p>b: Ước lượng cân nặng túi muối</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS quan sát các quả cân 200 g 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài: - HS làm bài vào vở - 1HS làm vào bảng nhóm - HS đọc kết quả trước lớp <p>a) Trong hình vẽ trên có ba đường gấp khúc. Đoạn AB = 34 mm; BC = 18 mm; CD = 45 mm. Độ dài đường gấp khúc ABCD là: $34 + 18 + 45 = 97$ (mm). Độ dài đường gấp khúc ABCD như hình vẽ là 97 mm.</p> <p>b) Túi đường cân nặng bằng ba quả cân: 100 g, 200 g và 500 g.</p>

<p>và 100 g, từ đó tính được gói muối cân nặng bao nhiêu gam?</p> <p>- HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>c: Lượng nước ban đầu trong bình.</p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ và tìm ra lượng nước ban đầu</p> <p>- HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p> <i>Gv chốt BT cuảng cổ về các đơn vị đo</i></p>	<p>Túi đường trong hình cân nặng là: $100 + 200 + 500 = 800$ (g).</p> <p>Túi đường trong hình bên cân nặng 800 g.</p> <p>c) Rót hết nước từ một cái bình vào 3 can, mỗi can chứa 200 ml. Lượng nước ban đầu trong bình là: $200 + 200 + 200 = 600$ (ml). Lượng nước ban đầu trong bình là 600 ml.</p>
<p>Bài 4. Tính giá trị của biểu thức</p> <p>- GV cho HS nêu lại cách tính giá trị của biểu thức</p> <p>- GV quan sát và giúp đỡ HS</p> <p>- GV và HS nhận xét, chữa bài</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p> <i>Gv chốt cách tính giá trị biểu thức</i></p>	<p>- HS đọc yêu cầu của bài</p> <p>- HS nêu: câu a tính từ trái sang phải. Câu b tính trong ngoặc trước.</p> <p>- HS làm vào vở, đổi vở kiểm tra bài bạn.</p> <p>- HS làm trên bảng lớp</p> <p>a) $32 \times 6 : 3 = 192 : 3$ $= 64$</p> <p>b) $32 \times (6 - 3) = 32 \times 3$ $= 96$</p>
<p>Bài 5. Giải bài toán</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của bài rồi làm bài.</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu đề bài:</p> <p>+ Bài toán cho biết gì?</p> <p>+ Bài toán hỏi gì?</p> <p>+ Phải làm phép tính gì?</p>	<p>- HS đọc yêu cầu của bài.</p> <p>- HS trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Ngày đầu trồng được 235 cây, ngày sau trồng được nhiều hơn ngày đầu 80 cây.</p> <p>+ Cả hai ngày đội trồng cây đó trồng được bao nhiêu cây?</p> <p>+ Thực hiện phép cộng</p> <p>- HS làm bài vào vở.</p> <p>- 1HS làm vào bảng nhóm và trình bày trước lớp.</p> <p><i>Bài giải</i></p> <p>Ngày thứ hai trồng được số cây là: $235 + 80 = 315$ (cây)</p> <p>Cả hai ngày đội trồng cây đó trồng được số cây là:</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV và HS chữa bài cho HS - GV nhận xét, tuyên dương. 	$235 + 315 = 550$ (cây) Đáp số: 550 cây.
3. HD Vận dụng.	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi. - Thi đua đặt và giải bài toán có hai phép tính liên quan đến dạng toán đã học. - Nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. + HS thi đua nêu bài toán và trình bày.
4. Điều chỉnh sau bài dạy:	